

PHONG TỤC
THỜ CÚNG
TỔ TIÊN
TRONG GIA ĐÌNH
VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

TOAN ÁNH

**PHONG TỤC
THỜ CÚNG TỔ TIÊN
TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC

Phần I

THỜ CÚNG TỔ TIÊN

A. PHONG TỤC THỜ CÚNG

Dân Việt Nam rất trọng lễ, và trọng lễ thì ân nghĩa giữ phần quan trọng.

Tổ tiên sinh ra ông bà, ông bà sinh ra cha mẹ, cha mẹ sinh ra mình. Người con hiếu thảo biết ơn nghĩa sinh thành của cha mẹ, và đã hiếu với cha mẹ phải hiếu với ông bà tổ tiên tức là nguồn gốc của mình.

Lúc ông bà cha mẹ còn sống, con cháu phải phụng dưỡng, phải tuân theo những lời dạy bảo của các Người, phải lựa ý chiều chuộng các Người, phải ăn ở sao để cho các Người được hài lòng.

Khi các Người trăm tuổi, ngoài việc lo ma chay chôn cất, con cháu phải thờ cúng các Người, cũng như thờ cúng tổ tiên về trước.

Thờ cúng tổ tiên là lập bàn thờ tại nhà và cúng bái trong những ngày sóc vọng giỗ Tết.

Người Việt Nam ngoài tôn giáo của mình thường có

thờ cúng tổ tiên, kê cả những người theo Thiên chúa giáo.

Thực ra thờ cúng tổ tiên không phải là một tôn giáo, do đó không thể gọi là Đạo giáo, vì một đạo phái phải có giáo chủ và giáo điều và việc thi hành đạo phải qua trung gian tu sĩ. Thờ cúng tổ tiên do lòng thành kính và biết ơn của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, cụ kỵ đã khuất mà thôi.

Phan Kế Bính trong Việt Nam phong tục đã viết:

“Xét cái tục phụng sự tổ tiên của ta là thành kính, ấy cũng là một lòng bất vong bản, ấy cũng là nghĩa của người.”

Cây có gốc mới nở ngành xanh ngọn, nước có nguồn mới bể rộng sông sâu, thì con người ta phải có tổ tiên mới có thể có mình được. Bỏ tổ tiên không thờ cúng tức là quên nguồn gốc, huống chi ông bà là những người đã sinh dưỡng cha mẹ và cha mẹ là những người đã sinh dưỡng mình.

Những người theo Thiên Chúa giáo, tuy không lập bàn thờ tổ tiên, nhưng không phải là không thờ cúng tổ tiên. Những ngày giỗ chạp họ vẫn làm cỗ và cầu nguyện cho người đã khuất, và việc không có bàn thờ tổ tiên chỉ là việc chuyển đổi bàn thờ tổ tiên đến bàn thờ Chúa, như vậy nghĩa là vẫn có sự thờ cúng tổ tiên qua bàn thờ Chúa. Kể từ năm 1968, họ được Tòa Thánh Vatican cho phép thiết lập bàn thờ tổ tiên như mọi gia đình Việt Nam khác

QUAN NIỆM THỜ CÚNG TỔ TIÊN

Trong quan niệm dân gian Việt Nam, qua việc thờ cúng tổ tiên, giới vợ hình và giới hữu hình luôn luôn như có một sự liên lạc mật thiết. Sự thờ cúng chính là môi trường gặp gỡ của thế giới hữu hình và vũ trụ thần linh.

Đối với người Việt Nam cổ, chết chưa phải là hết, thể xác tuy chết đi nhưng linh hồn vẫn còn và vẫn hằng lui tới gia đình. Thể xác tiêu tan nhưng linh hồn bất diệt.

Tục ta lại tin rằng dương sao âm vậy, người sống cần gì, sống làm sao thì người chết cũng như vậy và cũng có một cuộc "SỐNG" ở cõi âm như cuộc của người trên dương thế, nói khác đi, người chết cũng cần ăn, uống, tiêu pha, nhà ở như người sống.

Tin như vậy, việc cúng lễ là cần thiết, và việc thờ cúng tổ tiên không thể không thờ được.

Tục lại còn tin rằng vong hồn người khuất thường luôn ngự trên bàn thờ để gần gũi con cháu, theo dõi con cháu trong công việc hàng ngày và giúp đỡ con cháu trong từng trường hợp cần thiết.

Sự tin tưởng vào vong hồn ông bà cha mẹ ngự trên giường thờ, có ảnh hưởng nhiều đến hành động của người sống. Nhiều người vì sợ vong hồn cha mẹ buồn đã tránh những hành vi xấu xa, và đôi khi định làm một

công việc gì cũng suy tính kỹ lưỡng, xem công việc lúc sinh thời cha mẹ có chấp nhận hay không. Người ta sợ làm cho vong hồn cha mẹ phải tủi hổ qua hành động của mình và mang tội bất hiếu.

CẦU CÚNG LỄ BÁI

Quan niệm vong hồn gia tiên luôn luôn ở gần mình, người sống như được tiếp xúc với giới vô hình qua mọi việc cầu cúng lễ bái.

Theo Phan Kế Bính, *mỗi tuần tiết học hoặc ngày kỵ, đều có thể làm lễ cáo gia tiên, hoặc mùa có của mới, gạo mới hoặc khi có việc hiếu hi.*

Nhất nhất mỗi biến cố xảy ra trong gia đình, gia chủ đều khấn vái gia tiên, trước là để trình bày sự kiện, sau là để xin sự phù hộ giúp đỡ.

Nhà nuôi được lứa lợn lớn, đem bán xong, gia chủ cũng có cái lễ mọn gồm trầu cau vàng rượu hoa quả để cáo gia tiên. Đây cũng là một cách lễ tạ ơn vì gia tiên đã phù hộ cho lứa lợn nuôi được trót lọt.

Nửa đêm, con trẻ trong nhà bất thần trở mình đau sốt, gia chủ lập tức khấn vái gia tiên để xin phù hộ cho đứa trẻ được tốt lành tai qua nạn khỏi. Lúc này, đêm hôm nếu có trầu cau càng tối, bằng không chỉ cần chén nước lạnh với lòng thành thắp hương khấn vái trên giường thờ là đủ.

Người đi buôn gặp dịp buôn may bán đắt, không bao giờ quên lễ tạ gia tiên, cũng như lúc bắt đầu bỏ vốn ra buôn bán, đã có sự cầu khẩn cúng lễ trước.

Mỗi khi có mùa hoa quả mới, trước khi mua ăn con cháu bao giờ cũng nghĩ đến việc mua thắp hương cúng vái các cụ, cũng như một năm hai vụ cơm mới, con cháu cũng đều có sa lễ cúng vái tổ tiên.

Nếu trong vườn nhà có một cây ăn quả, những quả chín đầu tiên phải được hái thắp hương các cụ.

Đây chỉ là những việc nhỏ được kể ra, còn những biến cố quan trọng khác của gia đình, gia trưởng đều có lễ cáo gia tiên.

- Vợ sinh con
- Con đầy cữ, đầy tháng, đầy năm.
- Con cái bắt đầu đi học.
- Con cái sửa soạn đi thi.
- Con cái thi đỗ
- Gả chồng cho con gái, dựng vợ cho con trai.
- Lập được công danh nghĩa là được bầu vào hàng chức sắc trong làng.
- Mua được nhiều được xă
- Được thưởng phẩm hàm
- Khao vọng
- Xây dựng nhà mới, nhiều khi chỉ lát gạch một chiếc

sân, hoặc xây một bức tường hoa.

- Đi dự một giải thi gì ở một hội hè nào.

Những biến cố trên là những biến cố vui mừng, con cháu trình báo tổ tiên rõ để tổ tiên chia xẻ cái mừng với con cháu, và cũng nhiều khi là dịp con cháu tạ ơn tổ tiên đã phù hộ độ trì cho mình cầu mong được nên. Tùy từng trường hợp, việc cáo gia tiên, gia chủ chỉ cần sa cái lễ nhỏ, đĩa xôi nải chuối, ly rượu, trầu cau, hoa quả, chén nước là đủ, hoặc có khi là cỗ bàn cúng mặn. Lễ vật không đáng kể, điều quan trọng là tấm lòng thành của con cháu.

Trước cúng sau ăn, lễ bái có mất đi đâu bao giờ, con cháu nhớ đến tổ tiên thì cúng, nâng cúng bái là tỏ rõ lòng hiếu thảo của mình đối với các cụ, ất vong hồn cũng vui mừng.

Những biến cố xảy ra cho gia đình, con cháu cũng trình khấn lên tổ tiên hay:

- Có người mệnh một

- Lúc bắt đầu đưa ma người mệnh một.

- Trong nhà có người ốm đau.

- Gặp những chuyện không hay như buôn bán thu lỗ, bị kiện cáo.

- Có người phải đi xa

- Cáo với gia tiên những biến cố buồn, con cháu trình

để cụ kỵ rõ mọi việc xảy ra, và đôi khi còn cầu xin các cụ phù hộ cho được qua khỏi mọi sự không may.

Ngoài những biến cố xảy ra trong gia đình, còn nhiều : : : g hợp con cháu cũng làm lễ cáo gia tiên kêu cầu khấn vái:

- Trong làng bỗng có đám cướp, gia chủ vội vàng lễ khấn tổ tiên đun dầu cho lũ cướp mau đi khỏi làng không đến quấy rối nhà mình.

- Nước đang thanh bình bỗng có loạn, con cháu cũng cầu xin tổ tiên phù hộ cho toàn gia tránh khỏi mọi tai nạn trong lúc loạn lạc.

- Một bệnh dịch phát sinh, con cháu xin với tổ tiên phù hộ tránh khỏi tai ách nguy nan.

- Trong làng mở hội con cháu vui mừng cũng có lễ cúng tổ tiên.

Tóm lại, tâm lý của nhiều người Việt Nam tin tưởng ở sự phù hộ của tổ tiên và ở sự hiện diện của tổ tiên quanh mình nên bất cứ mọi việc to nhỏ gì xảy ra liên quan tới gia đình, con cháu đều cáo gia tiên.

NGHI THỨC CÁO GIA TIÊN

Việc cúng bái tổ tiên bao giờ cũng do gia trưởng. Gia trưởng làm chủ mọi lễ nghi trong gia đình.

Mỗi lần cúng lễ đều có đồ lễ.

Đồ lễ thường gồm *trầu rượu, hoa quả, vàng hương, và nước lạnh*, nhưng trong trường hợp bất thần đêm hôm, đồ lễ có thể giảm tỉnh xuống mức tối thiểu và chỉ cần một chén nước lạnh là đủ, một nén hương thấp trên bàn thờ là đủ.

Ngoài những đồ lễ tối thiểu trên, tùy theo các gia chủ giàu nghèo và tùy những buổi lễ, *đồ lễ có thể gồm nhiều thứ khác như xôi chè, oản chuối hoặc cỗ mặn, có khi thêm đồ mã.*

Sau khi đồ lễ đã được đặt trên bàn thờ, gia trưởng *khấn áo chỉnh tề, thấp hương cắm lên bình hương, rồi đứng trước bàn thờ khấn. Trước khi khấn, gia trưởng vái ba vái và khi khấn xong gia trưởng lễ bốn lễ thêm ba vái, ta gọi là bốn lễ rước. Bàn thờ lúc đó phải có thấp đèn hoặc nến.*

Cũng có nhà có *dinh trảm*. Dinh trảm được đốt trước, khi cúng, gia trưởng chỉ việc khấn vái thôi.

Hương thấp trên bàn thờ, bao giờ cũng thấp theo số lễ một, ba, năm nén, vì số lễ thuộc âm.

Sau khi gia trưởng khấn lễ xong, các người khác trong gia đình, ngoại trừ các trẻ nhỏ cũng lần lượt tới lễ trước bàn thờ bốn lễ rước. Thường thường chỉ người vợ gia chủ và một vài người trong nhà lễ là đủ, chỉ trong những ngày giỗ, mọi người trong gia đình mới cần lễ đủ.

Ngày nay, tại các đô thị, người ta lấy vái thay lễ. Trước khi khấn người ta vái ba vái ngắn, khấn xong vái

thêm bốn vái dài và ba vái ngắn nữa thay cho bốn lễ rước.

LỄ TẠ

Sau khi mọi người đã lễ vái xong, người ta chờ cho tàn một tuần hương tức là những nén hương thấp lên cháy gần hết, gia trưởng tới trước bàn thờ lễ tạ. Gia trưởng sẽ thắp thêm mấy nén hương nữa. Lễ tạ xong, gia trưởng hạ vàng mã trên bàn thờ đem hóa, nghĩa là đem đốt đi. Lúc hóa vàng người ta thường lấy chén rượu cúng vào đồng tàn vàng. Các cụ giải thích, có như vậy người khuất mới nhận được số vàng người sống cúng và đồ vàng mã trên mới biến thành tiền thật, đồ đặc dưới cõi âm.

Và cũng sau khi lễ tạ, đồ lễ có thể được hạ xuống.

Thường việc lễ tạ chỉ do một mình gia trưởng đảm nhiệm, nhưng trong những gia đình cẩn thận, ngoài gia trưởng ra, những người khác cũng lễ tạ.

Lễ tạ nghĩa là lễ tạ ơn gia tiên đã chứng giám lòng thành của con cháu và đã hưởng những lễ của con cháu dâng lên. Con cháu cần phải lễ tạ, vì với việc cáo gia tiên, gia tiên đã phải về nhận lễ, tức là con cháu đã làm phiền gia tiên phải bỏ những việc khác để về chứng kiến việc cúng lễ này.

Tại sao lại chờ hết một tuần hương mới lễ tạ? Tục ta

tin rằng, trong lúc tuần hương đang cháy là tổ tiên đang hưởng lễ con cháu dâng lên. Trong lúc này, chiếc y môn trên bàn thờ được buông xuống, khi lễ tạ xong, y môn lại được kéo lên.

Y môn thường chỉ buông xuống khi nào trong việc cáo gia tiên có cúng mặn. Buông y môn để các cụ trên giường thờ hưởng lễ. Trong lúc đó, các cụ không muốn con cháu nhìn lên, cũng như người sống lúc ăn uống không muốn con cháu nhìn mồm.

VĂN KHẤN GIA TIÊN

Đồ lễ đặt lên bàn thờ, hương đèn đã thấp, gia trưởng phải mời hết các cụ kỵ từ ngũ đại trở xuống, cùng với tất cả chú bác cô dì anh chị em nội ngoại đã khuất.

Văn khấn xưa thường dùng chữ nho, nhưng trong dân gian cũng nhiều người dùng chữ nôm, nhất là ở những gia đình người gia trưởng đã mất, các con nhỏ chưa biết khấn vái, hoặc việc khấn vái do đàn bà phụ trách. Tiếc rằng nghi lễ cấm đàn bà tham gia cúng lễ, nhưng trong gia đình, khi người chồng chết, người vợ thường đảm nhiệm việc cúng khấn thay các con nhỏ.

Văn khấn dùng chữ nôm để tránh sự sai lầm vì không hiểu nghĩa chữ nho, tiếng nọ khấn sang tiếng kia, hoặc đoạn khấn sau lại được đưa lên trước.

Kể từ khi người Pháp sang Việt Nam, chữ quốc ngữ

được dùng để thay thế cho Hán tự, và gần hơn kể từ sau năm 1945, việc khấn vái dần ta đã dùng hầu hết tiếng Việt thay chữ nho.

Trong bài văn khấn phải nói rõ ngày tháng làm lễ, lý do, liệt kê lễ vật, những điều cầu xin nếu có.

Dưới đây là một mẫu văn khấn:

Hôm nay là ngày... tháng... năm... Nay con giữ việc phụng thờ tên là... ,... tuổi, sinh tại xã... huyện... tỉnh... cùng toàn gia, trước bàn thờ gia tiên cúi đầu bái lễ.

Kính dâng lễ bực: trầu rượu, trà nước, vàng hương, hoa quả cùng phẩm vật, lòng thành nhân dịp sinh hạ cháu trai, kính mời hương hồn nội ngoại gia tiên, kỵ, cụ, ông bà, cha mẹ, cô di chú bác, anh chị em chứng giám và hưởng lễ.

Con kính xin gia tiên phù hộ độ trì cho cháu nhỏ hay ăn, chóng lớn và toàn gia khang kiện.

Cẩn cáo.

Trước kia, các cụ đã có đặt ra nhiều bài văn khấn nôm bằng thơ cốt để cho đàn bà trẻ con học để nhớ, dùng trong việc cúng lễ gia tiên.

Dưới đây là một trong những bài khấn ấy:

Duy Đại Việt tuế thứ..., ngày..., tháng..., năm... (âm lịch), tín chủ là..., ... tuổi, sinh quán tại ... trú quán tại... cùng toàn gia

Cúi cung bái trước bàn thờ

*Kính dâng lễ bạc hương hoa ngào ngào,
Cùng là phẩm vật trước sau,
Lòng thành tâm nguyện thỉnh cầu gia tiên:
Cao tăng tổ khảo đôi bên,
Cao tăng tổ tỷ dưới trên người người,
Cô di chú bác kính mời,
Đệ huynh đồng thỉnh tới nơi từ đường;
Cúi xin phù hộ khang cường toàn gia.*
Cẩn cáo

Trong Thọ Mai gia lễ cũng có những mẫu văn khấn,
ông Chu Ngọc Chi đã dịch ra Việt ngữ:

Văn khấn tổ tiên

*Năm... tháng... ngày... cháu kể tự tên... vì có việc... xin
dem lễ bạc, dãi chút lòng thành, nén hương đèn ngào,
đĩa muối lưng canh, trước bàn thờ khấn vái, xin thấu
tâm linh, hộ cho con cháu, mọi sự yên lành. Cẩn cáo.*

Kính mời thổ công Táo quân đồng lai cách cảm.

Lúc khấn, gia trưởng chì khấn lâm râm, đọc khẽ
trong mờm.

Cùng với việc cáo gia tiên, bao giờ cũng phải cúng
khấn Thổ công vì ngài là đệ nhất gia chủ, để xin
phép ngài cho hương hồn tổ tiên được về hưởng lễ.

SĂN SÓC PHẦN MỘ TỔ TIÊN

Con cháu thờ phụng tổ tiên, cúng lễ đã đành, nhưng một trong hình thức để biểu lộ sự thờ phụng là săn sóc tới mộ phần của tổ tiên.

Hàng năm trước ngày Tết, cũng có địa phương sau ngày Tết, con cháu đi thăm mộ tổ tiên để đắp lại cho cao, nhổ hết các loại cây nhỏ có thể xâm phạm tới hài cốt tổ tiên. Nhân dịp thăm mộ này, con cháu thắp hương trên mộ, khấn vái mời tổ tiên về ăn Tết.

Ngoài ra, ngày Thanh Minh con cháu cũng đi tảo mộ mang theo vàng hương cắm đốt trước mộ. Nếu mộ sụt thì đắp lại.

Có người nhân ngày Thanh Minh mang cả cỗ ra cúng nơi trước mộ.

Mộ phần được con cháu luôn luôn trông nom cẩn thận. Tuy nhiên khi mộ bị động hoặc vì súc vật đào sứt, hoặc vì rễ cây ăn vào xương cốt, hoặc vì một lẽ gì khác, trong trường hợp này tục tin rằng ông cha báo mộng hay ứng điềm cho con cháu hay, nếu con cháu không biết trong nhà sẽ có người đau ốm, hoặc công việc làm ăn gặp lúng túng.

Con cháu lập tức ra thăm ngôi mộ, đắp lại nếu bị sụt, và đồng thời cũng làm lễ tạ mộ, ngụ ý như tạ tội với tổ tiên vì sợ mộ bị xâm phạm.

Lễ tạ mộ gồm trầu cau, xôi chuối, rượu gà, vàng

huong. Lễ đặt trước ngôi mộ, con cháu khấn lễ.

Trong khi tạ mộ con cháu phải cúng cả vị Thổ thần nơi để mộ.

Cũng có khi, con cháu ở xa xôi, trước nhưng thời cuộc biến đổi, sợ rằng hồn phách ông cha không yên, cũng tạ mộ để cầu bình an cho vong hồn người khuất.

Hoặc có khi, chiếu theo số tử vi, đến năm tháng cần phải tạ mộ, con cháu cũng làm lễ tạ mộ.

Tạ mộ bao giờ cũng có làm sớ. Trong sớ nhờ Thần linh dẫn hồn sứ giả là Ngũ đạo tướng quân đưa hồn đến mộ. Ngoài ra Thần linh cũng chuyển tờ sớ tới Đương xứ Thổ địa chánh thần để tường việc.

Ngũ đạo tướng quân và vị thần coi quản các nẻo đường, còn Đương xứ thổ địa chánh thần là Thổ địa tại nơi có ngôi mộ xin tạ.

Dưới đây là một mẫu sớ tạ mộ, phiên âm và dịch nghĩa:

SỚ TẠ MỘ

Tam bảo tư vì Tạ mộ pháp đàn

Tư cú: Đại việt tuế thứ...

y vu gia xứ cư, Phụng Phật bảo an, tín chủ...

... phục vụ xong hồn thời niên hưu cu tang hải biến

thiên, do thị kim nhật cần biện lưu thành chi lễ, dụng thân tạ mộ chi nghi, trượng Phật từ chi tế độ, bằng Sứ giả chi dẫn hồn, lai phó pháp duyên, lĩnh triêm công đức, thiết bị phương ngưng cách tro, đạo lộ nan thông, tu chi Di văn giá.

Hữu điệp thỉnh:

Âm phủ Dẫn hồn Sứ giả Ngũ đạo tướng quân, Đương xứ Thổ địa chánh thần. Phục khất:

Biển cáo sở thuộc chư ty, dẫn linh vong hồn, an quy phần mộ, quan tâm khứ xứ, vô đắc trở duyên, thứ tỷ âm dương quân mong lợi lạc, cố điệp.

Mộ táng tại:

Tuế thứ ..., niên..., nguyệt..., nhật..., thời điệp...

Bản dịch

Tam bảo tư vì Tạ mộ pháp đàn

Nay cứ theo địa chỉ tại Đại Việt

Địa chỉ ở ...

Lễ này làm tại nhà chúng tôi, vâng theo phép Phật bảo hộ bình an, tín chủ tên là... cúi đầu bày tỏ về việc vong hồn của Tiên linh chúng tôi đã qua đời mà thời gian đã quá lâu cùng với thời cục biến đổi, sợ rằng hồn phách không yên, bởi vậy chúng tôi cần biện lễ vật để tạ mộ, trông ơn đức Phật tế vong hồn và đức Thần linh dẫn hồn sứ giả, đưa hồn đến nơi đến chốn, dẫu rằng âm dương cách biệt, đường xá xa xôi, nhưng nhờ có tờ Điệp văn này thì cũng thông cảm được.

Tờ điệp này do quan Dẫn hồn sứ giả Ngũ đạo tướng quân chuyển đến quan Đương xứ Tổ địa chánh thần tiếp nhận nơi âm phủ.

Xin quan Sứ giả bố cáo cho các ty các nơi thuộc hạt như các bến đò, bến chợ đều biết, không ai được làm ngăn cản để cho vong hồn được nhận linh lễ vật an ổn ở nơi mộ phần, hầu khiến cho kẻ âm người dương đều được hưởng phúc lạc.

Nay điệp

Mô táng tại... năm, tháng, ngày, giờ.

ĐỒ LỄ CÚNG GIA TIÊN

Những đồ lễ dâng cúng gia tiên bao giờ cũng phải thanh khiết và dành riêng. Không con cháu nào được đụng tới. Cổ bàn nấu xong, cúng gia tiên trước con cháu mới được ăn sau. Có những trường hợp, người gia trưởng chưa kịp làm lễ cúng, vì nhiều món ăn chưa soạn xong, thì những món ăn đã nấu xong rồi phải múc để riêng dành vào việc cúng lễ.

Cũng như khi ông bà cha mẹ còn sống, ông bà cha mẹ chưa ăn, con cháu chưa được ăn.

Trong việc cúng lễ tổ tiên, sự thành kính phải đạt hàng đầu. *Tâm động quý thần tri*, trong lòng nghĩ thế nào quý thần đều thấy rõ. Việc cúng bái tổ tiên thiếu thành kính tức là thiếu sự hiếu thảo, tổ tiên nào *chứng giám* cho những con cháu có cúng mà không có kính.

DÂU RỄ LỄ GIA TIÊN

Mọi biến cố trong gia đình, con cháu đều cáo gia tiên, từ việc hiếu tới việc hỷ.

Trong việc vui mừng, về lễ thành hôn của các con cháu, ngoài người gia trưởng phải khấn vái tổ tiên, chính các đương sự cũng phải cúng lễ tổ tiên.

Trước khi đi đón dâu, người con trai phải làm lễ ở bàn thờ nhà mình, rồi đến khi tới nhà vợ, phải lễ tổ tiên ở nhà vợ tại chính nhà bố mẹ vợ và còn tại các nhà thờ họ nhà vợ nữa. Cô gái cũng vậy, ngày vu quy, trước khi tới nhà chồng, việc đầu tiên là phải lễ trước bàn thờ nhà chồng. Sau đó họ nhà chồng cũng đưa cô dâu đi lễ nhà thờ trong hai họ nội ngoại.

Việc làm lễ trước bàn thờ nhà chồng hoặc nhà vợ, chính là để cô dâu chú rể trình diện với tổ tiên, nhận tổ tiên như tổ tiên nhà mình. VÀ cũng là dịp để tổ tiên nhận diện một chàng rể hoặc một cô dâu mới.

KIÊNG TÊN

Con cháu kiêng tên không nói đến tên ông bà cha mẹ. Nếu trong đời sống hàng ngày có những tiếng trùng với tên của các bậc này, con cháu sẽ gọi tránh đi, hoặc tìm một tiếng đồng nghĩa để thay vào, thí dụ Hà Đông là Hà Dương, thịt đông gọi là thịt đặc, hoa gọi là hồng

quả bưởi gọi là quả bông, trí banh gọi là trái bóng v.v...

Đối với tổ tiên là các vị khuất, sự kiêng tên càng được giữ gìn hơn. Khi con cháu làm một điều gì không phải, bị người khác gọi tên ông bà cha mẹ đã khuất ra mà réo, mà chửi là một điều tử hủ lớn lao, có thể gây nên thù oán sâu đậm được. Chính để tránh cho người khác khỏi xúc phạm đến tổ tiên mình, mọi người đều giữ gìn trong điều ăn nếp ở, cố làm sao không gây bất cứ sự đụng chạm nào.

Trong lúc cúng giỗ phải khấn đến tên tổ tiên, người gia trưởng cũng lâm râm khấn rất khẽ, e khấn to có người nghe tiếng là phạm tội bất kính.

Các con cháu nhỏ không được biết tên tổ tiên, e chúng nhắc bậy bạ phạm tội đến các người, gây điều bất hiếu cho cha mẹ. Trước khi đặt tên cho các con, bố mẹ phải kiêng không được đặt tên của tổ tiên.

Việc kiêng tên ngày nay không còn thấy ở các đô thị, nhưng tục quê nhiều vùng vẫn giữ.

B. NGÀY GIỖ

Điều quan trọng nhất trong sự thờ phụng tổ tiên là cúng giỗ.

Vậy ngày giỗ là gì?

Ngày giỗ chính là ngày kỷ niệm người chết đã qua đời, còn thường được gọi là kỵ nhật.

Người chết sau khi được an táng theo phong tục lễ nghi, nằm yên dưới mộ, con cháu cũng phải dẹp sầu, dẹp nhớ tương để trở lại cuộc sống hàng ngày, nhưng hàng năm khi đến ngày người chết qua đời, con cháu dù bận rộn cũng phải nhớ để làm giỗ, nói làm giỗ chứ không nói cúng giỗ, vì chỉ những người theo các tôn giáo, có chấp nhận sự thờ cúng tổ tiên mới cúng, còn những người thân đã chết, chỉ làm giỗ mà không cúng.

Trong ngày giỗ người ta làm cỗ bàn mời thân bằng quyến thuộc. Ở nhà quê, ngày giỗ là một dịp để gia chủ được mời lại những người đã từng mời mình đi ăn uống. Người ta gọi là *trả nợ miệng*.

Giỗ có thể làm to hoặc làm nhỏ, tùy theo gia cảnh, tùy theo con cháu đông hay vắng và nhiều khi lại tùy theo sự liên lạc giữa người sống và người chết. Giỗ cha mẹ, giỗ ông bà thường làm to, giỗ anh em, chú bác cùng các vị cao tăng tổ khảo, tỷ, thường chủ cơm canh cúng đơn sơ để khỏi bỏ giỗ.

Trong những giỗ này người ta gọi là giỗ mọn, không có mời bạn bè thân thuộc, chỉ trong nhà cúng rồi ăn với nhau.

Tóm lại giỗ là ngày kỷ niệm người chết qua đời có cỗ bàn cúng kiến tùy gia đình.

Trong ngày giỗ có phân biệt *giỗ đầu*, *giỗ hết* với những ngày kỵ nhật khác, gọi là *cát kỵ*.

NGÀY GIỖ ĐẦU hay TIỂU TƯỜNG

Ngày giỗ đầu tức là ngày kỷ niệm đầu tiên của người chết, đúng một năm sau:

Ngày nay còn gọi là ngày *tiểu tường*. Con cháu còn mang tang, sự đau đớn như còn ở trong tâm khảm người sống, và con cái còn đang thương cha mẹ, vợ đang thương chồng, cha mẹ đang thương con v.v..

Đúng vậy, một năm tuy thời gian có dài, nhưng chưa đủ hàn gắn vết thương đau, chưa đủ xóa bỏ mọi kỷ niệm giữa người sống và người chết, chưa đủ làm khuây khỏa được nỗi buồn mất một người thân của người sống.

Trong ngày *tiểu tường*, khi cúng tế người chết, người sống vận tang phục như ngày đưa ma, nhất là con cháu, để chứng tỏ với vong hồn người khuất nỗi nhớ thương chưa nguôi. Và con cháu, khi tế lễ cũng lại khóc như ngày đưa ma.

Ở những nhà khá giả, trong ngày *tiểu tường* có mời

phường kèn để thổi kèn thờ từ bữa tiễn thường cho đến hết ngày giỗ.

Những quần áo xô gai mũ gậy trong đám tang, con cháu lại đem mặc trong ngày *tiểu đường*, phải áo xô mũ chuối và dùng gậy để lễ và đáp lễ khách khứa tới ăn giỗ lễ trước bàn thờ cha mẹ mình.

Đối với người xưa, sắc phục chứng tỏ lòng hiếu của con cái đối với cha mẹ.

Ngày tiểu tường, các gia đình khá giả thường cúng rất lớn để mời khách khứa họ hàng làng nước.

Cũng trong dịp tiểu tường này, người sống thường sắm đủ mọi đồ dùng để tốt cho người chết: quần áo, giường màn, bát đĩa, gà vịt. Có khi cả xe cộ thuyền bè. Tóm lại, tất cả những đồ dùng nhật dụng con người cần tới. Dương sao, âm vậy, ở cõi trần đã có thì cõi âm cũng phải trần.

Trong lễ đốt mã này, còn có hình nhân. Người ta tin rằng hình nhân bằng giấy đốt xuống cõi âm theo pháp luật của một pháp sư sẽ hóa thành người hầu hạ người khuất.

Có nhiều con cháu, biết tính các ông già quá cổ, thường đốt những nữ hình nhân để lấy người hầu hạ và đấm bóp cho các cụ.

Đã có nhiều bà vợ hay ghen lúc sống, lại ghen cả với chồng lúc chết, nhất định không chịu đốt mã nữ hình

nhân..

Tục lệ đốt hình nhân này có nguồn gốc rất cổ xưa.

Nguyên trước về thời đại phong kiến, khi một người đàn ông chết thì vợ cả, vợ lẽ đều tự sát ngay ở mộ. Những con hầu đầy tớ, chính là những nô lệ, cũng đều bị giết để chôn theo.

Về sau bản tính tự vệ của con người đã khiến người ta nghĩ tới cách lấy hình nhân thế mạng.

Sự tin tưởng của con cháu ở nơi linh hồn ông cha bất diệt khiến người ta nghĩ đến sự đốt mã để trang bị cho người chết mọi thứ cần dùng cho cuộc "sống" hàng ngày ở cõi âm.

Với nếp sống văn minh ngày nay, có người cho rằng đốt mã là vô lý nhưng không muốn trái ý những người thân nên vẫn có đốt mã trong ngày giỗ với quan niệm rằng dù đó là một điều sai cũng không hề gì, còn nếu đúng thực, bỏ đi e mang tội.

NGÀY GIỖ HẾT hay ĐẠI TƯỜNG

Ngày *đại tường* hay *giỗ hết* tức là ngày giỗ năm thứ hai sau khi người chết đã qua đời.

Trong ngày đại tường con cháu vẫn ăn vận tang phục sô gai để cúng giỗ và để đáp lễ khách khứa tới lễ giỗ và lần vận sô gai này là lần cuối cùng.

Lễ đại tường cũng được cử hành long trọng, và trong

những gia đình khá giả thường có cuộc tế vong.

Lúc tế lễ con cháu vẫn khóc, tuy nỗi đau đớn qua thời gian hai năm hai năm đã dịu bớt nhiều. Ngày giỗ khiến con cháu nhớ lại lúc lâm chung của người khuất và nhắc lại biết bao kỷ niệm giữa người mất người còn. người không còn nữa, nhưng kỷ niệm kia còn bền vững với thời gian có bao giờ phải mờ cho được. Người xưa bảo ngày giỗ là *chung thân chi tang* chính cũng vậy.

Trong ngày giỗ hết, bà con thân thuộc thường nhắc tới người khuất rất nhiều và câu hay được nhắc tới là câu sau đây:

Chống thật! Mới ngày nào! Sống thì lâu chứ chết chẳng mấy chốc đã ra người tiên cố.

Ý nghĩa câu nói ở đây rất sâu xa! Với ngày lễ đại tường, con cái sắp sửa bỏ hết tang phục.

Ngày xưa, vợ để tang chồng, suốt trong thời gian để tang không được dự một cuộc vui nào, không được tới những nơi đình đền cúng lễ, không được tắm gội và cả đến răng cũng không được xỉa.

Sau ngày lễ đại tường, người ta sẽ chọn một ngày tốt, nhất là ngày *trục trừ*, nghĩa là ngày người ta muốn phế bỏ cái gì cũng tốt cả, để làm lễ *trừ phục*, tức là lễ bỏ tang: người ta đem đốt hết những quần áo tang, gậy chống, mũ rơm, khăn sô, áo sô...

Lễ trừ phục xong, người vợ mới được sống cuộc đời

bình thường trở lại, nghĩa là được dự những cuộc vui đi lễ bái, tắm gội... Xưa khác nay ở chỗ đó. Nay một thiếu phụ có tang chồng đâu có chịu những sự kìm hãm khắc khổ đó.

Trong ngày giỗ hết, người ta cũng lại đốt mã cho người khuất và mã đốt năm này lại nhiều hơn năm trước. Tục tin rằng mã đốt năm trước là mã biểu: người chết nhận được đồ dùng của con cháu đốt trong ngày tiểu tường phải đem biểu các ác thần để tránh những sự quấy nhiễu, cũng giống như ở trên trần gian phải dứt lốt bọn tham quan ô lại để sống yên ổn.

Trước khi 'đốt mã, thường có cúng lễ ở ngay tại mộ người khuất, và những mã cũng đem đốt ở ngay trước mộ. Những gia đình khá giả có làm chay ngay tại mộ, mời tăng ni tới cúng và tụng kinh niệm phật trước khi đốt mã.

Cổ bàn trong ngày giỗ hết cũng rất linh đình. Ngoài điều con cháu muốn trả nợ miệng, con cháu còn nghĩ rằng từ trước tới ngày này hương hồn người khuất còn luôn luôn phảng phất trong nhà, nhưng rồi đây, sau lễ trừ phục, người khuất sẽ thưa về thăm con cháu, bởi vậy con cháu muốn dâng ông cha một tiệc thật là thịnh soạn trước lễ trừ phục.

Khách khứa trong lễ đại tường cũng được mời rất đông. Con cháu muốn mọi người chứng kiến lòng thành của mình qua những cuộc cúng tế và qua cổ bàn, tượng

trung cho lòng hành của người sống đối với người đã khuất.

Ngày đại tường hết, những ngày giỗ năm sau chỉ là những ngày giỗ thường hay kỵ nhật, và việc cúng lễ sẽ cử hành như những người đã qua đời trước. Bởi vậy ngày giỗ hết là ngày giỗ quan trọng nhất trong tất cả những ngày giỗ đối với người qua đời.

NGÀY GIỖ THƯỜNG hay CÁT KỶ

Kể từ năm thứ ba trở đi, ngày giỗ là ngày giỗ thường còn gọi là cát kỵ.

Tại sao gọi là cát kỵ? Cát kỵ là ngày giỗ lạnh. Qua hai năm với tiểu tường và đại tường, người chết còn nằm dưới huyết hung táng, nghĩa là táng lúc đầu tiên. Sau ngày đại tường con cháu làm lễ cát táng tức là lễ bốc mộ, nhặt hài cốt của người chết sang vào tiểu nhỏ để táng ở một nơi khác. Việc táng này gọi là cát táng. Tiểu bằng sành, hình giống chiếc áo quan nhỏ đủ để hài cốt người chết.

Những ngày giỗ sau lễ cát táng gọi là cát kỵ. Sở dĩ gọi là cát kỵ, ngoài ý nghĩa trên, còn vì lý do ngày giỗ là ngày con cháu tụ họp để cúng lễ người khuất, sự tụ họp của con cháu chính là một điều tốt đẹp. Ngoài ra, trong thời gian hung táng, con cháu còn lo sợ vong hồn người khuất bị trùng quỷ xuất nhiễu, trong nhà lục đục.

Khi đã cất táng, không còn trùng quý nào có quyền hành tới người chết nữa. Ngày giỗ để kỷ niệm người chết qua đời thực đáng gọi là một ngày giỗ tết đẹp. Và lại trong những ngày cái kỵ không còn tiếng khóc, tiếng kèn như trong những ngày giỗ đầu và giỗ hết.

NGÀY TIỀN THƯỜNG

Ngày tiên thường là ngày trước ngày giỗ. Còn có nơi gọi là cáo giỗ, bởi trong ngày tiên thường con cháu báo cáo cho người khuất sự cúng giỗ ngày hôm sau:

Chỉ những ngày giỗ trọng mới có cáo giỗ, còn những ngày giỗ mọn con cháu chỉ cúng ngày chính giỗ. Các ngày giỗ trọng tức là giỗ ông bà, cha, mẹ, chồng, vợ.

Trong ngày tiên thường, người trưởng tộc làm lễ cáo với Thổ công ngày hôm sau là ngày giỗ để xin phép Thổ công cho hương hồn người được cúng giỗ về phối hưởng và đồng thời cũng khẩn xin Thổ công cho phép vong hồn nội ngoại gia tiên nhà mình cùng về dự giỗ.

Đất có Thổ công, sông có Hà bá, có phép của Thổ công, hương hồn người khuất mới về được trong nhà hưởng giỗ. Theo tín ngưỡng thì khi vong hồn người khuất muốn về thăm con cháu đều phải xin phép Thổ công trước.

Cung trong ngày tiên thường, người gia trưởng mang lễ ra mộ người được hưởng giỗ để mời vong hồn vị này

về phôi hường. Cũng nhân dịp này con cháu thường đắp lại mộ của người khuất.

Ngày tiên thường con cháu phải đến nhà người trưởng tộc để sửa soạn làm giỗ ngày hôm sau. Bàn thờ được dọn dẹp lau chùi từ buổi sáng để buổi chiều cúng cáo giỗ.

Con cháu, những người nào phải gửi giỗ, đều mang đồ lễ tới nhà trưởng tộc trong ngày tiên thường, nếu không mang từ mấy bữa trước.

Sửa soạn ngày giỗ, ngoài việc lau chùi dọn dẹp bàn thờ, còn phải sửa soạn cả những đồ lễ, đồ cúng và cỗ bàn ngày giỗ chính hôm sau.

Hàng xóm thường kéo tới làm giúp gia chủ, đàn bà thì tằm trâu bỏ cau còn đàn ông thì giúp việc làm cỗ mổ bò, mổ lợn.

Ngày tiên thường cũng có làm cỗ cúng. Cúng xong con cháu và những người làm giúp cùng ăn.

Khi cúng cáo giỗ, phải có lễ cúng Thổ công, và phải khấn Thổ công trước khi khấn tiên tổ mình. Khấn giỗ, ngoài việc khấn mời hương hồn được cúng giỗ, phải khấn mời hương hồn nội ngoại gia tiên về dự giỗ.

GỬI GIỖ

Một người chết thường có nhiều con cháu, nhưng ngày giỗ, chỉ cúng ở nhà người con trai trưởng, hoặc nếu

nếu con trai trưởng đã chết, việc cúng giỗ được cử hành tại nhà người cháu đích tôn.

Người con trai trưởng hoặc người cháu đích tôn là trưởng một ngành họ, phải lo việc cúng giỗ, nhưng những người con thứ, cháu thứ, những cháu ngoại không thể bỏ giỗ ông bà cha mẹ mình được. Ngày giỗ những người này đều phải tề tựu ở nhà người trưởng chi họ, hoặc là ngày giỗ một vị đã xa, vào hàng cao tăng thì còn cái cháu chất tề tựu ở nhà người trưởng tộc để làm giỗ.

Những người này phải có đồ lễ mang tới cúng. Việc mang đồ lễ lại nhà trưởng tộc như vậy gọi là *gửi giỗ*.

Lễ gửi giỗ trọng hay mọn tùy theo một phần ở khả năng tài chính của người sống và một phần tùy theo sự liên hệ giữa người sống với người chết.

Một tăng tôn, huyền tôn gửi giỗ có thể chỉ gửi thè hương ngàn vàng, một người cháu gửi cúng chú có thể gửi một vài cân trái cây hay một bó hoa cùng vàng hương nén. Con cháu thường gửi giỗ trọng hơn, vì đúng ra con cháu phải chịu với trưởng chi họ phí tổn về làm giỗ. Con cháu thường gửi giỗ bằng tiền, kèm theo đồ lễ đáng giá, có khi là cả con lợn, có khi là cặp gà hay thúng gạo nếp hay bất cứ một thứ gì để tham gia thêm vào việc làm giỗ.

Có người trong khi gửi giỗ lại mua thức gì người chết khi sinh thời ưa thích. Thí dụ người khuất lúc sống hay dùng mực Bắc Hải, ngày giỗ con cháu cũng lựa mực

cúng.

Nhiều người ở xa, ngày giỗ không về được cũng cố mua đồ lễ để gửi về người trưởng tộc. Những người này, ngoài việc gửi giỗ còn làm lễ cúng vọng trong ngày giỗ. Ta có câu Con đâu cha mẹ đấy là ý nói con cái cúng giỗ ở đâu hương hồn cha về đó phối hưởng.

Với tục lệ thờ cúng tổ tiên, việc cúng giỗ là một điều trong chữ hiếu. Người ta thường băn khoăn nếu không về dự được, mặc dầu đã có cúng vọng. Câu nói trên chỉ là một câu để an ủi người ở xa.

Có nhiều trường hợp người trưởng chi họ không nhận đồ lễ gửi giỗ của người nào, hoặc vì họ bất kính với tổ tiên hoặc vì người này cậy của khinh nhờn người trưởng tộc.

Thật là một điều buồn cho người đi gửi giỗ không xong! Lễ tất nhiên, người đó cúng vọng, nhưng cúng vọng sao bằng cúng ở nhà người trưởng tộc.

Nhưng đồ lễ do các ngành thứ mang gửi giỗ, người trưởng tộc đều đem cúng hết trong ngày giỗ. Cúng xong, ăn không hết, người trưởng tộc sẽ chia phần cho con cháu các ngành.

NGÀY GIỖ CHÍNH

Ngày *giỗ chính* tức là chính ngày kỷ niệm người chết qua đời. Người chết đã mệnh một đúng ngày ấy năm xưa

nền hàng năm con cháu nhớ ngày cúng giỗ.

Suốt từ lúc cúng cáo giỗ ngày tiên thường cho đến hết ngày hôm sau, *bàn thờ lúc nào cũng có thấp hương*. Tục tin rằng trong thời gian đó tổ tiên ngự trên bàn thờ, không thể để bàn thờ hương tàn khói lạnh được.

Ngay từ sớm ngày giỗ chính, con cháu đã phải sửa soạn sẵn sàng cỗ bàn, ngoài cỗ bàn để cúng, còn cỗ bàn để mời khách khứa nữa.

Trong những gia đình khá giả có mổ lợn, mổ bò, đều làm từ đêm hay từ sáng tinh mơ.

Vì sự kính trọng, chiếc thủ lợn hay thủ bò thường dành để thờ Thổ công trong ngày giỗ.

Cỗ bàn làm sẵn xếp thành từng mâm, và những mâm cỗ đều đặt ở một chiếc cũi tầm, ngày hôm đó tạm biến thành giá để cỗ, hoặc ở một gian nhà xếp.

Ngày giỗ chính là ngày gia chủ mời khách khứa trong làng. Các bậc vào hàng chú, bác người gia trưởng nhưng không ở địa vị phải làm giỗ hoặc gì giỗ đều được mời từ sớm, còn những thân thuộc khác dù bề trên hay bề dưới người gia trưởng, có nhiệm vụ phải làm giỗ hay gửi giỗ, bao giờ cũng phải sẵn có mặt ngay tại ngày giỗ rồi, cả vợ con họ nữa.

Ngoài các người trong họ, còn mời cả lân bang bè bạn và một số người trong làng. Ngoài khách của người gia trưởng, những người phải làm giỗ hoặc gửi giỗ cũng

mời một số khách của mình.

Mời ăn cỗ giỗ cũng có hẹn giờ, thường là vào khoảng từ mười một giờ trưa trở ra và khách khứa tới lại rai cho đến chiều.

Những khách khứa tới ăn giỗ có mang đồ lễ để cúng người khuất, thường là vàng hương, trầu rượu, trà nén, hoa quả. Con cháu khi khách tới phải đón đồ lễ đặt trên bàn thờ trước khi khách lễ.

Khách sẽ lễ trước bàn thờ bốn lạy ba vái. Gia chủ phải tự bản thân hoặc cử đại diện đứng đáp lễ.

Lễ bàn thờ xong, khách quay sang vái người đáp lễ.

Có sự đáp lễ bởi khách đã lễ tổ tiên mình, mình phải lễ lại, còn về phần khách phải vái người đáp lễ đó chỉ để chứng tỏ sự nhún nhường của khách! Đây tùy thuộc lễ nghi, nhưng chính do xã giao mà ra.

Khách lễ xong, người nhà mời khách ăn trầu uống nước. Trầu cau đã được các bà cô làm giúp tằm bố sẵn từ trước. Nước mời khách trong ngày giỗ cũng như trong những ngày khao vọng v.v... ở vùng quê ưa dùng nước trà xanh, nhưng có pha riêng trà Tàu hoặc trà mạn để cúng và để mời khách nào không ưa dùng trà xanh. Trà xanh nấu bằng lá cây trà tươi mới hái có vị thơm của lá tươi, giá lại tương đối rẻ hơn trà mạn hoặc trà khô thiếu hương vị người dân quê ưa chuộng.

Cũng như cỗ bàn được làm sẵn, trầu cau tằm bố sẵn,

nước trà xanh cũng được nấu sẵn để mỗi khi có khách chỉ việc vớt ra ấm.

Khách đã ăn trầu uống nước rồi, người nhà mời khách dự cỗ. Một mâm cỗ dùng cho bốn người. Mỗi lần đủ bốn người khách, chủ nhà dọn một mâm cỗ mời, nhưng không phải bất cứ bốn người nào cũng ngồi chung với nhau. Khách đàn bà ngồi riêng, đàn ông ngồi riêng, người nhiều tuổi với người ít tuổi. Chủ nhà lại phải lựa những người cùng địa vị hoặc địa vị xấp xỉ như nhau để mời vào một mâm.

Cái trò rượu vào lời ra, nếu có sự ngồi lẫn như vậy, tránh làm sao khỏi sự khích bác, nói cạnh, nói khoe giữa các khách khứa khi rượu đã ngà ngà say.

Khách khứa tới ăn rậm rạp vào giờ gia chủ đã mời. Để tránh sự đông đúc hầu hạ không kịp, khách thường được mời làm từng đợt. Suốt ngày giỗ chính thường có khách khứa ăn cỗ tới tận chiều.

Hương đèn trên bàn thờ luôn luôn thấp sáng để khách khứa tới lễ.

Buổi chiều khi khách đã vãn, gia trưởng mới cúng thêm tuần rượu nữa, cũng có khi tuần cỗ nữa rồi lễ tạ xin hóa vàng.

HÓA VÀNG

Hóa vàng, còn gọi là *nấu vàng* tức là đem đốt những *vàng mã*, vàng nghìn hoặc vàng giấy của con cháu gửi

giỗ hoặc khách khứa mang tới. Phải kể cả những *tám hàng*, những cuộn giấy đủ màu, tượng trưng cho những tấm vải, con cháu đã mua cúng trong ngày giỗ, cũng được hóa cùng với vàng mã.

Trong suốt ngày giỗ, gia trưởng và con cháu rất vất vả nào phần đáp lễ, nào phần tiếp khách, nhiều khi không có cả thì giờ ăn uống, nên ta có câu *đời ngày giỗ cha, no ba ngày Tết*.

Cho đến khi hóa vàng ngày giỗ mới kể là xong. Lúc hóa vàng con cháu đổ vào đồng lửa một chén rượu cúng, chén rượu này như trên đã nói theo các cụ, cốt để biến những vàng mã giấy trên dương gian thành vàng thật, đồ dùng thật dưới âm phủ. Người ta lại còn thường hơ một chiếc đèn gánh hoặc một chiếc gậy này để gánh vàng mã về cõi âm.

Sau khi hóa vàng, hương đèn trên bàn thờ không cần giữ cháy nữa. Hương hồn người khuất đã trở lại cõi âm để tiếp tục "sống" cuộc sống ở Hoàng tuyền cho tới ngày giỗ năm sau.

VĂN KHẤN GIỖ

Ấn có mời, làm có khiến, đối với người chết cũng vậy.

Một mâm cơm dù thịnh soạn và dù có con cái mình, nếu chúng không mời tất nhiên bố mẹ cũng không ăn

cũng như cỗ bàn dù **linh đình**, đồ lễ dù trang trọng, nếu con cháu chỉ **đặt lên bàn thờ** không thỉnh mời các cụ, ắt hẳn các cụ **không phối hưởng**.

Ta thường nói *tâm động quý thần* tri nghĩa là người có lòng thì quý thần chứng giám, nhưng quý thần có chứng giám cũng phải có hương đăng và cũng phải thành tâm!

Bởi vậy trong ngày giỗ con cháu phải khẩn mời để tổ tiên phối hưởng. Đã nói *tâm động quý thần tri*, lời khẩn dù thô sơ, nôm na tới đâu, hương hồn các cụ cũng thông cảm và thu hưởng những lễ vật của con cháu dâng lên.

Người Việt Nam vốn xưa nay trọng lễ nghi, mọi trường hợp cúng vái đều có văn khấn riêng.

Duy Việt Nam, Nhân Dân niên Đại Việt đệ tam, thập nhất nguyệt, sơ thập lục nhật (1)

Kim thần Chu Văn Mỗ, sinh quán Vĩnh Thịnh xã, Tam dương huyện, Vĩnh Yên tỉnh, cư ngụ Tân Sơn Hòa xã, Tân Bình quận Gia Định tỉnh.

Cẩn dĩ:

Phù lưu thanh chúc, mâm bàn cụ vật, thứ phẩm chi nghị; Cầm chiêu cáo vu

Nhân nhật chính kị cung thỉnh:

Cao tăng tổ khảo Chu Quý Công, húy Văn Đức, hiệu

(1) thay đổi tùy năm, tháng và ngày

Tu Ân, thụy Dã Diên lai làm chứng giám

Dịch nôm

Năm Nhâm Dần, tháng mười một, ngày mười sáu,

Nay tôi là Chu Văn Mỗ, sinh quán tại xã Vĩnh Thịnh,

*huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên. Cư ngụ tại xã Tân
Sơn Hòa, quận Tân Bình tỉnh Gia Định;*

Thành khẩn có:

Hương hoa trầu rượu, cỗ bàn mọi vật

Dám xin kể ra

Nhân ngày giỗ chính, xin kính mời

*Hương hồn kỵ là Chu Quý Công, húy Văn Đức, hiệu
Tu Ân, thụy Dã Diên về chứng giám.*

Ngày nay, Hân tự không còn thịnh, khân giỗ người ta
thường khân nôm, đại ý lời khân như trên.

Khi khân đến tên người chết, phải khân lâm râm rất
khẽ trong miệng để tỏ lòng thành kính. Người xưa kính
trọng ai không bao giờ đọc tới tên người đó.

Khân giỗ khân hết tên *tục*, tên *hiệu*, tên *hèm* của
người hưởng giỗ.

Tên *tục* là tên lúc sống vẫn gọi, tên *hiệu*, tức là biệt
hiệu, còn tên *hèm* tức là tên *thụy*, tên khi người chết hấp
hối tự đặt cho mình, để sau này con cháu khi cúng thì
khân tới.

Con cháu lúc khân giỗ cần phân biệt các hàng kỵ,

cụ, ông và cha mẹ.

Đàn ông khăn chữ khảo, còn đàn bà khăn chữ tỷ.

Cao tăng tổ khảo tức là kỵ ông, đối với người khăn là năm đời.

Cao tăng tổ tỷ tức là kỵ bà

Tăng tổ khảo tức là cụ ông, đối với người khăn là bốn đời, hay nói khác người khăn tức là chết.

Tăng cổ tỷ tức là cụ bà.

Tổ khảo tức là ông, đối với người khăn là ba đời, hay nói khác người khăn tức là cháu.

Tổ tỷ tức là bà

Hiền khảo tức là cha

Hiền tỷ tức là mẹ

Kể từ đời thứ sáu trở đi con cháu không phải cúng giỗ nữa.

Trong ngày giỗ, sau khi khấn giỗ xong, phải buông chiếc y môn tức là bức màn thờ xuống để các cụ hưởng lễ.

VĂN TẾ GIỖ

Ngày giỗ nhiều khi có tế, nhất là khi con cái sung túc. Thường các ngày giỗ Tiểu tường và Đại tường vẫn có văn tế.

Dưới đây là một văn tế Tiểu tường Văn tế này do

thi sĩ Tân Đà làm bộ một vị tri huyện tế mẹ là một thứ
thất:

Than ôi!

Mây khơi cánh trở ngàn trùng,

Chôn tiên quốc trông lên hồ dễ thấy;

Ngày tháng thoi đưa mấy chốc,

Bức từ vì nghĩ lại đến càng thêm!

Nhớ mẹ xưa:

Gánh vác bao càn

Cù lao chín chữ

Giữ một tiết kính hòa cho phải đạo,

Ra dưới ra trên,

Dạy các con khôn lớn lên người,

Có danh có phận.

Đức trình thuận xa bay nơi quận hạt.

Đạo ôn từ để lại nếp khuê môn.

Những mong tuổi hạc trăm năm,

Dài nương bóng tử;

Nào biết xe tiên một phút,

Vội lánh cõi trần

Gặp tiết giỗ đầu

Kính dâng tác dạ.

Con cháu họ đông đủ một

Rượu nhang vàng nền lễ thường
Trông núi Vân ngất một màu xanh
Cảm xua đức mẹ
Gọi dòng lệ chia đôi hạt trắng,
Gọi chút tình con

Than ôi!

VĂN KHẤN GIỖ CHA MẸ

Dưới đây xin trích bài văn khấn giỗ cha mẹ trong Thọ Mai gia lễ:

Năm... tháng ... ngày... con là... vì nay ngày kỵ, lễ bực lòng thành kính dâng hiến kháo (mẹ là hiến tỳ) phù quân (mẹ là nhụ nhân) trước bàn thờ rằng:

Công sinh thành như núi Thái Sơn

Ngày húy kỵ xin dâng lễ vật.

Xin linh hồn chúng giám, hộ con cháu bình yên

Cẩn cớ

VĂN KHẤN GIỖ VỢ

Bài này có thể khấn trong ngày giỗ hay trong một dịp gì khác cũng được.

Năm.. tháng.. ngày.. . ái phụ la ... hôm nay ngày ... gọi chút xót thương, nhờ đến nội trợ... trước bàn thờ than rằng:

*Tình nghĩa vợ chồng, âm dương xa cách;
Từ khi khuất mặt côi trăn, những hường chút lòng ân
ái.*

Đã đi th sinh kỳ tứ quy, vẫn nhớ lời ăn tiếng nói.

*Năm qua ngày tháng, việc cùng hôm nay linh hồn có
linh thiêng, thấu tình một chút, họ chồng còn mạnh khỏe
luôn luôn, coi nhà cửa bình yên mãi mãi*

Làm hường.

Kính mời cha mẹ, tổ tiên, Thổ công, Táo quan đồng
lại cách cảm

NGÀY DỠ RẠP

Ngày giỗ đối với người chết kể là xong từ lúc lễ tạ
hóa vàng, nhưng đối với gia đình người sống chưa là
hết, nếu có hết chỉ mới về hết phần lễ nghi, còn trên
thực tế ngay hôm sau giỗ mới hết.

Buổi chiều hôm giỗ chính sau khi khách khứa đã
vãn, con cháu mới lo ăn uống và dọn dẹp. Công việc
dọn dẹp kéo dài tới ngày hôm sau.

Những gia đình khá giả ở đồng quê thường làm giỗ
to, nhà không đủ chỗ chứa khách khứa tới ăn cỗ phải
làm thêm rạp ra ngoài sân, kê thêm phân hoặc bàn ghế
để khách ngồi, cũng như khi đám tang hay đám cưới.

Rạp thường dựng bằng cột tre, có xà ngang và lợp
cát dày.

Sau hôm giỗ chạp gia trưởng lo dỡ rạp, có con cháu
và có khi cả lân bang phụ giúp. Vẫn có ăn uống, nhưng
chỉ là những thức ăn hôm trước còn lại hoặc mua thêm
chút ít.

Rạp dỡ xong, ngày giỗ mới thật xong.

NGƯỜI THIÊN CHÚA GIÁO LÀM GIỖ

Từ trên chỉ nói về lễ nghi phong tục ngày giỗ từ xưa
tới nay của những người theo các tôn giáo có thờ cúng
tổ tiên.

Đồng bào Thiên chúa giáo cũng làm giỗ, nhưng thủ
tục làm giỗ có hơi khác.

Ngày giỗ như trên đã định nghĩa, là ngày kỷ niệm
người chết qua đời, là chung thân chôn tang, cho nên tới
ngày hôm đó, con cháu nào mà chẳng nghĩ tới ông cha,
và khi người ta đã tin là linh hồn bất diệt, ngày giỗ tới
cũng phải làm cái gửi kỷ niệm!

Tới ngày giỗ, người Thiên chúa giáo xin lễ tại nhà
thờ để cầu nguyện cho hương hồn người chết, và ở nhà
cũng làm cỗ mời khách khứa.

Ở thôn quê, cũng cỗ bàn linh đình, cũng mời làng
nước và cũng ăn uống từ bữa tiên thường. Ngày tiên
thường, người Thiên chúa giáo đi viếng mộ, đắp lại mộ

và đặt vòng hoa.

Những gia đình khá giả, làm giỗ to cũng phải làm rap. Nhớ lại ngày kỷ niệm người chết qua đời, để tỏ lòng nhớ thương người chết, tức là một cách con cháu tỏ lòng hiếu kính đối với ông cha. Bởi vậy, dù theo tôn giáo nào, người ta cũng có thể làm giỗ mà không trái với đường lối của tôn giáo.

CŨNG GIỖ TRÊN CHÙA

Có nhiều người theo Phật giáo, ngày giỗ không cúng ở nhà, lại làm giỗ ở trên chùa.

Ở trên chùa cũng khấn và cũng mời bạn bè tới ăn cỗ chay. Công việc làm cỗ do nhà chùa phụ trách.

Làm giỗ ở trên chùa, ngoài việc lễ bái, còn có tăng tiểu đọc kinh siêu độ cho người khuất. Người ta tin rằng nếu người khuất lúc sinh thời có làm điều lầm lỗi, những câu kinh tụng niệm trong ngày giỗ có thể làm nhẹ bớt tội lỗi.

Ngày nay người ở thành phố, nhà cửa chật chội thường cúng giỗ ở trên chùa để tiện việc mời khách và cũng đỡ vất vả cho gia đình.

NGÀY GIỖ HỌ

Từ trên mới chỉ nói tới ngày giỗ của từng gia đình

hoặc từng ngành họ. Nhiều gia đình hợp thành một ngành và nhiều ngành họ thành một họ. Mỗi họ có một ông *Tổ chung*. Ngày giỗ ông *Tổ* gọi là ngày giỗ họ hoặc giỗ *tổ*.

Người trưởng tộc lo việc làm giỗ, nhưng tất cả các ngành trong họ đều phải đóng góp.

Người *trưởng tộc* được hưởng của hương hỏa của tổ tiên để lại. Theo luật lệ và tập quán, của hương hỏa không được bán, phải để gây hoa lợi dùng trong việc tế tự và cúng giỗ.

Mỗi họ đều có một nhà thờ *Tổ*. Giỗ *tổ* cũng tại nhà này.

Dầu có của hương hỏa nhưng ngày giỗ *tổ*, như trên đã nói, các hàng con cháu đều góp giỗ. Tiền cúng giỗ còn thừa sẽ dùng sắm sửa tự khí hay trang hoàng nhà thờ.

Ngày giỗ *tổ* họ, trưởng các ngành chi họ đều có mặt. Trừ trường hợp bất đắc dĩ.

Nhiều họ lớn, trong ngày giỗ họ con cháu có mời *phường bát âm* tới tế lễ.

Về số tiền chung để góp giỗ, thường tính theo đầu người, nhưng chỉ đàn ông trên 18 tuổi mới phải nộp đàn bà và trẻ được miễn. Có nhiều họ, con gái không được dự giỗ họ, vì con gái khi lấy chồng sẽ thuộc họ khác, con dâu mới được tới dự giỗ.

Trong ngày giỗ họ, sau những nghi lễ và sau bữa ăn, các trưởng chi thường cùng nhau họp bàn công việc họ.

Ngày giỗ họ, không có mời khách khứa, chỉ có con cháu trong họ cúng lễ và ăn uống với nhau. Tuy không mời khách, nhưng vì con cháu đông nên ngày giỗ họ bao giờ cũng linh đình to tát.

Có họ to, nhân dịp ngày giỗ, làm như một ngày hội, mời phường chèo, phường múa rối tới múa hát cho con cháu xem.

Ngày giỗ họ là dịp duy nhất trong năm để cả họ họp mặt. Trong dịp này, các vị có tuổi thường kể cho con cháu nghe những công trạng, sự nghiệp của ông Tổ, lễ tất nhiên là có nhiều điểm thêm bớt để con cháu được lấy làm vẻ vang về ông Tổ mà họ cố noi gương.

NHỮNG NGƯỜI KHÔNG AI CÚNG GIỖ

Ngày giỗ đã là một ngày kỷ niệm, tất nhiên con cháu phải nhớ ngày kỷ niệm ấy cúng giỗ.

Vậy mà vẫn có những người không ai cúng giỗ! Đó là những người chết đường chết chợ, không có bà con thân thích, hoặc những người tuy có bà con nhưng không phải dòng trực hệ. Những người này thường là những người đã không con lại không của. Những người có của thường lấy một người cháu trong họ để *lập tự*, nghĩa là lập người để hương khói cho mình. Người được chọn

lập tự sẽ được thừa hưởng gia sản của người đứng lập mình ăn thừa tự. Gia sản này sẽ là của hương hỏa để dùng trong việc thờ phụng và cúng giỗ.

Tục ta tin rằng những người không ai cúng giỗ phải đi *cướp cháo lá đa* trong những lễ cúng cô hồn thường được tổ chức những dịp *vào hè* hoặc *ra hè*, cũng như những dịp rằm tháng bảy hoặc cuối năm!

Đi *cướp cháo lá đa* là một điều cực khổ cho vong hồn người chết; những người không con thường bị kẻ thù si và là *đồ cướp cháo lá đa*!

Cướp cháo lá đa là thế nào?

Trong những lễ cúng cô hồn, người ta lấy lá đa làm thành những chiếc bồ dài đổ cháo vào mà cúng.

Những cô hồn, những ma đói, ma khát không ai cúng giỗ thường châu chực ở những lễ cúng cô hồn này xông vào cướp lấy chút cháo ăn!

Những đền chùa, những nhà từ tâm thường hay tổ chức những lễ cúng cô hồn, cốt để những vong hồn không ai hương khói có nơi tới phối hưởng.

GIỖ HẬU

Nhiều người không có con trai cúng giỗ, cũng không lập tự vì không phải ngành trưởng và cũng nghĩ rằng, kẻ ăn thừa tự sau này vẫn có thể bỏ giỗ mình được, hay nếu không thì con cháu kẻ ấy cũng sẽ bỏ giỗ mình,

cũng không muốn sau khi chết phải đi chịu cảnh cướp cháo lá đa! Sẵn tiền của, những người này mua ruộng nương cúng vào họ, vào chùa, vào đền hoặc đình để về sau khi trăm tuổi, họ, chùa đền học đình sẽ cúng giỗ.

Những giỗ cũng như vậy gọi là giỗ hậu.

Tại nhiều làng trong hương ước có ghi cả khoản *mua hậu*, nghĩa là người nào muốn sau này làng cúng giỗ phải bỏ tiền ra mua sự cúng giỗ đó với làng. Tiền mua hậu nộp vào quỹ làng để sắm thêm tư khí, mở đền đình hoặc dùng trong việc công ích khác.

Mua hậu có thể mua bằng tiền hay ruộng nương.

Những người mua hậu có thể phòng sẵn cả việc trăm tuổi của mình, nhờ làng nước chùa chiền hoặc họ làm ma. Họ sẽ cúng một số tiền hay một số ruộng về việc này.

Trong những ngày giỗ hậu tại nhà thờ họ thì trưởng tộc cúng giỗ và có mời một số con cháu trong họ tới dự giỗ.

Tại đình các hương chức quan viên cũng giỗ, rồi cùng nhau chia phần hưởng lộc hậu, ăn uống ngay tại đình hoặc mang về.

Giỗ hậu cúng ở nơi nhà hậu, một căn nhà riêng tại các đình chùa dùng để làm giỗ hậu.

Người khấn giỗ tại đình thường là ông thủ từ hoặc

ông tiên chỉ. Trong ngày giỗ hâu, ngoài việc cúng hưởng giỗ, dân làng cũng phải sa lễ để cáo Thành Hoàng.

Tại chùa việc khấn vái do một vị sư đảm nhiệm. Ở đây trong ngày giỗ hâu có tụng kinh để cầu an cho vong hồn người khuất.

CÚNG GIỖ VỚI VIỆC LẬP TỰ

Qua các đoạn trên ta thấy việc cúng giỗ rất quan trọng đối với dân ta. Dân ta lại tin rằng khi cúng lễ phải do người đồng khí huyết với người khuất khấn vái hương hồn người khuất mới có thể phối hưởng được.

Trong việc lập tự phải theo thứ tự "chiêu mục" nghĩa là người dưới được thừa tự cho người trên, thí dụ như cháu thừa tự cho chú bác, em thừa tự cho anh, chú bác không thừa tự cho cháu, anh không được thừa tự cho em.

Tuy người thừa tự đã lập rồi, nhưng nếu vì tính hạn xấu da, vẫn có thể bỏ đi để lập người khác, gọi là lập hiền hay lập ái.

Người được lập thừa tự tức là con nuôi người lập nên phải ăn ở với cha mẹ nuôi như với cha mẹ đẻ, phải chịu mọi bổn phận của người con đẻ, không được tự ý bỏ cha mẹ nuôi để về nhà mình.

Trong trường hợp cha mẹ nuôi sau khi đã lập tự mới sinh được con trai, người con thừa tự có thể về ở với

cha mẹ đẻ mình, hay có thể cư ở lại với cha mẹ nuôi, sẽ được hưởng một phần gia tài như con đẻ và có đủ mọi quyền lợi như con đẻ.

Trong khi lập tự không được dùng con độc đinh hoặc con trưởng, vì những người con này còn phải giữ việc khói hương của chính cha mẹ đẻ.

Người đàn ông không con, không lập tự lúc sống, lúc chết rồi, vợ có hôn phận thỏa hiệp với tộc trưởng để lập tự lấy người cùng giỗ cho chồng và gia tiên nhà chồng.

Những người đã hỏi vợ nhưng chưa cưới hay mới cưới vợ, nhưng chưa có con chẳng may chết sớm, cha mẹ lập tự cho con, nhưng với điều kiện đã đến tuổi trưởng thành rồi.

Những người chết yếu chưa trưởng thành không được lập tự. Những người này được thờ phụng tại bàn thờ chung của gia đình, cũng có khi linh thiêng được thờ riêng làm ông mãnh và việc cúng giỗ do con trưởng nhớ mà cúng cho.

Những người con nuôi lập tự phải đồng khí huyết với cha mẹ nuôi. Tục không cho lập tự những con nuôi khác họ, những người này chỉ là nhữn nghĩa tử, xưa không được hưởng đủ quyền lợi như con đẻ.

Con rể không được thừa tự cha mẹ vợ. Nếu người con rể ở rể khi cha mẹ vợ chết phải chọn người đồng tông lập tự

Việc lập tự ngày nay chỉ còn tồn tại ở một số các địa phương và quan niệm lập tự cũng ít nhiều thay đổi. Ta có câu *nam vô dung nữ, vô tử dung tôn*, nghĩa là không có con trai dùng con gái, không có thì dùng cháu.

Giờ đây tại nhiều gia đình không có con trai, con gái thường cúng giỗ cha mẹ, hoặc cũng có khi cháu ngoại cúng giỗ ông bà.

Trải qua mọi biến chuyển từ xưa tới nay, việc cúng giỗ đã thay đổi, việc lập tự cũng chịu ảnh hưởng nhiều.

HẬU ĐIỀN VÀ KÝ ĐIỀN

Đã nói tới giỗ, không thể không đề cập các hậu điền và ký điền.

Hậu điền là ruộng hậu, nguyên là của tư của một người vì không có con cái, đem ruộng đó cho cả họ hoặc cả làng: xây nhà thờ, làm đình chùa v.v... Họ hoặc làng nhận ruộng, khi người hiến ruộng chết, họ hoặc làng sẽ cúng giỗ người này.

Ký điền là ruộng tư giao cho làng để cúng giỗ.

Có những trường hợp, những người không có con trai, con gái dễ mua ruộng cúng vào họ hoặc vào làng để họ hoặc làng sẽ làm giỗ cho cha mẹ mình. Những ruộng này gọi là ký điền. Trong **HỌC LUẬT LÊ AN NAM**, Thân Trọng Huế viết:

Ký điền là ruộng tư giao cho làng để ký giỗ cho mình hay là ký giỗ cho ông bà cha mẹ mình.

CỦA HƯƠNG HỎA

Của hương hỏa là của cải gia tiên để lại, lấy hoa lợi dùng trong việc thờ phụng và cúng giỗ. Không có con cháu nào có quyền phát mại của hương hỏa, và trong trường hợp bị tịch điền, của hương hỏa cũng được trừ lại.

CUỐN GIA PHẢ VỚI NGÀY GIỖ.

Làm thế nào để nhớ hết những ngày giỗ từ ngũ đại trở xuống, cả giỗ chính lẫn giỗ phụ, giỗ phụ đây là ngày giỗ những ông mãnh bà cô, giỗ ông chú bà bác, chết yếu hoặc không có con cái giỗ tết do các người cháu lo. Nhiều người gia trưởng hàng năm phải cúng rất nhiều giỗ, khó nhớ cho hết.

Mỗi ngày giỗ đều được ghi trong một cuốn gia phả, tức là quyển sổ ghi chép tính danh, ngày sinh ngày tử và con cái của mỗi người. Mỗi gia đình đều có một cuốn gia phả. Quyển gia phả lại giúp người gia trưởng biết sự liên hệ giữa mình và người hưởng giỗ để khăn vái trong khi cúng.

Ở nhà quê quyển gia phả được giữ gìn rất cẩn thận, một biến cố gì trong gia đình, sinh hoặc tử, đều có ghi

thêm vào.

Đối với một người đã quá vắng, trong gia phả thông ghi rõ, ngoài tỉnh danh, ngay sinh tử, tên các cụ sinh ra vị đồ, tên hiệu, tên tục, tên hèm và các chức tước. Lại có ghi cả vị đồ đã sinh ra những con nào, làm nên sự nghiệp gì.

Có nhiều gia đình trong quyển gia phả có ghi cả sinh quán, trú quán và nguyên quán của từng người, lại có khi ghi thêm cả sự qạ thích lúc sinh thời của mỗi vị.

NGÀY GIỖ CỦA NHỮNG NGƯỜI MẤT TÍCH

Có nhiều người vì sinh kê hoặc vì một lý do nào khác, bỏ nhà ra đi rồi không trở về, cũng không có tin tức cho gia đình biết. Có người bị giặc bắt không tha, có người đi trận rồi bỏ mạng. Tất cả những người trên đối với gia đình đều coi như mất tích, và mất tích tức là chết.

Gia đình những người này tuy không làm ma, không dể vàng, nhưng hàng năm thường có cúng giỗ, nhưng bao giờ người ta cũng đợi một thời gian rất lâu mười mười lăm năm hoặc phong thanh được tin người vắng mặt đã chết.

Ngày chết của người ra đi không ai biết, và cũng không căn cứ vào đâu để biết cho đích xác được. Gia đình người này lấy họ ra đi để cúng giỗ. Có nhiều nhà

lại xin với nhà chùa cầu kinh siêu độ cho vong hồn người mất tích.

Đã có nhiều trường hợp, những người ra đi một thời gian rất lâu không về, người nhà cho đi tìm không thấy, nên hàng năm vẫn cúng giỗ, nhưng rồi đột nhiên một ngày kia người đó trở về. Lẽ tất nhiên là từ năm sau ngày giỗ không còn nữa.

Dù sao, việc cúng giỗ những người mất tích đã chứng tỏ sự nhớ thương lưu luyến của gia đình đối với người ra đi.

HÀI NHI YẾU VONG VỚI NGÀY GIỖ

Những hài nhi yếu vong chết không được cúng giỗ nếu chúng chưa hiểu biết. Những trẻ chết dưới tuổi này, người ta cho rằng đó chỉ là những đứa trẻ lộn kiếp, chúng sẽ đi đầu thai ngay, nhất là những trẻ sơ sinh, hữu sinh vô dưỡng. Những trẻ này có khi là tiền oan nghiệp chướng của cha mẹ nên chúng đầu thai để báo hại, gây sự buồn phiền cho gia đình.

Đối với những trẻ sinh ra được ít lâu sau mới chết, người ta còn tin rằng cha mẹ chúng kiếp trước có nợ chúng, nên kiếp này chúng đầu thai vào để đòi đủ số nợ lại ra đi.

Nợ hết là chết, nên đối với những trẻ hài nhi này, sự

cúng giỗ không cần.

Nhiều gia đình hiếm muộn thương con, dù chúng chết yếu dưới tuổi hiểu biết, tới ngày giỗ họ vẫn cúng để chúng khỏi trở thành những cô hồn, nhưng ma đói ma khát.

Có nhiều bà sinh đẻ nhiều lần vẫn không nuôi được, cho là có ma ám ảnh, nhất là có giặc Phạm Nhan vào bắt con họ, nên lúc sinh con họ thường giết chó đen lấy máu vấy khắp buồng để trừ Phạm Nhan. Rồi những đứa con này vẫn chết, họ cho đó là con lữ mẹ Danh, nghĩa là bọn ma quỷ, lộn kiếp vào nhà họ, rồi lại đi. Đối với hạng hài nhi ấy, không bao giờ được cúng giỗ.

C. BÀN THỜ GIA TIÊN

Đã tới ngày giỗ không thể không nói tới bàn thờ được, vì bàn thờ chính là nơi được thiết lập ra để cúng giỗ.

Xưa kia, tại mỗi gia đình Việt Nam theo Phật giáo, Khổng giáo và Lão giáo, tin ở sự bất diệt của linh hồn, lấy sự thờ phụng tổ tiên làm điều hiếu, trong nhà đều có bàn thờ tổ tiên, tuy bàn thờ có sơ sài hơn xưa. Cũng có nhiều nhà, sống trong hoàn cảnh chật chội, không thể

thiết lập được bàn thờ đúng theo cổ tục, cũng lo đóng một chiếc trang trên tường, hoặc chế biến một mặt tủ thành một bàn thờ tạm thời để tiện việc cúng lễ gia tiên.

Ngoài bàn thờ gia tiên ở chính giữa ngôi nhà chính, thường gọi là nhà Trên, gia đình Việt Nam còn có nhiều bàn thờ khác: bàn thờ Thổ công, bàn thờ Thánh sư, cũng có nơi gọi là Nghệ sư hoặc Tiên sư, bàn thờ Bà cô, Ông mãnh, bàn thờ Thần tài, bàn thờ Tiên chủ v.v... Những gia đình Phật tử lại có bàn thờ Phật, những người tin theo đồng bóng có thêm bàn thờ Chư vị, hoặc lập hẳn một ngôi điện tại một gian nhà riêng đều thờ thay cho bàn thờ Chư Vị; những thầy phù thủy, thường lập một tĩn, một am để thờ Thái tượng lão quân, Độc cước thần, có thầy thờ thêm Tể Thiện đại thánh, Trương Thiên sứ v.v... Nhiều gia đình lại có cả bàn thờ đức Trần Hưng Đạo để ma quý khởi tới lui ám ảnh và cũng có nhà thờ Đức Thánh quan tức là Quan Vân Trường đời Tam Quốc, người đã hiển thánh. Mỗi bàn thờ trang trí một lối khác, không bàn thờ nào giống bàn thờ nào, tuy về đại cương trông các bàn thờ có vẻ giống nhau, mỗi bàn thờ đều có bình hương, bài vị và những tự khí thông thường như ống hương, đèn nến v.v...

BÀN THỜ TỔ TIÊN

Bàn thờ chính trong mỗi gia đình Việt Nam phải là

bàn thờ tổ tiên, tuy nhiên trong việc thờ cúng tổ tiên ta phải phân biệt nhà thờ họ và nhà thờ của từng gia đình.

BÀN THỜ HỌ

Bao nhiêu con cháu dòng, đôi một họ, lập chung một bàn thờ vị Thủy tổ, gọi là từ đường của họ, nhà thờ họ Nguyễn gọi là *Nguyễn tộc từ đường*, nhà thờ họ Lê gọi là *Lê tộc từ đường* v.v...

Tại bàn thờ họ có bài vị của Thủy tổ họ, trên bài vị thường ghi rõ đó là vị Thủy tổ của họ nào, thí dụ như *Đỗ môn lịch đại tổ tôn thân thân chủ*, nghĩa là *Thần chủ tổ tiên họ Đỗ*. Bài vị xưa ghi bằng Hán tự. Thần chủ này không bao giờ thay đổi nên gọi là *bách thế bất điều chi chủ*. Ngày nay, có nhiều người dùng chữ quốc ngữ để đề bài vị.

Có nhiều họ không có nhà thờ thì thay vì bàn thờ thường xây một đài lộ thiên, dựng bia đá, ghi tên thụy hiệu các tổ tiên. Mỗi khi có *Giỗ Tổ* hoặc có lễ tự của một chi họ nào, cả họ hoặc riêng chi họ đó, ra nơi đài lộ thiên cúng tế.

Nơi đài lộ thiên này chỉ dùng để cúng tế, hoặc tổ chức những trò vui như hát chèo, múa rối trong ngày giỗ Tổ toàn họ, hoặc một chi họ nào.

Cúng tế xong, khi ăn uống còn dắt nhau về nhà

trường tộc hoặc trường chi phải tùy theo trường hợp.

Những họ to và giàu có, các trò vui thường tổ chức trong đêm hôm tiên thưởng, và các đàn anh trong họ thường được cả họ đề cử cầm chầu trong những cuộc hát chèo cũng như khi có ả đào tới hát thờ.

Có nhiều họ làm nhà thờ riêng với bàn thờ Thủy tổ để cho chi trưởng nam đời đời giữ hương hỏa, và chỉ khi nào ngành trưởng chẳng may gặp trường hợp tuyệt tự không con trai nối dõi, việc thờ cúng mới truyền sang chi thứ.

Cũng có họ, ngoài bàn thờ Thủy tổ chung cho cả họ, con cháu vẫn luân lưu nhau thờ Tổ ở nhà riêng của mình, nhưng phần nhiều đây chỉ là trường hợp những người phải đi tha hương, không thuận tiện để có thể dự ngày Giỗ Tổ hàng năm và tơi lễ Tổ trong ngày tết được.

BÀN CHI TỪ ĐƯỜNG

Nhiều họ to chia làm nhiều chi, và mỗi chi lại đông con cháu, các chi này ngoài việc tham dự ngày giỗ Tổ toàn họ, còn có ngày giỗ Tổ riêng của chi họ và như vậy các chi đều có nhà thờ riêng gọi là *Bàn chi từ đường*.

Có dịp đi về đồng ruộng, nhiều khi vào một nhà nào, ta có thể thấy trên bàn thờ một bức tranh hoành phi mang mấy chữ nói rõ đó là từ đường của một chi họ nào

thí dụ như *Ngô độc bàn chi từ đường*, lẽ tất nhiên chữ họ ghi trên hoành phi thay đổi theo từng họ.

Từ đường tức là nhà thờ và đất là bàn thờ của chi họ. Trên bàn thờ này có bài vị của ông Tổ cho họ gọi là *Thần chủ bàn chi*. Thần chủ này cũng như thần chủ của Thủy tổ họ sẽ để thờ mãi mãi.

Người trong chi họ có dành những ruộng để lấy hoa lợi cúng giỗ họ. Ruộng này là *Ky điền*. Những ruộng này có thể là hương hỏa của tổ tông để lại, có thể là ruộng của hàng họ chung nhau tậu và cũng có thể là của một người trong họ cúng để lấy hoa lợi chi cho việc tế tự.

Có họ có những người con gái đi lấy chồng, không có con, cúng tiền, cúng ruộng về họ mình. Họ nhận những ruộng ấy làm *ruộng ky*, rồi khi người con gái chết được thờ tại nhà thờ họ và ngày giỗ người con gái này do họ sẽ cúng. Ngày giỗ đó gọi là *giỗ hậu họ*.

GIA TỪ

Gia từ tức là nhà thờ riêng của từng gia đình, và đây tức là nơi có bàn thờ gia tiên của mỗi nhà.

Chỉ những nhà giàu có mới có thể có riêng một ngôi nhà thờ. Tại những gia đình bình thường, bàn thờ được thiết lập ngay tại nhà ở, nhưng dù giàu nghèo thế nào mỗi nhà cũng có một bàn thờ tổ tiên.

Cũng có những gia đình con thứ không phải cúng giỗ, lý ra không cần phải có một bàn thờ, nhưng vì lòng thành kính đối với tổ tiên, người ta vẫn lập bàn thờ để thờ vọng. và để cúng vọng trong những ngày giỗ, nếu vì lý do gì người ta không thể tới nhà trưởng được, nhất là trong trường hợp xa nhà, không thể như mọi người hàng năm về dự giỗ tết.

TRANG TRÍ BÀN THỜ TỔ TIÊN

Bàn thờ thường được thiết lập ở gian giữa nhà chính, tức là nhà trên, nếu không có một nhà riêng để làm nhà Thờ.

Bàn thờ kê hai lớp:

+ Lớp trong:

Lớp trong kê sát ngay vào tường hậu và gồm:

- Chiếc rương thật lớn, cao vào khoảng một thước, dài trên hai thước và rộng gần hai thước.

Mặt trước chiếc rương có đóng nẹp chia làm ba ô, ở các ô này, có khi là ba chữ đại tự, có khi là những bức tranh được dán vào trong những dịp Tết. Trên nẹp có những đồng tiền đồng hoặc kẽm tùy theo từng nhà.

Trong chiếc rương cất đựng những bát đĩa, nôi đồng, xanh đồng lớn, hàng ngày không dùng đến, chỉ những khi giỗ tết mới lấy ra.

Tại những gia đình sung túc, chiếc rương lớn này

được thay thế bằng một chiếc bàn to, dung la là một chiếc sập son son thếp vàng, kê trên mễ cao vào khoảng một thước. Phía đằng trước thường có một tấm màn bằng vải đỏ che giấu những mâm thau đồ đồng cùng bát đĩa, được xếp dưới gầm sập thay vì để trong rương.

- Ít nhất hai chiếc mâm nhỏ chân quỳ mặt hình chữ nhật: Một chiếc bề dài độ tám tấc, bề rộng độ sáu tấc, kê ở giữa chiếc rương hoặc chiếc sập nói trên. Chiếc mâm thứ hai nhỏ hơn, kê đằng sau chiếc thứ nhất. Hai chiếc mâm này cao chừng bốn tấc trông giống như hai chiếc bàn nhỏ thấp, dùng để bày đồ lễ trong những ngày sóc vọng giỗ tết. Trong những ngày giỗ tết có làm cỗ, cỗ bàn bày trên chiếc mâm thứ nhất, còn hương hoa trầu nước bày ở chiếc mâm thứ hai nhỏ hơn.

- Bên trong cùng lớp thứ nhất là Thần chủ đựng trong long khám kê trên một chiếc bệ, chiếc bệ này cao ngang mặt hai chiếc mâm.

Có nhiều gia đình không thờ thần chủ chỉ kê ở nơi đây một chiếc y hoặc một chiếc ngai, tượng trưng cho ngôi vị của Tổ tiên.

Hai chiếc mâm kê trên mặt rương, chiếc y hoặc chiếc ngai cũng như tất cả các đồ thờ khác thường bằng gỗ mít, thứ gỗ này ít mọt, có mùi thơm, màu vàng đẹp.

Tại những gia đình sung túc, những đồ thờ này thường được sơn son thếp vàng rất lộng lẫy.

Riêng về chiếc ngai, dù bằng gỗ mít hay bằng loại gỗ

khắc được sơn son thiếp vàng, hai tay ngài đều mang hình dấu rồng, rồng đứng đầu tư lịnh và được dùng trang hoàng cho đồ tự khí.

- Trên chiếc mâm nhỏ kê bên trong, ở trước thần chủ hay chiếc ngai, ta thông thấy một cái tam sơn, một đồ thờ để đặt đĩa trầu, chén rượu, ly nước, đĩa hoa quả trong những cung lễ.

Tại nhiều gia đình thế vì chiếc tam sơn có kê nhưng chiếc đài mà công dụng cũng như chiếc tam sơn. Mỗi chiếc đài thường cao độ năm phân và nhỏ nhỏ để đặt vừa chiếc ly, chiếc chén hay đĩa đựng, trầu rượu nước hoa trong khi cúng lễ.

Đó là lớp trong bàn thờ.

Lớp trong này được ngăn với lớp ngoài bằng một chiếc y môn tức là một chiếc màn thờ, thường màu đỏ, bằng the nhiều hay vải tùy theo gia cảnh từng gia đình.

Chiếc *y môn* treo từ trên cao thõng xuống, lúc buông che kín hết bàn thờ lớp trong khi vén lên cũng vẫn đủ ngăn chia hai lớp bàn thờ.

+ Lớp ngoài:

Lớp ngoài bàn thờ bắt đầu từ chiếc *y môn* trở ra.

- Trước tiên là một hương án cao
- Trên hương án này, tại chính giữa là một bình hương bằng sứ để cắm hương khi cúng lễ.
- Đằng sau bình hương là một chiếc kỷ nhỏ, giống

chiếc mâm kê ở trước Thần chủ lớp trong, chiều cao độ ba mươi phân, dài năm mươi phân, rộng độ hai mươi nhà' phân.

Đặt trên chiếc kỷ này là ba chiếc đài có nắp và trên nắp có núm cầm. Khi mở nắp ra, nắp kê xuống dưới, đài đặt lên trên. Đài bằng gỗ đã được tiện rỗng dưới để khi đặt lên trên nắp đài, đài sẽ ăn khớp với nắp. Hoạc đài bằng đồng cũng vậy.

Ba đài này đựng chén rượu nhỏ lúc cúng lễ. Hàng ngày đài đây nắp để tránh bụi bặm, chỉ mở ra trong những dịp giỗ tết sóc vọng, và trong những dịp này bao giờ chén cũng được rót rượu vào.

- Hai bên bình hương là hai cây đèn, cao khoảng bốn tấc chân tiện và lưng chùng có vành rộng ra gọi là đĩa đèn. Hai cây đèn này chính ra chỉ là hai đế đèn, vì không có chỗ đựng dầu để thấp.

Trong những ngày cúng lễ xưa kia, người ta đặt lên trên hai cây đèn này hai đĩa dầu lạc hoặc dầu lai dùng bấc đốt. Từ khi tiếp xúc với Tây phương, hai đĩa dầu trên được thay thế bằng hai ngọn đèn dầu lửa. Tại các nhà hàng sang trọng, những nơi đô thị, từ ngày có điện người ta mắc bóng điện thẳng vào hai cây đèn.

- Gắn hai bên bình hương, ngoài hai cây đèn có khi còn có hai con hạc chầu hai bên. Trên đầu hai con hạc cũng có chỗ để thấp nến.

Ở mé ngoài hai cây đèn, gần hai đầu hương án là hai

ống hương, dùng để đựng hương. Hai ống hương này chân tiện, miệng hơi loa.

- Nhiều khi ngoài các đồ thờ trên, còn có một lọ độc bình hoặc đôi song bình bày trên hương án, có cắm cành đào trong dịp Tết cũng như các cành hoa khác trong ngày giỗ chạp hoặc sóc vọng.

- Trong trường hợp chỉ có một chiếc độc bình, đôi diện với chiếc độc bình là một chiếc mâm bồng để bày hoa quả trong lúc cúng lễ, cũng có khi là một chiếc mâm chân quỳ.

Tất cả những đồ thờ trên: hương án, kỷ nhỏ, đèn, nến, ống hương, mâm bồng v.v... tại các gia đình bình thường, thường bằng gỗ mít, hoặc sang hơn thì sơn son thiếp vàng trừ bình hương và lọ độc bình, song bình bằng sành hoặc bằng sứ.

Thay cho các đồ gỗ trên các gia đình sang trọng dùng đồ bằng đồng gọi là những bộ tam sự, ngũ sự hay thất sự. Cũng có nhà sắm toàn đồ sứ Giang Tây rất quý.

Trong bộ tam sự chiếc đỉnh đồng thường thay thế cho bình hương. Hai bên đỉnh là hai con hạc đồng trên mỏ ngậm hai bông hoa, trên đầu có chỗ cắm nến, cũng có khi hai cành hoa được đúc khéo để biến thành hai nơi cắm nến.

Nếu là bộ ngũ sự, thêm vào ba thứ trên có hai ống hương, còn bộ thất sự lại có thêm đôi đèn nữa.

Tất cả những tụ khí trên, gia đình càng sung túc càng sắm thứ đắt tiền quý giá, những gia đình nghèo túng, dù sao cũng có cho có được một bình hương và đôi đèn nến.

Trước bàn thờ, tại các nhà giàu có, đôi khi còn bày thêm giá bình khí, có cấm bát bảo lộ tức là tám thứ vũ khí của quân sĩ thời xưa.

Những đồ tư khí được coi là rất thiêng liêng, nghèo thiếu đèn dầu cũng không ai dám đem cầm bán, người nào bất đắc dĩ phải cầm bán đồ thờ đều bị dân làng chê cười.

CHIẾC Y MÔN

Y môn nghĩa đen là chiếc cửa vải, nhưng như trên đã nói, chiếc y môn là chiếc màn ngăn cách lớp bàn thờ bên ngoài với lớp bàn thờ bên trong.

Chiếc y môn gồm ở phía trên một lớp ngang bằng vải lụa hoặc nhung the màu. Trên lớp ngang này thường có thêu hoặc đan mây chữ đại tự, giống như những chữ khắc ở hoành phi.

Từ lớp ngang trên thông dọc xuống hai cánh bằng vải, the, nhung hoặc lụa màu hồng hay đỏ, có khi viền và thêu chung quanh, có khi chỉ khâu trơn các mép. Hai cánh này thường ngày được vén lên, chỉ buông xuống trong ngày giỗ, lúc gia trưởng đã cúng khấn và con cháu đã lễ bái xong.

Sở dĩ y môn buông xuống là vì trong lúc tổ tiên thụ hưởng đồ lễ, cần phải che màn để hương hồn các cụ có thể hưởng lễ được một cách tự nhiên, cũng như người sống khi ăn không muốn kẻ khác nhìn mồm dù đó là con cháu.

TỰ ĐĂNG

Ở đằng trước y môn thường có treo một chiếc đèn gọi là tự đăng. Xưa kia ta còn thắp đèn dầu lạc tự đăng là một chiếc đèn lồng, về sau được thay bằng một chiếc đèn ba giấy thắp dầu lửa, và kể từ những năm đã có điện, tại các đô thị chiếc đèn ba giấy lại được thay bằng chiếc đèn điện.

Chiếc đèn này vào những dịp giỗ tết được thắp suốt đêm ngày, trong thời kỳ người ta cho rằng hương hồn người khuất tại vị trên bàn thờ.

Ngọn đèn tượng trưng cho sự hiện diện của tổ tiên.

THẦN CHỦ

Trên bàn thờ ông Tổ một họ bao giờ cũng có riêng một thần chủ, thần chủ này để lại mãi mãi

Tại các gia từ, các nhà phú quý mới lập thần chủ để thờ, và đã lập thần chủ phải có đủ thần chủ từ bốn đời trở lên, kể từ người gia trưởng. Ấy là thần chủ của kỵ cụ, ông và cha tức là cao, tăng, tổ, khảo.

Thần chủ làm bằng gỗ táo, lấy nghĩa rằng cây táo

sống lâu được nghìn năm.

Thần chủ dãi vào khoảng hai tấc rưỡi, ở giữa để tên họ chức tước, còn hai bên thì để ngày tháng sinh tử của tổ tiên.

Thần chủ có hộp vuông che kín để trong long khám, chỉ khi nào có cúng tế mới mở ra.

Thần chủ chỉ để thờ từ bốn đời trở xuống, hễ đến đời thứ năm thần chủ của cao tổ được mai đi và nhắc lần các bậc tông tổ khảo lên bậc trên, rồi đem ông mới nhất thế vào thần chủ ông khảo.

Việc mai thần chủ này gọi là Ngũ đại mai thần chủ, nghĩa là thần chủ đời thứ năm được chôn đi.

Tại các gia đình bậc thường ít nhà thờ thần chủ.

Nơi kê khám thần chủ có kê chiếc kỷ hoặc chiếc ngai tượng trưng sự tại vị của tổ tiên.

GIA PHẢ

Nhà thờ nào cũng có cuốn sổ để ghi chép thế thứ trước sau của tổ tiên và mọi người trong nhà. Đó là cuốn *Gia phả*.

Trong gia phả, mỗi vị tổ tiên đều có ghi rõ ngày, tháng sinh tử, chức, tước, có khi ghi rõ cả tính tình và sự ưa thích của mỗi vị lúc sinh thời, vị nào sinh ra những vị nào, ngành, trưởng, ngành thứ là những ai đều ghi hết.

Gia phả thường dùng bằng giấy sắc, viết *tinh tả*, nghĩa là viết một cách rất rảnh rỗi, để tỏ lòng thành kính đối với tổ tiên. Nhà đại gia, có công nghiệp với dân với nước trong gia phả có ghi chép cả công trạng của tổ tiên, sinh tại đâu, táng tại đâu, có được nơi nào thờ phượng làm phúc thần, chết trong trường hợp nào. Trong trường hợp này, gia phả được coi như một quyển sử ký của gia đình.

Gia phả để tại nhà thờ, cất trong long khám, hoặc để vào một chiếc hộp riêng trên giường thờ.

Những họ to thường cho sao hoặc in gia phả làm nhiều bản chia cho mỗi họ một bản để con cháu được biết sự tích của tổ tiên.

HOÀNH PHI

Vào mỗi nhà thờ ta trông thấy những tấm biển gỗ treo cao nằm ngang trên mé trước giường thờ chiều ngang ăn suốt gian nhà vào khoảng ba thước, chiều cao độ từ một thước tới thước hai có khắc những chữ thật lớn, thường là ba, bốn chữ.

Những biển gỗ này chính là những bức Hoành phi. Có bức hoành phi sơn son chữ vàng, có bức sơn đen chữ đỏ hoặc vàng, cũng có bức sơn son hoặc sơn đen chữ khảm xà cừ. Có những bức hoành phi hình cuốn thư.

Những nhà nghèo không có hoành phi bằng gỗ

thường dùng những tấm cốt đóng nẹp rồi dán lên những tấm giấy đỏ có viết đại tự treo thay hoành phi gỗ.

Những chữ viết trên hoành phi tỏ lòng tôn kính của con cháu đối với tổ tiên, hoặc để ghi tụng công đức của tổ tiên.

Dưới đây là những chữ đại tự thường thấy trên các bức hoành phi.

- KÍNH NHU TẠI *nghĩa là con cháu kính trọng tổ tiên như tổ tiên lúc nào cũng tại vị trên bàn thờ.*

- PHÚC MÃN ĐƯỜNG *nghĩa là gia đình đầy đủ dư phúc đức.*

- BÁCH THỂ BẤT THIÊN *nghĩa là bao giờ con cháu cũng ăn ở đúng mực không thiên lệch v.v...*

Có gia đình chỉ treo tại bàn thờ tổ tiên một bức hoành phi, có gia đình sung túc treo tới hai ba bức, viết theo hai ba lối chữ *chân thảo triện lệ*, mỗi bức một lối chữ và một câu khác nhau.

Trên bức hoành phi, ngoài những chữ đại tự còn có ghi niên hiệu năm làm vào mùa tháng nào học tên tuổi người con cháu nào đã cúng vào nhà thờ bức hoành phi. Trường hợp hoành phi có ghi tên người cúng thường là hoành phi tại các nhà thờ Tổ họ hay Trưởng chi họ.

CÂU ĐỐI

Nếu ở trên cao bàn thờ có treo những bức hoành phi

phi thì ở cột hoặc ở tường nhà thờ có treo những câu đối, nhà giàu bằng gỗ sơn son thiếp vàng, hay sơn đen khảm xà cù, còn nhà nghèo là những đôi liễn hay những tờ giấy hồng có viết những câu đối. Nhiều nhà có treo những câu đối rất quý, mỗi vế là nửa cây gỗ đã được xẻ đôi, sơn son hoặc sơn đen, có thiếp vàng hoặc khảm trai những hàng chữ.

Cũng như những bức hoành phi, đại ý những câu đối cũng là để con cháu tỏ lòng thành kính đối với tổ tiên và xưng tụng công đức của tổ tiên. Cũng có đôi câu đối tả một cảnh an nhàn con cháu đang hưởng, những câu đối loại này thường treo ở gian bên cạnh bàn thờ, nơi gia trưởng tiếp khách.

Xin chép ra đây mấy câu đối thường thấy tại các gia đình.

Tổ tông công đức thiên niên thịnh

Tử hiếu tôn hiền vạn đại hưng.

Lược dịch:

Công đức tổ tông nghìn năm thịnh

Hiếu hiền con cháu vạn đời ngay

Đôi câu đối này nhà nào treo cũng được.

Đôi câu đối sau đây treo tại nhà thờ một gia đình xưa ông cha đã có một sự nghiệp:

Tiên tổ phước danh lưu quốc sử

Tử tôn tích học kế gia phong

Lược dịch:

Tiên tổ danh thơm ghi sử nước

Cháu con tích học nối cơ nhà

Và câu đối thứ ba đây treo ở gian nhà chơi, hoặc gian bên cạnh giường thờ, nơi tiếp khách để tỏ sự an nhàn của con cháu.

Sơn thủy thanh cao xuân bất tận

Thần tiên lạc thú cảnh trường sinh

Lược dịch:

Phong ánh thanh cao xuân mãi mãi

Thần tiên vui thú cảnh đời đời

Dưới đây một đôi câu đối thông dụng nữa thường thấy ở bàn thờ bất cứ gia đình nào, do mấy ông đồ nhỏ Tết vẫn viết thuê bày bán.

Phúc sinh lễ nghĩa gia đường thịnh

Lộc tiến vinh hoa phú quý xuân.

Mấy đôi câu đối trên cũng như mẫu chữ hoành phi chỉ được nêu ra để đơn cử một vì ví dụ ngõ hầu bạn đọc có một ý niệm sơ lược về những bức đại tự và những đôi câu đối treo tại các nhà thờ tổ tiên.

Những đôi câu đối và những đại tự các bức hoành phi ghi trên đều bằng chữ Hán tự nhưng rất có nhiều nhà dùng câu đối nôm, có khi cả hoành phi nôm.

Thường thường những đôi câu đối treo tại nhà thờ tổ

tiên cũng như những bức hoành phi thay đổi tùy theo hoàn cảnh và địa vị của người gia trưởng, và cũng tùy theo sự nghiệp của ông cha.

BÀN THỜ GIA TIÊN Ở CÁC NƠI ĐÔ THỊ

Đây là tình trạng ở nhà quê, nơi có đất rộng người thưa!

Còn ở tỉnh, bàn thờ ngày nay đâu còn là bàn thờ ngày xưa nữa! Nhà cửa chật chội, người đông đúc, bàn thờ lập vào đâu?

Nhưng không có bàn thờ không được! Người ta đành thiết lập bàn thờ trên một tấm ván đóng trên tường, trên một chiếc trang treo trên tường, và có khi trên một nóc tủ áo hoặc tủ ăn v.v... Người ta cũng cố có một bình hương nhỏ, nếu không có cũng phải lấy một bát sành để cắm hương!

Bàn thờ còn như vậy, nói gì đến câu đối với hoành phi!

Kính tại tâm, bàn thờ dù theo lối nghi cũng chỉ là hình thức!

Người ta tự an ủi rằng *tâm động quý thần tri* và các cụ chắc cũng thông cảm cho con cháu, đánh chữ đại xá vì thiếu một bàn thờ nghiêm chỉnh!

BÀN THỜ NHỮNG NGƯỜI MỚI CHẾT

Những người mới chết thường không được thờ chung tại bàn thờ gia tiên. Tang gia bao giờ cũng lập bàn thờ riêng, ở ngay tại nhà thờ, hoặc ở một gian nhà ngang.

Bàn thờ sơ sài hơn bàn thờ gia tiên, chỉ gồm một bàn hương, một bộ đài, một vài lọ hoa, với bài vị. Ngày nay ngoài bài vị thường có thêm bức ảnh hoặc bức tượng.

Sở dĩ lập bàn thờ riêng để tiện việc cúng bái hàng ngày và hàng tuần từ sơ thất đến thất thất.

Tại các bàn thờ riêng này có treo đối trường, hoặc của chính gia chủ hoặc của người thân thuộc bái bệ phụng viếng.

Dưới đây mấy mẫu đối trường thông dụng, do ông Viên Tài Hà Tân Phát sưu tầm trong cuốn *văn công, thọ mai gia lễ*.

Trưởng:

Thờ cha:

Hổ sơn vân ám

Vân ám dành hồ

Thờ mẹ:

Dinh tam thốc xã

Thờ chung cha mẹ:

Chung thọ tương sâm

Hổ sơn vân ế

Vợ chồng thờ lẫn nhau

Sơn trường thủy viễn

Chồng thờ vợ:

Âm dung như tại

Vợ thờ chồng:

Đồ vọng tế quân

Câu đối

Thờ ông bà cha mẹ:

Ơn cao quá núi đòi ngàn trượng,

Nghĩa nặng hơn sông mấy vạn lần

hoặc:

Lễ sớm hương hóm lòng hiếu kính,

Non cao biển rộng đức sinh thành

Thờ cha mẹ:

Hiếu đạo chưa đền ơn cúc dục,

Khuất còn thêm tội phận làm con

Vợ chồng thờ lẫn nhau:

Âm dương chia cách đành đôi ngã.

Nặng nợ tào khang một tấm lòng

Chồng thờ vợ:

Trăm năm ân ái nay ly biệt

Hóm sớm vào ra bất bóng hồng

Thông dụng chung:

Người về âm cảnh thận thư thái,

Kẻ ở dương gian dạ ngậm ngùi

Đối với ông bà cha mẹ, tại các bàn thờ ta có thể thấy đôi liễn mỗi bên bốn chữ:

Mộc từng căn trường,

Thủy tự nguyên lưu

Nghĩa là:

Cây theo cội lớn

Nước tự nguồn trôi

BÀ CÔ ÔNG MẠNH

Bà Cô, ông Mạnh là những con cái trong gia đình chết trẻ, chưa lấy vợ lấy chồng, gặp giờ linh, trở nên linh thiêng.

Sự linh thiêng này thường do sự báo mộng cho người sống và sự đi về của những vong hồn này từng được người nhà xác nhận qua một vài sự trạng xảy ra trong gia đình, thí dụ như đèn đóm xanh bay vào nhà, hóa chân hương trong một buổi cúng lễ v.v... mà theo tín ngưỡng thì tục cho đó là sự trở về hoặc sự hiện hồn của người khuất.

Các bà Cô, ông Mạnh chính ra cũng được thờ trên

bàn thờ tổ tiên, nhưng vì tuổi nhỏ, sợ không dám cung .
về hưởng lễ với các cụ trên một giường thờ chung, cũng
như ở trên dương trần, tại nhiều gia đình, trẻ con không
được phép ngồi cùng ăn với người lớn, nên có những
bàn thờ riêng cho bà Cô ông Mãnh.

Bàn thờ bà Cô, ông Mãnh thường đặt ở dưới gầm
hương án của bàn thờ tổ tiên. Như trên đã trình bày, bà
Cô ông Mãnh vì tuổi nhỏ, phải thờ ở dưới thấp không
thể thờ ngang với bàn thờ tổ tiên được.

Bàn thờ bà Cô, ông Mãnh đơn sơ giản dị lắm, chỉ có
một chiếc bệ trên có đặt bài vị, nhiều khi không có cả
bài vị nữa. Trước bài vị là một bình hương nhỏ, có vài
ba chiếc đũa để đặt ly rượu, đĩa trầu cau, tách nước khi
cúng, hoặc có hoặc không một cây đèn nhỏ, - nếu
không có cây đèn, khi cúng người nhà sẽ thắp một câu
nến hoặc một ngọn đèn đặt vào.

Có nhà thờ chung nhiều bà Cô, ông Mãnh vào một
bàn thờ với một bát hương duy nhất, có nhà thờ riêng
mỗi vong hồn một bát hương.

Bà Cô, ông Mãnh được cúng vào ngày kỵ, ngoài ra
gặp những dịp sóc vọng tuần tiết giỗ tết đều có lễ cúng.

Khi cúng bà Cô, ông Mãnh, người gia trưởng thường
chỉ làm tam khấu không lễ vì đây là vào hàng con cháu.
Đôi khi gia đình bảo con cháu vào hàng đàn em các bà
Cô, ông Mãnh lễ thay mình.

Những gia đình có thờ bà Cô, ông Mãnh, gặp khi

trong nhà có trẻ nhỏ váng mình mẩy, người ta thường khấn tới những vong hồn này, có khi thắp hương với trần ở bàn thờ, có khi các bà mẹ các vong hồn chỉ làm râm khăn miệng cầu xin các vong hồn phù hộ đứa trẻ đau được khỏi.

Ý NGHĨA CÁC ĐỒ THỜ

Qua sự trần thiết bàn thờ đã trình bày, mỗi tự khí đều mang một ý nghĩa riêng người xưa đã đặt cho.

Cái tam sơn tượng trưng cho Tam giáo.

Cái lư hương tròn tượng trưng cho bàn *Thái cực*,

Hương được thắp lên tượng trưng các vị tinh tú.

Đôi đèn tượng trưng nhật nguyệt quang minh.

Lọ hoa, thường là lọ lục bình tượng trưng cho cái tâm không, tức là lục căn thanh tịnh.

Khi cúng, lễ bái là tỏ lòng thành kính và bớt lòng ngã mạn kiêu căng.

KẾT LUẬN

Người Việt Nam thờ phụng tổ tiên chính là vì hiếu và vì sự biết ơn các bậc đã sinh ra mình, nuôi nấng và tác thành cho mình.

Cha mẹ sinh ra mình, mình không biết hiếu kính biết ơn thờ phụng, thử hỏi mình còn có thể thờ phụng, một giáo chủ nào với tất cả tấm chân thành được nữa.

Người Việt Nam tuy có theo các tôn giáo, nhưng vẫn không bao giờ vì tôn giáo bỏ các đấng sinh thành ra mình, nghĩa là bỏ tổ tiên được.

Cụ Đồ Chiểu khi nhắc tới sự thờ phụng tổ tiên có mấy câu thơ sau:

Dầu dui mà giữ đạo nhà,

Còn hơn sáng mắt ông cha không thờ!

Dầu dui mà khỏi danh nhơ,

Còn hơn sáng mắt ăn dơ tanh rình !

Phần II

CÁC VỊ THẦN THỜ TẠI GIA

Ta có câu *Đất có Thổ công, sông có Hà Bá*, nghĩa là tại các gia cư Thổ Công cai quản, còn tại sông có thần Hà Bá.

Thổ Công là vị thần quan trọng nhất trong gia đình. Ngài tức là vị *Đệ nhất gia chủ chủ*, trên cả mọi vị thần khác.

Ngoài Thổ Công, các vị thần khác được thờ tại gia phải kể: Thần Tài, Tiên Sư, Tiền Chủ, Đức Thánh Quan, Thần Hổ, Thổ Địa v.v...

A. THỔ CÔNG

Người Việt Nam đã thờ phụng tổ tiên, gia đình nào cũng có thờ Thổ Công. Thổ công chính là vị thần trông coi gia cư, định sự họa phúc cho gia đình tin chủ. Nhờ Thổ Công, các hồn ma quỷ không xâm nhập được để quấy nhiễu những người trong nhà.

BÀN THỜ THỔ CÔNG

Đã thờ phụng, phải có bàn thờ. Nhà nào đã tin theo Thần đạo đều có bàn thờ Thổ Công. Nhiều người thuộc ngành thứ, không có bốn phận cúng giỗ, trong nhà không có bàn thờ tổ tiên, cũng thiết lập một bàn thờ Thổ Công.

Bàn thờ Thổ Công thường đặt ngay ở gian bên, cạnh bàn thờ tổ tiên. Tại những gia đình không có bàn thờ tổ tiên, bàn thờ Thổ Công được đặt ở gian chính giữa nhà.

Bàn thờ Thổ Công giản dị hơn bàn thờ tổ tiên, và gồm một chiếc hương án kê liền với hậu tường gian nhà.

Trên hương án có chiếc mâm nhỏ, giống chiếc bàn đặt trên hương án bàn thờ gia tiên, và ở trên cũng có ba đài rượu với nắp dầy như trên bàn thờ gia tiên vậy.

Đằng sau chiếc bàn nhỏ này, kê cao hơn lên là bài vị Thổ Công, hoặc có khi được thay bằng một cỗ mũ gồm ba chiếc, mũ đàn bà đặt ở giữa và hai bên hai chiếc mũ đàn ông. Cũng có nhà chỉ thờ một chiếc mũ.

Đằng trước bàn nhỏ là bình hương hoặc đỉnh trầm. Hai bên bình hương hoặc đỉnh trầm là đôi nến, đôi ống hương.

Ở những gia đình túng thiếu, bàn thờ Thổ Công lại càng giản dị hơn. Có khi chỉ là một chiếc bàn, trên bàn

có một bình hương và một cỗ mũ đặt ngay sau bình hương.

Dù bàn thờ có giản dị thế nào cũng vẫn là một bàn thờ đủ biểu lộ sự thành kính của gia chủ đối với vị thần săn sóc gia cư mình.

BÀI VỊ THỔ CÔNG

Chính ra tại bàn thờ Thổ Công không phải người ta chỉ thờ một vị thần, mà ở đây là ba vị thần với ba danh hiệu khác nhau.

Tại bài vị người ta để cả ba danh hiệu của ba vị thần này trông coi về ba việc riêng biệt :

Thổ Công trông nom việc trong bếp

Thổ Địa trông nom việc trong nhà

Thổ kỳ trông nom việc chợ búa cho dân hà hoặc việc sinh sản mấy vật ở vườn đất.

Bài vị của ba vị thần lập chung và để như sau:

Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân

Bản gia *Thổ địa Long mạch tôn thần*,

Ngũ phương ngũ thổ Phúc đức chính thần.

Chữ bản gia đặt lên trên vì mỗi nhà đều được thay thế hàng năm vào ngày 23 tháng chạp âm lịch, tức là vào ngày lễ Táo quân. Nhân dịp này người ta sửa lễ cúng ông Công rồi người ta đốt bài vị cũ để thay bài vị mới.

Cũng có nhà thay vì bài vị trên, bài vị Thổ công được viết thu gọn như sau:

ĐỊNH PHÚC TÁO QUÂN

Tức là ông vua Táo định phúc đức cho gia đình. Phúc đức này do sự ăn ở phải đạo hay trái đạo của gia chủ và người nhà.

Táo quân thường được tôn là *Đệ nhất gia chi chủ* nghĩa là vị chủ thứ nhất tại một nhà. Chính vì vậy mà mỗi khi muốn cúng lễ đều phải cúng Táo quân trước và xin phép ngày để những vị được cúng lễ có thể tới phối hưởng.

Hai bên bài vị trên bao giờ cũng có một đôi câu đối, thường là đôi câu đối sau đây:

Hữu đức năng ty hỏa

Vô tư khả đạt thiên

Nghĩa là:

Có đức trông coi việc lửa

Vô tư có thể lên trời

Sự thu gọn bài vị trong bốn chữ *Định phúc Táo quân* rất đúng, vì Táo quân gồm cả ba vị Thổ Công, Thổ Địa và Thổ Kỳ.

MŨ THỔ CÔNG

Mũ Thổ Công có thể là một cỗ ba chiếc, một đàn bà và hai đàn ông, hoặc có thể chỉ là một chiếc đàn ông.

Mũ đàn ông có hai cánh chuồn vút lên, còn mũ đàn bà không có hai cánh chuồn đó

Khi người ta thờ một cỗ mũ ba chiếc là người ta thờ đủ mũ dành cho cả ba vị thần, còn trong trường hợp thờ một mũ, đó là mũ Thổ Công. Cỗ mũ hoặc chiếc mũ đặt trên chiếc bệ bằng giấy. Mỗi chiếc mũ có kèm theo chiếc áo và một đôi hia dính vào bệ giấy. Dưới mỗi chiếc mũ thường kẻ một vài trăm vàng thoi.

Mũ, áo và hia Thổ Công mỗi năm một màu, màu này ăn theo với ngũ hành : Mỗi năm có một hành riêng, và mỗi hành lại một màu khác.

Ngũ hành là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Năm nào hành Kim như năm Quý Mão thì mũ màu vàng.

Năm nào hành Mộc thì mũ màu trắng.

Năm nào hành thủy thì mũ màu xanh

Năm nào hành Hỏa thì mũ màu đỏ

Năm nào hành Thổ thì mũ màu đen

Cũng như bài vị Thổ Công, hàng năm mũ cũng được đem hỏa thiêu vào ngày Tết Táo quân và được thay thế

hàng một cỗ mũ khác, cỗ mũ này cũng để thờ cho đến 23 tháng chạp năm sau.

SỰ TÍCH TÁO QUÂN.

Đã nói tới sự thờ cúng Thổ Công, tưởng cũng nên nói sơ qua về sự tích Thổ Công.

Tục tin rằng ngày 23 tháng chạp Thổ công lên châu trời, tâu bày mọi việc xấu tốt của trần gian.

Thổ Công là Thần Đất và cũng là Thần Bếp núc.

Người Trung Hoa lập bàn thờ Táo quân sát đất và khi cúng vái thì rót rượu đổ xuống sàn. Hàng ngày vào lúc chiều暮, họ đều thắp hương cúng Thổ Công.

Theo người Việt Nam sự tích Táo Quân khác hẳn.

Táo quân nghĩa đen là *Vua bếp*

Vua Bếp có ba ngôi, gồm ba vị thần linh như đã trình bày ở trên.

Sự tích Vua bếp như sau:

Ngày xưa có hai vợ chồng nhà kia, chồng là Trọng Cao, vợ là Thị Nhi. Đôi vợ chồng lấy nhau đã lâu không có con, buồn phiền thường cãi cọ nhau, rồi đến một hôm Trọng Cao giận quá đánh vợ.

Bị chồng đánh, bực mình Thị Nhi bỏ nhà ra đi, gặp một chàng trai là Phạm Lang. Phạm Lang đem lời khêu léo quyến rũ nên được cùng Thị Nhi ăn ở thành vợ

chồng.

Khi Trọng Cao hết giận, thấy vợ ứa bò đi mất, liền đi lòng kiếm khắp nơi để xin lỗi, nhưng tìm mãi không thấy vợ, bỏ cả công ăn việc làm, đi khắp chốn này qua chốn khác. Hết tiền, Trọng Cao phải hành khất lần hồi.

Một ngày Trọng Cao vào một nhà kia ăn xin. Bà chủ nhà mang cơm ra cho, Trọng Cao nhìn chính là Thị Nhi, và Thị Nhi cũng nhận ra chồng cũ của mình.

Đôi bên tỏ hết nỗi niềm cùng nhau. Thị Nhi cũng hối hận đã trót lấy Phạm Lang.

Đôi bên cùng nhau hàn huyên một chập, nhưng chợt Thị Nhi nghĩ nếu bắt thần Phạm Lang trở bề bắt gặp thì thật là khó ăn khó nói. Nàng liền bảo người chồng cũ hãy tạm ra ẩn ở đồng rơm ngoài vườn để nàng lo liệu sao cho mọi việc được vẹn toàn.

Hôm đó khi Phạm Lang về bỗng nhớ đến ngày mai không có tro bỏ ruộng, châm lửa đốt đồng rơm để hôm sau lấy tro.

Trọng Cao lúc ấy vì ban ngày đi nhiều mỏi mệt đã ngủ say trong đồng rơm, và ở trong nhà Thị Nhi cũng đã ngon giấc.

Trọng Cao bị đốt chết, lửa đồng rơm bốc cháy phùng phùng.

Thị Nhi ở trong nhà chạy ra, biết Trọng Cao đã bị đốt chết, thương quá cũng nhảy vào chết trong đồng

rom đang cháy.

Phạm Lang thấy vợ chết, thương xót, nhảy vào đồng rom, theo vợ và cũng chết cháy nốt.

Thế là cả hai ông một bà đều bị chết thiêu.

Cũng có sách chép hơi khác ở đoạn cuối:

Sau khi Thị Nhi đã lấy Phạm Lang, một hôm trong nhà cũng đốt mã ngoài sân, có một người hành khất vào ăn xin. Thị Nhi trông thấy là chồng cũ của mình, động lòng thương đem tiền gạo ra cho, bị Phạm Lang nghi ngờ, Thị Nhi lấy làm xấu hổ đâm đầu vào đồng lửa đốt mà tự tử. Trọng Cao cảm tình ân nghĩa cũng đâm đầu vào lửa chết theo. Phạm Lang thương vợ cũng nhảy vào đồng lửa nốt. Thế là cả ba người cùng chết cháy.

Thượng đế thấy ba người có nghĩa mới phong cho làm Táo quân nhưng mỗi người giữ mỗi việc:

Phạm Lang là Thổ Công trông nom việc trong bếp.

Trọng Cao là Thổ Địa trông coi việc trong nhà.

Thị Nhi là Thổ Kỳ trông nom việc chợ búa.

CÚNG THỔ CÔNG

Ta cúng Thổ Công khác người Trung Quốc, và tục thờ Thổ Công của ta như trên đã nêu ra, cũng khác người Trung Quốc.

Ta cúng Thổ Công vào những ngày giỗ, tết, sóc vọng. Lễ cúng tùy theo gia chủ, có thể cúng chay, có thể cúng mặn.

Thường thì trong những ngày sóc vọng tức là ngày mồng một và ngày rằm âm lịch, người ta hay cúng chay, đồ lễ chỉ gồm có giấy vàng, giấy bạc, trầu nước hoa quả.

Tuy nhiên cũng có nhà cúng mặn, trước cúng sau ăn, cốt tỏ lòng thành.

Cúng mặn phải có rượu, và đồ lễ ngoài các thứ kể trên có thể có thêm xôi, gà, hoặc chân giò, hay có khi là cả một mâm cỗ.

Trong những ngày giỗ tết, trong nhà có làm cỗ, cúng Thổ Công cũng dùng cỗ mặn.

Ngoài ra trong mọi trường hợp làm lễ cáo gia tiên đều có cúng Thổ Công và người ta cũng khẩn cầu sự phù hộ của Thổ Công như cầu khẩn gia tiên vậy.

Tiếng gọi là cúng Thổ Công, nhưng khi cúng phải khẩn đủ ba vị thần linh ghi trong bài vị, tức là:

Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân.

Thổ địa Long mạch tôn thần.

Ngũ Phương ngũ thổ Phúc đức chính thần

TẾT ÔNG CÔNG

Lễ cúng Thổ Công quan trọng nhất trong năm là tết

ông Công vào ngày 23 tháng chạp âm lịch.

Theo tín ngưỡng cổ truyền, ngày Tết ông Công, Thổ Công lên châu Thượng để để báo cáo về những việc tai nghe mắt thấy ở trần gian.

Thổ Công có nhiệm vụ thiêng liêng ghi chép tất cả mọi việc tốt xấu xảy ra trong một gia đình một cách khách quan.

Ngày 23 tháng chạp sau khi cúng ông Công, người ta hóa vàng, đồng thời hóa cả cỗ mũ năm trước, gồm có mũ áo hia và vàng. Người ta lại mua tặng ông Công một con cá chép, con cá này là ngựa ông Công cưỡi, được phóng sinh ra sông hoặc ra ao sau lễ cúng. Con cá sẽ hóa rồng đưa ông Công lên châu Trời.

Ngày xưa người Trung Hoa thường có tục hối lộ ông Công bằng cách khi hóa vàng đốt thêm gói kẹo để ông lên Trời tâu toàn những lời dục ngọt, che bớt tội lỗi đi cho.

VĂN KHẤN THỔ CÔNG

Dưới đây là một mẫu văn khấn Thổ Công, văn khấn này chỉ cần thay đổi một vài chữ tùy theo ngày tháng là dùng được quanh năm.

Duy Đại Việt Quý Mão niên, chính nguyệt, sơ thập ngũ nhập.

Kim thần tín chủ Cao văn Mễ toàn gia cư trú tại Tân

Sơn Nhì xã, Tân Bình quận, Gia Định tỉnh, khế thủ, đốn thủ bách bái.

Cần dĩ phù lưu thanh chúc, Kim ngân, hương đăng, hoa quả, mâm bàn cụ vật, thú phẩm chi nghi, cảm kiến cáo vu.

Cung thỉnh

Bản gia Thổ Công Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân vị tiên.

Bản địa Thổ địa thần kỳ vị tiên,

Ngũ phương ngũ thổ Phúc đức chính thần vị tiên.

Lai lâm' chứng giám

Ừng hộ gia chủ tự lão chí ấu bình an hạnh phúc vô bệnh vô tật.

Thượng hưởng.

Lược dịch:

Nước Đại Việt, năm Quý Mão, tháng Giêng ngày rằm.

Tín chủ là Cao văn Mễ, toàn gia cư trú tại xã Tân sơn nhì, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định, trăm bái.

Kính cần dâng lên rượu nước, bạc vàng đèn hương, hoa quả, cỗ bàn phẩm vật cùng mọi đồ lễ.

Cùng mời:

Bản gia Thổ công tại vị ở trước

Thổ địa tại vị ở trước

Thổ kỳ tại vị ở trước

Giáng lâm chúng giám.

Cầu xin phù hộ gia chủ từ già đến trẻ hạnh phúc bình an, không bệnh không tật.

Thượng hưởng

THẦN TÀI

Thần Tài là vị thần mang tài lộc lại cho gia đình nên ta tin thờ cúng vái. Mỗi khi làm ăn việc gì gia chủ thường cầu khẩn Thần Tài.

Người Trung Hoa khi thiết lập bàn thờ Thần Tài thường mời thầy cúng tới cúng lễ để Thần Tài được linh thiêng.

VỊ TRÍ VÀ CÁCH XẾP ĐẶT BÀN THỜ THẦN TÀI

Bàn thờ Thần Tài không được thiết lập trên cao và ở một nơi quang đãng trong nhà như các bàn thờ Tổ Tiên, Thổ Công hoặc Thánh Sư...

Bàn thờ Thần Tài thường được thiết lập ở những nơi xó xỉnh góc nhà hoặc hàng hiên, và bàn thờ cũng không cần to tát và thường chỉ là một chiếc khám nhỏ sơn son thiếp vàng, hoặc có khi chỉ là một thùng gỗ có dán giấy đỏ.

Mé trong khám dán bài vị của Thần Tài, viết trên giấy cũng màu đỏ. Chữ viết thường bằng kim nhũ:

NGŨ PHƯƠNG NGŨ THỔ LONG THẦN

TIỀN HẬU ĐỊA CHỦ TÀI THẦN

Hai bên bài vị cũng có đôi câu đối:

THỔ NĂNG SINH BẠCH NGỌC

ĐỊA KHẢ XUẤT HOÀNG KIM

Nghĩa là:

Đất hay sinh ngọc trắng

Đất khả có vàng ròng

Đôi câu đối này có thể thay đổi, nhưng bao giờ cũng có một đôi. Trước bài vị là một bát hương có hai cây đèn nhỏ đủ thấp mà không bốc cháy lên khói. Trong khám gia chủ thường thu xếp để có chỗ đặt nầy ly đựng nước, đựng rượu. Cũng có một mâm bông ở bày hoa quả phẩm vật khi cúng lễ.

Có nhà khắc khéo trên mặt khám mấy chữ đại tự và ở hai bên có đôi câu đối đại ý xưng tụng sự giúp đỡ của Thần Tài và sự cầu mong của gia chủ.

Như trên đã nói, những nhà không sung túc, chiếc khám được thay bởi một chiếc thùng, nhất là thùng sữa cũ, có dán giấy đỏ hết từ trong đến ngoài.

SỰ TÍCH THẦN TÀI

Sở dĩ người ta thờ Thần Tài ở xó xỉnh là do điển tích sau đây. Theo sự tích này, Thần Tài là một nữ thần chú

chứ không phải như các háo hăng về một nam thần với râu ria mỗi khi nói tới Thần Tài gõ cửa một nhà nào trong các cuộc xổ số kiến thiết.

Diễn kể lại rằng:

Ngày xưa có một người lái buôn tên là Âu Minh, khi đi qua hồ Thanh Thảo được thủy thần cho một con hầu tên là Như Nguyệt, Âu Minh đem Như Nguyệt về nuôi, trong nhà làm ăn phát đạt, chỉ vài năm đã giàu to. Về sau nhân một hôm ngày Tết, Âu Minh đánh Như Nguyệt. Sợ hãi, Như Nguyệt chui vào đồng rác rồi biến mất. Từ đó nhà Âu Minh sa sút dần, chẳng mấy lúc nghèo kiệt.

Người ta bảo Như Nguyệt là Thần Tài và người ta lập bàn thờ để thờ Như Nguyệt. Từ đó, ngày Tết ta có tục kiêng hót rác trong ban ngày đầu năm sợ hót mất Thần Tài ẩn trong đồng rác đổ đi, sự làm ăn sẽ không phát đạt tiến tới được suốt quanh năm.

CÚNG THẦN TÀI

Nếu người ta chỉ cúng Táo quân trong những ngày sóc vọng, trong những dịp giỗ tết, trái lại người Việt Nam cúng Thần Tài quanh năm.

Trong những ngày sóc vọng giỗ Tết, lễ cúng Thần Tài cũng như cúng Táo Quân trong những dịp đó, nghĩa là có khi cúng mặn và có khi là cả một mâm cỗ. Trong những ngày thường, lễ cúng Thần Tài rất đơn giản, chỉ

có trâu nước và đôi khi có một đĩa trái cây.

Mỗi buổi chiều, lúc chuông chiều mõ, bàn thờ Thần Tài được thắp hương lên, có khi gia chủ khấn vái, có khi chỉ khấn thủ trước bàn thờ.

Chỉ trong những ngày sóc vọng, giỗ Tết, sự khấn vái của gia chủ mới cần thiết.

Văn khấn Thần Tài cũng như văn khấn Thổ Công chỉ thay đổi chỗ *cung thỉnh*...

... *Tài thần vị tiền*...

Những người làm ăn buôn bán rất tin tưởng ở Thần Tài. Mỗi dịp xuất vốn, người ta đều cầu xin làm lễ Thần Tài.

TIỀN SU, THÁNH SU HAY NGHỆ SU

Thánh su, Tiên su hay Nghệ su tức là ông Tổ một nghề, người ta truyền dạy nghề đó cho đời sau.

Các vị Thánh su rất được người ta tôn trọng tại nhiều nơi, những người cùng làm một nghề, cùng buôn một thứ hợp nhau thành Phường, có miếu thờ Thánh su riêng, và đến ngày giỗ của Thánh su gọi là *giỗ Phường*, người ta cúng giỗ vị Thánh su tại miếu này và mọi người trong Phường cùng tới lễ.

Lễ tất nhiên là các phường viên đã phải cùng nhau góp tiền để cúng giỗ Phường, Những phường to thường có tài sản riêng, ruộng vườn để lấy hoa lợi dùng trong

việc thờ tự Thánh sư/

Giỗ Phường có khi được làm rất to và có tổ chức trò vui như một ngày hội: đánh cờ, leo đu, múa rối, hát chèo v.v...

VỊ TRÍ VÀ CÁCH XẾP ĐẶT BÀN THỜ THÁNH SƯ

Bàn thờ Tổ tiên thiết lập giữa nhà, một bên là bàn thờ Thổ Công còn bên kia là bàn thờ Thánh sư.

Bàn thờ cũng được thiết lập trên một hương án kê sát vào tường hậu gian nhà.

Trong cùng chính giữa hương án là một chiếc bệ trên có kê bài vị của Thánh sư gồm tên họ, nghề nghiệp sáng tạo của Thánh sư. Bài vị này có khi được thay bằng một bức chân dung của vị Thánh sư, bức chân dung vẫn được các phường thuê vẽ sẵn, bán cho các phường viên. Có nhà thờ cả một pho tượng của Thánh sư thay cho bài vị hoặc bức chân dung.

Trước bài vị là một chiếc bàn nhỏ có kê đài rượu có nắp đậy, giống như bên bàn thờ Táo quân. Rồi trước bàn nhỏ cũng là bình hương hoặc một đỉnh trầm với hai bên có đèn nến, ống hương mâm bồng v.v...

Bàn thờ Thánh sư phần nhiều cũng giản dị như bàn thờ Thổ Công. Cần nhất bao giờ cũng phải có bài vị, bức chân dung hay pho tượng của vị Thánh sư.

Ngoài cùng bàn thờ Thánh sư cũng có một chiếc y môn.

Cũng có gia đình, người ta lập ban riêng để thờ Thánh sư, ở ngoài cửa ban có treo một chiếc màn hình nhật nguyệt vẽ long phụng châu hai bên.

Thánh sư đã được thờ tại miếu của phường nhưng người Việt Nam bao giờ cũng biết nhớ ơn những người có công với mình, nên ngoài bàn thờ Thánh sư ở miếu là bàn thờ chung cho Phường, mỗi phường viên đều thờ Thánh sư tại nhà riêng.

CÚNG THÁNH SƯ

Hàng tháng gặp những ngày sóc vọng, tuần tiết, giỗ tết, trong khi cúng gia tiên và Thổ Công, gia chủ cũng cúng Thánh sư với đồ lễ tương tự như đồ lễ cúng Thổ Công.

Trong một năm, lễ cúng Thánh sư quan trọng nhất nhằm vào ngày kỵ nhật của Thánh sư. Ngày nay, tại các phường có cúng giỗ, nhưng tại các tư gia người ta cũng vẫn cúng riêng để tỏ lòng nhớ tới ngày qua đời của ông Tổ nghề mình.

Văn khấn Thánh sư cũng như văn khấn Thổ Công chỉ thay đổi chỗ cung thỉnh Thổ Công là cung thỉnh Thánh sư, theo như bài vị của từng nghề, mỗi nghề một vị Thánh sư khác, và các vị Thánh trước đây cũng chỉ là những người thường, nhưng vì đã dạy nghề cho dân

chúng nên được tôn thờ.

Thí dụ:

Ba anh em các ông Trần Hòa, Trần Điện và Trần Diên người làng Định Công phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông đã truyền cho dân nghề kim hoàn từ đời Lý Nam Đế.

Ông Phạm Đôn, người làng Thanh Nhân, huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên, mang nghề dệt chiếu từ làng Ngọc Hồ, tỉnh Quảng Tây bên Tàu về truyền cho dân Việt Nam, bắt đầu là làng Hải Thiện tỉnh Nam Định vào cuối thế kỷ thứ X.

Hòa thượng Khổng Lộ cùng hai học trò là Phạm Quốc Tại và Trần Lạc trụ trì chùa Phả Lại, Hải Dương dạy dân ta nghề đúc đồ đồng về đời vua Trần Thái Tông 1226.

Ông Trạng Bùng tức Phùng Khắc Khoan dạy dân ta nghề dệt the lụa vào đời vua Lê Kinh Tông (1600).

Trên đây chỉ nêu danh hiệu mấy vị Thánh sư để làm thí dụ. Mỗi nghề đều có một thánh sư riêng.

Những người hành nghề, mỗi khi gặp việc trắc trở, đều làm lễ kêu khẩn Thánh sư để được phù hộ cho gặp sự may mắn. Trong ngôn ngữ ta có danh từ Tổ độ hay Tổ trát để chỉ những người gặp may mắn được Tổ sư thương phù hộ cho hoặc những người không may bị thua lỗ bởi sự trừng phạt của Tổ.

TIỀN CHỦ

Tiền chủ là người ở trước tiên một ngôi nhà, rồi sau chết ở ngôi nhà này. Ngôi nhà qua thời gian, theo mọi sự biến chuyển từ gia chủ nọ tới gia chủ kia. Ai có tiền thì tậu nhà không có tiền lại bán. Ở đương thì vậy, nhưng tại cõi âm, người tiền chủ vẫn nhớ ngôi nhà của mình, vẫn thỉnh thoảng đi lại thăm nom, coi những chủ sau không phải đích là chủ ngôi nhà.

Gia chủ không muốn bị vong hồn người tiền chủ quấy rối, lập bàn thờ tiền chủ.

VỊ TRÍ BÀN THỜ TIỀN CHỦ

Bàn thờ tiền chủ thường là một cây hương xây ở ngoài sân. Cây hương gồm một cột trụ cao hơn đầu người, mé trên xây rộng ra thành một bàn thờ, trông giống như một chiếc ỷ hoặc chiếc ngai, có thành ở đằng sau và hai bên. Trên bàn thờ này có đặt một bình hương.

Không có bài vị, vì không ai biết tên tiền chủ là gì. Khi cúng chỉ cần khấn bản gia tiền chủ là đủ.

Có nhiều người đi xem bói gieo quẻ nói cho biết họ tên tiền chủ khi cúng có khấn thêm, nhưng bao giờ cũng khấn rõ là tiền chủ ngôi nhà. Có những thầy bói liều lĩnh, đã nói mò tên tiền chủ lại còn nói bậy cả ngày chết của tiền chủ để khách hàng của mình hàng năm làm giỗ một người tên vu vơ vào một ngày không chắc chắn! Đấy chẳng qua là sự quá tin nhầm nên

nhưng thầy bói liễu lĩnh nhắm như mới co đất đứng.

Người ta cúng tiền chủ vào những rằm, mồng một, giỗ Tết. Đồ lễ cũng giống như đồ lễ cúng Thổ Công.

Đôi khi trong nhà có điều gì lục đục, người ta cũng cúng khấn tiền chủ để cầu sự bình yên.

CÁC VỊ THẦN KHÁC

Ngoài các vị thần kể trên được dân chúng lập bàn thờ cúng lễ tại trong nhà, gia đình Việt Nam còn thờ nhiều vị thần khác nữa:

ĐỨC THÁNH QUAN

Đây là Quan Vân Trường đời Tam Quốc, một người theo sử sách lúc sinh thời rất trung thực và lúc chết đã hiển thánh. Trên bàn thờ có tượng hoặc bức tranh của ngài. Bức tranh thường vẽ ngài ngồi giữa, bên phải là Quan Bình, con nuôi ngài, và bên trái là Châu Xương, gia tướng trung thành của ngài.

Dằng trước bức tranh là bát hương với các đôi đế trầu rượu, chiếc mâm hồng để các đồ lễ khi cúng vái. Lại có đèn nến và có cả ống hương.

THẦN HỔ

Thần hổ là vị chúa tể của loài hổ. Thường người ta thờ thần Bạch Hổ, hoặc thần Ngũ Hổ, tức là năm thần Hổ năm sắc. Bàn thờ thường thiết lập ở một chiếc ban xây ở ngoài sân, hay chiếc miếu xây ở ngoài vườn đối với những gia đình ở gần chân núi.

Cúng Thần Hổ cũng cúng vào những ngày sóc vọng, hoặc trong nhà có công việc gì cáo với gia tiên. Cúng Thần Hổ ngoài trầu rượu phải cúng mặn, phải dùng thịt sống hay trứng sống làm đồ lễ.

SƠN THẦN

Những gia đình ở vùng núi non, có bàn thờ Sơn Thần, tức là thờ vị thần núi. Đành rằng núi nào cũng có miếu thờ Sơn Thần, nhưng để tiện việc cúng lễ, và cũng mong được Sơn Thần tại nhà. Bàn thờ Sơn Thần được thiết lập tại một chiếc bàn riêng, thường xây ở vườn về phía chân núi. Bàn thờ không có bài vị, chỉ có bình hương và các đồ thờ khác.

Những chiếc ban được xây nên, thường mé trên thờ Sơn Thần và mé dưới thờ Thần Hổ.

MỘC TINH

Đây là tinh của những cây lớn mọc ở những vườn rộng nhất là những cây cổ thụ. Nhiều gia đình, sau khi tậu được một dinh cơ, nhà ngôi cây mít, vườn rộng, và

trong vườn lại có vài cây thuộc loại cổ thụ, dọn đến ở gặp phải một vài việc không tốt đẹp, như trong nhà có người đau ốm, cửa cải mất mát, cho là tại những cây cổ thụ có thần, và vị thần vì chủ nhân chưa biết tới mình nên ra uy để chứng tỏ sự hiện diện của mình. Gia chủ phải lập miếu thờ ở gốc cây.

Tục còn tin rằng, những cây to xanh tốt thường có hồn ma về trú ngụ, muốn được yên cần phải có cúng lễ.

Việc này kể ra thật huyền hoặc nhưng vẫn được nhiều người tin, việc tin này không có hại gì tới cuộc sống hàng ngày của mọi người, và có nhiều người tuy biết đây chỉ là sự mê tín, nhưng cũng không ngăn cản người trong nhà, cho rằng việc quỷ thần là việc thiêng liêng, có không, không có khôn lường không muốn vì sự ngăn cản của mình mà phải nhận lấy trách nhiệm siêu hình đối với gia đình.

*

* *

Các vị thần tại gia, được mọi người thờ cúng và tin tưởng nếu kể ra cũng còn nữa. Các vị này có thể thay đổi tùy địa phương, như Sơn Thần được thay bằng Hà Bá hoặc Long Thần đối với những vùng ven sông, còn sự tôn kính thì ở đâu cũng vậy.

Dân chúng Việt Nam thờ Thần Thánh để mong sự che chở của các ngài, nhưng phần lớn cũng vì sự tôn kính mà ra.

PHẦN III

THỜ PHỤNG TRONG NGÀY TẾT

A. TẾT NGUYÊN ĐÁN

Tết Nguyên Đán là tiết lễ đầu tiên của năm bắt đầu tức lúc giao thừa với lễ từ tịch.

Nguyên là bắt đầu. *Đán* là buổi sớm mai. Tết *Nguyên Đán* tức là tết bắt đầu năm, mở đầu cho một năm mới với tất cả mọi cảnh vật đều mới mẻ đón xuân sang.

Năm mới đến, những sự may mắn mới cũng đến, và hao nhiêu những điều đen đui không may của năm cũ đều theo năm cũ mà hết.

Theo sử Trung Quốc, âm lịch có từ đời nhà Hạ và lấy tên mười hai chi đặt cho mười hai tháng.

Tháng Dần là tháng Giêng được chọn làm tháng đầu năm và người ta ăn Tết Nguyên Đán vào đầu tháng Dần.

Về sau đến nhà Ân, có thay đổi lấy tháng Sửu làm

đầu năm, rồi đến đời nhà Chu sửa lại lấy tháng Tý. Kịp đến đời nhà Tần, Tần Thủy Hoàng lại sửa nữa lấy tháng Hợi, nhưng đến đời Vua Hán Vũ Đế, đầu năm lại bắt đầu từ tháng Dần như đời nhà Hạ, và từ đó không có sự thay đổi nữa.

Thực ra Tết Nguyên Đán bắt đầu vào tháng Dần là rất phải, vì lúc đó mùa đông vừa qua, tiết lạnh vừa hết, ngày xuân ấm áp tới, hoa cỏ đua tươi khiến cho con người cũng hầu như biến đổi cả tâm hồn sau một năm làm ăn vất vả.

Người vui vẻ đón mùa xuân mới, lòng chứa chan hy vọng ở những sự may mắn mới. Ai cũng vui, nên không ai bảo ai, gặp nhau người ta đều cầu chúc cho nhau những điều tốt đẹp: Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh.

GIAO THỪA

Tết Nguyên Đán bắt đầu từ lúc Giao thừa.

Lẽ trời đất có khởi thủy phải có tận cùng, một năm đã bắt đầu ắt phải có hết, bắt đầu từ lúc giao thừa, cũng lại hết vào lúc giao thừa.

Giao thừa là gì? Theo Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh nghĩa là *cũ giao lại, mới tiếp lấy*. Chính vì ý nghĩa ấy nên hàng năm vào lúc giao tiếp giữa hai năm cũ mới này, có *lễ trừ tịch*.

LỄ TRỪ TỊCH

trừ tịch là giờ phút cuối cùng của năm cũ sắp bắt qua năm mới, giữa giờ Hợi ngày 30 hoặc nếu tháng thiếu, thì ngày 29 tháng chạp năm trước và giờ Tý ngày mồng một tháng Giêng năm sau.

Vào lúc này, dân chúng Việt Nam tuân theo cổ lệ có làm *lễ trừ tịch*

Ý nghĩa của lễ này đem bỏ đi hết những điều xấu dở cũ kỹ của năm sắp qua để đón những cái mới mẻ tốt đẹp của năm mới sắp tới.

Lễ trừ tịch theo người Tàu, còn là một lễ khu trừ ma quỷ. Tục Tàu xưa vào ngày trừ tịch, tức là ngày 30 Tết có dùng 120 trẻ con trạc 9,10 tuổi, mặc áo thâm, đội mũ đỏ, cầm trống vừa đi đường vừa đánh để khu trừ ma quỷ, do đó có danh từ Trừ tịch.

Lễ trừ tịch cử hành vào lúc giao thừa nên lễ này còn mang tên là *lễ giao thừa*

CÚNG AI TRONG LỄ GIAO THỪA

Phan Kế Bình trong *Việt Nam Phong tục* viết:

Tục ta tin rằng mỗi năm có một ông hành khiển coi việc nhân gian, hết năm thì thần nọ bàn giao công việc cho thần kia, cho nên cúng tế để tiễn ông cũ và đón ông mới.

Cung tế cốt ở tam thanh, và lễ cúng vào giữa nửa đêm nên được vẻ thần bí trang nghiêm. Vua vương hành khiến bàn giao công việc cho tan vương thay đưc Ngọc Hoàng để coi sóc nhân gian trong một năm cho đến giờ phút giao thừa năm sau.

Lễ từ tịch bao hàm một ý nghĩa trọng đại, tổng trừu nhĩnh tĩn, nên lễ được cử hành rất trĩnh trọng từ tư gia tới các đình chùa. Nhĩng năm về trước, trong giờ phút này, chuông trống đánh vang, phao nổ luôn không ngừng, truyền từ nhà này sang nhà khác khắp kể chợ, nhà quê.

SỬA LỄ GIAO THỪA.

Tại các đình, miếu, cũng như tại các tư gia, lễ giao thừa đều có cúng mặn. Các ông thủ từ lo ở đình, miếu, còn tại các tư gia do người gia trưởng tru liệu.

Xưa kia người ta cúng giao thừa ở đình, ông Tiên chỉ hoặc thủ từ đứng làm chủ lễ, nhưng người ta cũng cúng giao thừa ở thôn xóm nữa.

Lễ giao thừa ở các thôn xóm được tổ chức hoặc tạo các vĩa chỉ nếu vĩa chỉ lang xây tại xóm, nếu không thì cũng tổ chức ngay ở tại diềm canh dĩa xóm. Ở đây, vị được cử ra để làm chủ lễ là vị niên trưởng hoặc vị chức sắc cao nhất trong thôn xóm.

Bàn thờ giao thừa thuet lập ở giữa trũ.

Một chiếc hương án được kê ra, trên hương án có đỉnh trầm hương hoặc bình hương thấp tỏa khói nghi ngút. Hai bên đỉnh trầm hương có hai ngọn đèn dầu hoặc hai ngọn nến. Lễ vật gồm chiếc thu lợn hoặc con gà, bánh chưng, mứt kẹo, trầu cau, hoa quả, rượu nước và vàng mã, đôi khi cố thêm cỗ mữ của vị Đại Vương hành khiển. Lễ quy hồ thành bát quy hồ đa, nhưng dù nhiều ít, lễ vật bao giờ cũng phải gồm có vàng hương, vàng lá hay vàng thoi tùy tục địa phương, và nhất là không quên được rượu, vì vô từu bắt thành lễ.

Lễ vật được trân thiết trên hương án trước giờ trừ tịch.

Đến giờ phút này, chuông trống vang lên, ông chủ ra khấn lễ, rồi dân chúng kẻ đó lễ theo, với tất cả sự tin tưởng ở vị tân vương hành khiển, cầu xin ngài phụ hộ độ trì cho được một năm may mắn, bao nhiêu sự không may năm trước sẽ qua hết.

Tại đình làng, cùng với lễ cúng ngoài trời còn lễ thành hoàng hoặc vị phúc thần tại vị nữa.

Các chùa chiền cũng có cúng lễ giao thừa, nhưng lễ vật là đồ chay, và đồng thời với lễ giao thừa nhà chùa còn cúng Phật, tụng kinh và cúng Đức Ông tại chùa.

Ở các tư gia, các gia trưởng thường lập bàn thờ ở giữa sân, hoặc ở trước cửa nhà, trường hợp những người ở thành phố chật chội không có sân. Cũng có một chiếc hương án, hoặc một chiếc bàn kê ra với lễ vật như trên.

Ngày nay ở thôn quê, rất ít nơi còn cúng lễ giao thừa ở các thôn xóm, ngoài lễ cúng tại đình đền. Và ở các tư gia, tùy người ta vẫn cúng lễ giao thừa với sự thành kính như xưa, nhưng bàn thờ thì thật là giản tiện. Có khi chỉ là chiếc bàn con với mâm lễ vật, có khi mâm lễ vật lại đặt trên một chiếc ghế đầu. Hương thấp lên được cắm vào một chiếc ly đầy gạo hoặc một chiếc lọ nhỏ để giữ chân hương! Chiến tranh khiến mọi sự đều bị phá hoại! Có nhiều gia đình lại quá giản tiện hơn, hương thấp đặt ngay trên mâm lễ, hoặc cắm vào khe nải chuối dùng làm đồ lễ!

ĐẠI VƯƠNG HÀNH KHIỂN VÀ PHÁP QUAN

Mười hai vị đại vương, mỗi ông cai trị một năm cõi nhân gian là *Thập nhị hành khiển vương hiệu*, tính theo *thập nhị chi*, bắt đầu là năm Tý, cuối cùng là năm Hợi. Hết năm Hợi lại quay trở lại năm Tý với *Đại Vương hành khiển của mười hai năm về trước*. Các vị đại vương này còn được gọi là *đương nhiên chi thân*, mỗi vị có trách nhiệm như trên đã nói cai trị thế gian trong toàn niên, xem xét mọi việc hay dở của từng người, từng gia đình, từng thôn xã cho đến từng quốc gia để định công luận tội, tâu lên *Thượng đế*.

Mỗi vị đại vương hành khiển đều có một vị pháp quan giúp việc.

Vị đại vương hành khiển lo việc thi hành những

lệnh của Ngọc Hoàng Thượng Đế, trình lên Ngọc Hoàng những việc đã xảy ra. Còn vị phán quan thì lo việc ghi chép công, tội của mọi người, mọi gia đình, mọi thôn xã, mọi quốc gia.

Trong các vị hành khiển vương hiệu, có vị nhân đức, có vị cương trực và cũng có vị khắc nghiệt. Nhiều năm có các loạn thiên thời, loạn đạo binh, nạn thủy tai, hỏa tai... tục tin rằng đó là do các vị đại vương hành khiển trừng phạt nhân gian vì tội lỗi của mọi người.

VĂN KHẤN LỄ GIAO THỪA

Như trên đã trình bày, lễ giao thừa là lễ tổng cụng nghênh tân, tiễn vị đại vương hành khiển cũ và đón vị mới.

Có lễ nghi phải có văn khấn, cũng như ăn phải có nôi.

Dưới đây là mẫu văn khấn giao thừa tại tư gia, văn khấn này chỉ cần thay đổi một vài chi tiết, khi dùng tại các nơi khác:

Duy Đình Mùi niên, Xuân thiên chính nguyệt, sơ nhất nhật, kim thần đệ tử Nguyễn Đức cầu quán tại Cổ Mễ xa, Võ Giàng huyện, Bắc Ninh tỉnh, cư trú tại Phú Nhuận xã, Tân Bình quận, Gia Định tỉnh, đồng gia quyến đẳng khế thủ, đồn thủ bách bái.

Cẩn dĩ hương đăng, kim ngân hoa quả, phù lưu thanh

thanh chúc thu phẩm chi nghi, cảm kiên cáo vu

Vọng bái:

Dương niên dương cảnh Tống vương hành khiển, Ngũ đạo chí đức tôn thần ngọc bệ hạ:

Lâm tào phán quan vị tiên

Bàn địa Thổ địa thần kỳ vị tiên

Bàn cảnh Thành hoàng vị tiên

Ngưỡng vọng chứng giám

– Cúc cung cầu khẩn:

Toàn gia đồng niên tự lão chi ấu, tăng phúc tăng thọ, nhân khang vật thịnh, vạn sự hanh thông.

Cẩn cáo

Lược dịch

Nước Đại Việt, năm Đinh Mùi, ngày mồng một tháng Giêng, xuân tiết.

Đệ tử là Nguyễn Đức Cầu, quán làng Cổ Mỹ, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh, cư ngụ tại xã Phú Nhuận, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định, cùng toàn thể gia đình cúi đầu trăm bái:

Kính cẩn có hương đèn, vàng bạc, hoa quả, trầu rượu trà nước thêm một phẩm vật dâng lên.

Vọng bái:

Trước bệ ngọc đức Tống Vương hành khiển, Ngũ đạo chí đức tôn thần:

Lâm tào phán quan tại vị ở trước

Đức Thổ địa nơi đây tại vị ở trước

Đức Thành Hoàng bên cạnh tại vị ở trước

Cầu chư vị chứng giám

Cúi đầu kêu xin.

Chư vị phù hộ cho toàn gia chúng tôi, từ già đến trẻ, quanh năm được tăng phúc tăng thọ, người an, vật thịnh, vạn sự hanh thông.

Cẩn cáo

Trong khi cúng khấn đức đương niên đại vương hành khiển, người ta khấn theo đức Thổ Thần và đức Thành Hoàng, vì khi đức đại vương hành khiển, đại diện của Ngọc Hoàng Thượng đế đã giám lâm, Thổ Thần và Thành Hoàng có nhiệm vụ nghênh tiếp và đo đó cũng được phối hưởng lễ vật.

Trong bài văn khấn trên, khi làm lễ tại làng tại thôn, chỉ cần thay đổi mấy chữ:

Kim thần đệ tử Nguyễn Đức Cầu, thành

Kim chúng thần đệ tử, toàn dân Cổ Mễ xã và ở chỗ cầu xin cũng đổi mấy chữ.

Toàn gia đồng niên tự lão chí ấu thành

Toàn xã đồng niên tự lão chí ấu

LỄ CÚNG THỔ CÔNG

Sau khi cúng giao thừa xong, các gia chủ cúng khấn Thổ Công, tức là vị thần cai quản trong nhà, thường được gọi là Đệ nhất gia chi chủ. Lễ vật cũng tương tự như lễ cúng giao thừa nghĩa là gồm trầu rượu, nước đèn nhang, vàng bạc, hoa quả cùng các thực phẩm: xôi, gà, bánh, mứt....

Cúng Thổ Công cũng phải khấn, và dưới đây là một mẫu văn khấn:

*Duy Đại Việt Đình Mùi Niên, đệ thập nhị, xuân thên
chính nguyệt sơ nhất nhật.*

*Kim thần tín chủ Tô Văn Ngọc, quán tại Nam Ngạn
xã, Việt Yên huyện, Bắc Giang tỉnh, cư trú tại Tân Sơn
Hòa xã, Tân Bình Quận, Gia định tỉnh, đồng gia quyến
đăng khấn thủ đốn bách bài.*

*Cẩn dĩ phù lưu thanh chúc, kim ngân, hương đăng,
hoa quả, mâm bàn cữ vật, thủ phẩm chi nghi cảm kiến
cáo vi.*

Cung thỉnh

*Bản gia Thổ công, đồng Trù Tư Mệnh Táo phủ thần
quân vị tiên.*

Bản Địa Thổ Địa thần kỳ vị tiên.

*Lại lâm chứng giám, ủng hộ gia chủ, tự lão chí ấu, tự
niên chú vĩ, bình an hương phúc, vô lai vô nạn, vô hạn,*

vô ách, tăng tài, tiến lộc, vạn sự hanh thông.

Thương hương

LUỢC DỊCH

Nước Đại Việt, Năm Đinh Mùi, thứ XII, tiết xuân ngày mồng một tháng Giêng.

Nay tín chủ là Tô Văn Ngọc, quê xã Nam Ngạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, ngụ tại xã Tân Sơn Hòa, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định, toàn thể gia đình cúi đầu trăm bái.

Kính cẩn dâng trâu rượu, nhà nước, vàng bạc, đèn nhang hoa quả cùng mọi phẩm vật.

Cung mời.

Đức gia bản Thổ công tại vị ở trước

Đức Thổ Địa thần kỳ tại vị ở trước

Xin chư thần giáng lâm chứng cho lòng thành, phù hộ cho cả nhà gia chủ, từ già đến trẻ, từ đầu năm đến cuối năm, được hưởng phúc bình an, không tai không nạn, không hạn, không ách, đắc tài sai lộc, vạn sự hanh thông.

Thượng hương

MẤY TỤC LỆ TRONG ĐÊM TRỪ TỊCH

Bắt đầu lễ giao thừa là năm cũ đã hết và đã bước sang, năm mới. Kể từ giờ phút này là giờ phút của Tết Nguyên-

Đán.

Trong đêm giao thừa, sau khi làm lễ giao thừa xong, ta có những tục lễ riêng, mà cho tới ngày nay, từ thôn quê đến thành thị, vẫn còn nhiều người theo giữ.

LỄ CHÙA, ĐÌNH, ĐỀN

Lễ giao thừa ở nhà xong, người ta kéo nhau đi lễ các đình, chùa, miếu, điện để cầu phúc cầu may, để xin Phật, Thần phù hộ độ trì cho bản thân và cho gia đình. Và nhân dịp người ta thường xin quẻ thẻ đầu năm.

KÉN HUƠNG XUẤT HÀNH

Khi đi lễ, người ta kén giờ và kén xuất hành, đi đúng hướng đúng giờ để gặp sự may mắn quanh năm.

Ngày nay ở nông thôn, đi lễ là người ta đi, ít người kén giờ và kén hướng. Các đền chùa, trong đêm trừ tịch luôn luôn có thiện nam tín nữ tới lễ bái, có nơi rất đông phải chen chúc nhau.

HÁI LỘC

Đi lễ đình, chùa, miếu, điện xong, lúc trở về người ta có tục hái một cành cây mang về ngụ ý là lấy lộc của Trời Đất Phật Thần ban cho. Trước cửa đình cửa đền, thường có những cây đa, cây đề, cây si cổ thụ, cành lá xum xòa, khách đi lễ mỗi người bẻ một nhánh, gọi là cành lộc. Cành lộc này mang về người ta cắm trước bàn thờ cho đến khi tàn khô.

Với tin tưởng lộc hái trong đêm giao thừa sẽ đem lại may mắn quanh năm, người dân Việt trong buổi xuất hành đầu tiên bao giờ cũng hái lộc. Cảnh lộc tượng trưng cho tốt lành may mắn; tục hái lộc là một tục tốt đẹp, nhưng ngày nay, nhiều người khi đi lễ trong đêm trừ tịch vác cả dao búa đi đẵn cây trong vòng các đình đền chùa miếu, thật ra người ta đã biến tục lệ tốt đẹp trên thành một tai hại cho các nơi thờ tự vậy.

Về tục xuất hành cũng như tục hái lộc có nhiều người không đi trong đêm giao thừa, mà họ kén ngày tốt giờ tốt trong mấy ngày đầu năm và đi đúng theo hướng chỉ dẫn trong các cuốn lịch đầu năm để có thể có được một năm hoàn toàn may mắn.

HƯƠNG LỘC

Có nhiều người trong lúc xuất hành đi lễ, thay vì hái lộc cành cây, lại xin lộc tại các đình đền chùa miếu bằng cách đốt một nắm lương hoặc một cây hương lớn, đứng khấn vái trước bàn thờ, rồi mang hương đó về cắm tại bình hương bàn thờ Tổ tiên hoặc bàn thờ Thổ Công ở nhà.

Ngọn lửa tượng trưng cho sự phát đạt. Lấy lửa từ các nơi thừa tự mang về, tức là xin Phật Thánh phù hộ cho được phát đạt tốt lộc quanh năm.

Trong lúc mang hương từ nơi thờ tự trở về, nhiều khi gặp gió, nắm hương bốc cháy, người ta tin đó là một điềm tốt báo trước sự may mắn quanh năm.

Thường những người làm ăn buôn bán hay xin hương lộc tại các nơi thờ tự.

XÔNG NHÀ

Thường cúng giao thừa ở nhà xong, người gia chủ mới đi lễ đền chùa. Gia đình có nhiều người, thường người ta kén một người đi váia ra đi từ lúc chưa đúng giờ trừ tịch, rồi khi lễ trừ tịch tới thì dự lễ tại đình chùa hoặc ở thôn xóm, sau đó xin hương lộc hoặc hái cành lộc về.

Lúc trở về đã sang năm mới, người này đã tự xông nhà cho gia đình mình, mang sự tốt đẹp quanh năm về cho gia đình.

Đi xông nhà như vậy tránh được sự phải nhờ một người tốt váia khác đến xông nhà cho mình.

Nếu không có người nhà để váia để xông nhà lấy, người ta phải nhờ một người khác trong thân bằng cố hữu tốt váia để sớm ngày mùng một Tết đến xông nhà, trước khi có khách tới chúc tết, để người này đem sự dễ dãi may mắn lại.

ĐỐT PHÁO

Đêm hôm giao thừa, mọi nhà đều đốt pháo. Sau khi làm lễ trừ tịch xong, tiếng pháo thì nhau vang nổ từ nhà này sang nhà khác ở thành thị cũng như ở thôn quê.

Nhiều gia đình bắt đầu đốt pháo ngay từ buổi chiều

hôm 30 tháng chạp, lúc bắt đầu cúng gia tiên.

Đốt pháo cốt để trừ ma quỷ. Theo sách cũ chép lại thì giống ma núi gọi là Sơn tiều, khi phạm đến người thì người đau ốm, người ta phải đốt pháo để nó tránh xa.

Diễn sách thì nói vậy, nhưng thật ra tiếng pháo giúp vui cho ngày Tết, tăng sự hân hoan, xua đuổi mọi sự phiền não trong lòng người. Ngày xuân có tiếng pháo xuân thêm tung bừng và tết thêm nhộn nhịp.

TỤC LỆ VỀ TẾT NGUYÊN ĐÁN

Ở trên, mới nói về lễ trừ tịch và mấy tục lệ trong đêm giao thừa. Thực ra với ngày Tết Nguyên Đán dân ta có những tục lệ trước và sau lễ trừ tịch.

Người dân Việt thuần túy rất tha thiết với Tết, nhất là ở nông thôn. Quanh năm vất vả, Tết mới là dịp nghỉ ngơi. Bao nhiêu lo nghĩ người ta gác một bên để hưởng thú xuân cho đầy đủ. Cảnh xuân muôn hồng ngàn tía, pháo xuân rền nổ rắc hồng trên ngõ, nhất là ở miền Trung và miền Bắc, thêm mưa xuân phơi phơi, thử hỏi ai là người không xúc cảm trước cảnh xuân, trước màu Tết.

Người ta đón Tết một cách nồng nàn, người ta đợi Tết một cách trịnh trọng, người ta vui Tết một cách náo nhiệt hân hoan. Từ ngàn xưa, những tục lệ ngày Tết vẫn làm cho Tết thêm ý nghĩa và cũng một phần

Tết vẫn làm cho Tết thêm ý nghĩa và cũng một phần nào tăng niềm vui phấn khởi cho con người lúc xuân sang.

SỬA SOẠN NGÀY TẾT

Tết Nguyên Đán tuy bắt đầu từ mùng một tháng Giêng, nhưng thực sự người ta đã sửa soạn Tết ngay từ đầu tháng chạp.

Nhà nhà lo mua gạo nếp, đậu xanh để đến ngày gần Tết gói *bánh chưng*, và tại nhiều vùng, gói bánh chưng bằng lá dong, người ta phải mua lá về, đem luộc chín, bó vào các cột nhà, để khi gói bánh thì dùng. Gói bánh bằng lá chín để gói, nhưng bánh bóc ra kém màu xanh. Nhiều nơi gói bằng lá sống, họ không luộc lá, nhng độ ngoài rằm tháng chạp họ đã phải mua sẵn sợ đến khi giáp Tết giá sẽ cao và có khi không có.

Người ta cũng sửa soạn cho *vai dưa hành* ngay từ đầu tháng chạp, vì dưa hành cần muối sớm đến giáp Tết mới kịp ăn. Và người ta cũng lo sắm sửa những phẩm vật dùng cho ngày Tết, mua sẵn gà què thả trong vườn, rù nhau chung dụng để ngày Tết hun nhau mổ thịt

Người ta sắm sẵn *vàng hương* để cúng ở trong nhà cũng như dùng để gửi Tết, và người ta cũng mua sẵn những *bánh mứt hoa quả*, một phần dành cho gia đình, một phần gửi Tết, một phần mang Tết đến những người mình chịu ơn như thầy học, ông lang, chủ nợ v.v...

Người ta cũng lo tới *bộ quần áo* ngày Tết, nhất là đối với các cô gái mới lớn. ngày xuân là dịp các cô chung diện để dân làng nhìn vào, có cậu nào vừa mắt muốn giương cung bắn sè.

Dân làng cũng sửa soạn Tết chung cho cả làng, trù tính việc mở hội đầu năm, việc cúng thần ngày Tết.

Và các em cũng ríu rít lo Tết, thúc giục bố mẹ may quần áo mới và mấy ngày gần Tết đi chơi chợ Tết mua tranh, mua pháo.

TRANG HOÀNG NHÀ CỬA.

Tết là bắt đầu cho một năm. Người ta phải đón xuân trong một *khung cảnh sáng sủa, sạch sẽ và đẹp đẽ*. Do đó, trước ngày Tết, nhà nào cũng lau quét cửa nhà, trang hoàng trong nhà cho xứng với năm mới.

Con cháu lau chùi lại các đồ thờ. Những đồ đồng được đem đánh bóng. An thư mâm bần đều lau rửa lại kỹ lưỡng cùng với tất cả các tự khí khác kể cả hoành phi câu đối. Những câu đối đồ cũ được thay bằng những đôi câu đối mới, những đôi liễn mới.

Bàn thờ được cắm thêm hoa, các y môn được đem giặt lại hoặc thay thế.

Từ trong nhà đến ngoài cửa, chỗ nào trông cũng như mới, thật ăn khớp với khung cảnh tung bừng của mùa xuân với mưa phùn lấm tấm, với lời chúc tụng nhau tới đẹp trong ngày Tết.

Đây là chưa nói đến trên tường, ngoài cổng còn có dán những tranh Tết, tranh đàn gà mẹ con, tranh lý ngư vọng nguyệt, tranh hứng dừa, tranh đánh ghen, tranh thầy đồ Cốc, đám cưới chuột, tranh tiền tài tiến lộc, tranh gà gáy sáng v.v...

GỬI TẾT

Hàng năm gần ngày Tết đến, nghỉ tới tổ tiên, con cháu, những người đã ra ở riêng hoặc thuộc các ngành thứ, đều phải gửi Tết tới nhà trường, tức là người có trách nhiệm giữ giỗ Tết các bậc đã qua đời. Gửi Tết tức là đem đồ lễ đến nhà gia trưởng để người gia trưởng cúng tổ tiên trong dịp Tết.

Thường đồ lễ bao giờ cũng có vàng hương. Tùy theo tình liên lạc gia đình, có những thứ vàng riêng dùng trong việc gửi Tết.

Những ngành trực thống phải gửi vàng hoa còn những ngành khác dùng vàng hồ hoặc vàng lá. Vàng hoa làm toàn bằng giấy màu vàng, làm kỹ lưỡng có mặt kính, có trang kim óng ánh, tượng trưng cho vàng thoi, do đó mỗi nghìn vàng là một nghìn thoi nhỏ. Vàng hồ là một thứ vàng gồm một phần ba những thoi vàng ở lớp trên làm bằng giấy bồi vàng và hai phần ba lớp dưới là những thoi bạc làm bằng giấy bồi trắng cũng có mặt kính nhưng ít hơn, hoặc có khi không có.

Những ngành trực thống, ngoài vàng hương, còn phải gửi Tết thêm bánh mứt, gạo nếp, gà. Người gia trưởng sẽ

dùng những đồ lễ gửi tết của các ngành thứ cúng tổ trong mấy ngày Tết. Lễ tất nhiên bao giờ người gia trưởng cũng phải chi tiêu thêm, nhưng những đồ lễ gửi Tết bao giờ cũng đem cúng hết trong dịp Tết.

Con cháu gửi Tết để tỏ lòng nhớ ơn và kính mến tổ tiên. Tục này cũng thắt chặt thêm mối giây liên lạc giữa những người trong quyến thuộc xa gần.

Cây có gốc mới nở ngành sinh ngọn.

Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu.

Người ta nguồn gốc từ đâu?

Có tổ tiên trước rồi sau có mình.

BIỂU TẾT

Cùng với việc gửi Tết nhà trưởng, người ta cũng nghĩ đến việc biếu Tết. Đây là dịp để người ta trả ơn những người đã có công với mình:

- Học trò biếu tết thầy học.
- Con bệnh biếu tết ông lang
- Dân biếu tết quan
- Con nợ biếu tết chủ nợ.
- Bạn bè biếu tết lẫn nhau
- Kẻ dưới biếu tết người trên

Trong việc biếu tết này, quà biếu thường chẳng đáng bao nhiêu, nhưng tâm chân thành thật là đáng kể.

Tôi không nói đến những trường hợp con cháu biếu

tết ông bà cha mẹ, việc biếu tết này có thể coi như gửi tết, nhưng chỉ nói đến những trường hợp khác để nhắc lại việc tục lệ lấy ân tình ràng buộc.

Thầy dạy học, hàng năm đã có lương vua, hoặc như ngày nay đã có lương chính phủ nhưng Tết đến học trò không bao giờ quên thầy, nói chi đến những ông đồ dạy học quanh năm không có lương vua hoặc lương chính phủ, ngày Tết học trò có bốn phận phải nghĩ đến thầy, và phải nghĩ đến một cách rất chu đáo.

Các ông lang chữa cho khỏi bệnh, tuy đã trả tiền ông lang, nhưng cũng không bao giờ quên ơn ông đã cứu mình thoát bệnh. Hàng năm, mỗi lần Tết đến con bệnh lại nhớ tới ông lang, và ít nhiều cũng kiếm chút lễ mọn tới tết ông lang để tỏ lòng biết ơn.

Con nợ biếu tết chủ nợ phần vì sự giúp đỡ của chủ nợ đã cho mình vay tiền trong lúc túng thiếu, và cũng nhân dịp để khất nợ.

Dân biếu tết quan, kẻ dưới biếu tết người trên đều là vì tình cảm ân nghĩa, không ai bắt buộc nhưng ai cũng nghĩ đến sự ăn ở sao cho phải đối với những người đã có ơn với mình.

Bạn bè biếu tết nhau cũng vậy, đây là những dịp để chứng tỏ sự quý mến bạn hữu đối với nhau, nghĩ đến nhau.

Tôi tưởng cũng nên nói tới trường hợp các chàng rể chưa cưới biếu tết bố mẹ vợ tương lai. Biếu Tết thật là

trịnh trọng để tỏ lòng biết ơn các người đã sinh ra vị hôn thê của mình. Sau khi cưới được vợ rồi, hàng năm các chàng rể cũng không bao giờ quên Tết bố mẹ vợ.

BỮA TIỆC TẤT NIÊN

Các bạn hàng buôn bán sống với nhau thành phường, những công chức cùng làm tại một dinh, một sở, nhân ngày Tết đều có bữa tất niên để cùng nhau họp mặt trước khi chia tay về ăn Tết.

Các bạn hàng trong buổi tất niên có sửa lễ cúng Thánh sư rồi cùng nhau ăn uống.

Các công chức nơi công sở lấy bữa tiệc tất niên để cùng vui và nhân đó chúc tết nhau trước khi ai nấy về quê ăn tết.

BUỔI HỌC TẤT NIÊN

Tại các lớp học, có buổi học tất niên. Nhân buổi học này, trò chúc tết thầy, và thầy gửi lời chúc tết bố mẹ học sinh và cùng nhau chúc cả học sinh một cái tết vui vẻ.

Trong buổi học tất niên này, thầy trò thường đem những truyện trong niên học ra nhắc lại và cùng nhau nói về truyện Tết thay vì học hành như những buổi học trước.

Trong buổi học này, học trò đốt pháo để mừng thầy, cũng như trong các bữa tiệc tất niên, thường có đốt pháo để tiệc thêm vui.

PHIÊN CHỢ TRÈ CON VÀ PHIÊN CHỢ TẾT

Đây là phiên chợ họp sau phiên chợ cuối của năm, thường vào ngày 28 hoặc 29 tháng chạp. Gọi là phiên chợ trẻ con, vì dân quê, trong ngày phiên chợ này, chợ nào họp ngày nào thường thành lễ, bố mẹ cho trẻ con tiền để đi sắm tết, tức là đi mua tranh mua pháo.

Cần phân biệt phiên chợ trẻ con với phiên chợ Tết. Phiên chợ tết là phiên chợ cuối cùng của năm, tùy theo từng chợ họp từ ngày 26 đến 30 tháng chạp. Chợ vùng quê họp một tháng sáu phiên, chợ làng này vào ngày một tháng sáu, chợ lân cận vào ngày hai ngày bảy, chợ một làng thứ ba vào ngày ba ngày tám, rồi một chợ vào ngày bốn ngày chín, lại một chợ vào ngày năm ngày mười. Trong một vùng mỗi ngày thường có hai ba chợ họp, và ngày hôm sau lại hai ba chợ khác. Phiên chợ Tết sớm nhất vào ngày hai mươi sáu tháng chạp đối với những chợ ngày họp là ngày một và ngày sáu, và phiên chợ Tết muộn nhất vào ngày ba mươi, hay nếu tháng thiếu vào ngày hai mươi chín tháng chạp đối với những chợ ngày họp là ngày bốn ngày chín hoặc ngày năm ngày mười.

Trong phiên chợ Tết, người bán hàng muốn bán hết hàng, nhất là trong những phiên chợ vào mấy ngày hai mươi chín, ba mươi Tết, và người sắm tết cũng cố mua cho đủ những cái gì còn thiếu.

Các ông đồ, nhân dịp phiên chợ Tết cũng đem bán

chữ. Người ta nhờ các ông viết cho những đôi câu đối, những bức đại tự v.v...

THĂM MỘ GIA TIÊN

Tây phương thường cho ta gần người chết hơn họ. Thực vậy, thi hài của tổ tiên ta thường mai táng ngay giữa thửa ruộng của chúng ta, và quanh năm trong những dịp vui mừng hay tang tóc, chúng ta đều khấn tới gia tiên, đều đi viếng mộ để đắp thêm mấy vầng đất, cắm mấy nén hương.

Và Tết, vui xuân, người Việt cũng muốn gia tiên về hưởng Tết. Bởi vậy, ở nhiều nơi, sau khi sắm sửa Tết xong người ta có tục đi viếng mộ, đắp lại mộ, thắp hương khấn mời hương hồn những người đã quá cố về hưởng Tết.

Làng Đáp Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh, hàng năm vào ngày 30 tháng chạp, dân làng đều đi viếng mộ khấn mời gia tiên về ăn Tết.

Tục này có ở rất nhiều nơi khác.

SÚC SẮC SÚC SẼ

Tối hôm ba mươi Tết, ngày xưa tại các làng xã, các trẻ em nghèo, họp nhau thành từng bọn rủ nhau đi chúc Tết, tuy chưa hẳn là ngày Tết.

Các em, mỗi bọn có một chiếc ống trong đựng tiền, thường là ống tre. các em tới từng gia đình, và các em cùng nhau hát, vừa hát vừa lắc ống tiền:

Súc sắc súc sẻ.
Nhà nào còn đèn còn lửa
Mở cửa cho chúng tôi vào:
Bước lên giường cao
Thấy đôi rồng ấp;
Bước xuống giường thấp,
Thấy đôi rồng châu;
Bước ra đằng sau
Thấy nhà ngói lợp
Voi ông còn buộc,
Ngựa ông còn nằm.
Ông sống một trăm
Linh năm tuổi lẻ
Vợ ông sinh đẻ
Những con tốt lành;
Những con như tranh,
Những con như rỗi.
Tôi ngồi số tôi
Tôi đối một câu.
Đối rằng:
Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ;
Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh.

Các em vừa súc sặc súc sế vừa hát, trong lúc gia đình chủ nhà chăm chú nghe, và sau câu hát gia đình nào cũng tận các em chút ít tiền, tiền đó các em bỏ luôn vào ống. Tục cho rằng, các em đến đem sự may mắn lại. Không gia đình nào không tặng tiền các em. Nhiều ít ai cũng tặng các em một số tiền-trước khi các em rời sang nhà khác.

ĐÒI NỢ CUỐI NĂM

Các chủ nợ có lệ cuối năm thằng thúc con nợ, cố đòi cho được số tiền đã cho vay, dù rằng đòi được tiền về để đấy. Người ta cho rằng, nếu không đòi được tiền trước giao thừa, ngày hôm sau, món tiền nợ đã ra nợ cũ, và ngày mồng một đầu năm và những ngày sau nữa, người ta không dám đòi nợ, vì con nợ kiêng sợ giông. Đòi nợ vào ngày Tết, không những con nợ không trả nợ, mà có khi còn mắng lại chủ nợ vì không biết kiêng cho mình.

Tục lệ như vậy nên cái ngày tất niên này. những người có nợ làm ăn kém may mắn không có tiền trả mà khát chủ nợ không chịu, đành phải đi trốn nợ cho đến lúc giao thừa mới trở về.

Ta có câu:

Khôn ngoan, đến cửa quan mới biết,

Giàu có ba mươi Tết mới hay.

Đến cửa quan, người khôn ngoan đủ lý lẽ để đối

đáp, còn người giàu có, ba mươi Tết không có chủ nợ tới réo ngô thằng thúc.

CÚNG GIA TIỀN

Chiều ba mươi Tết, mọi việc sửa soạn đã xong xuôi, sau khi đã đi viếng mộ gia tiên về, người ta sửa lễ cúng gia tiên, và sau đó đèn nhang, nhất là nhang phải giữ thấp suốt mấy ngày tết cho tới khi hóa vàng.

Trong mấy ngày này, trên bàn thờ luôn luôn có sự hiện diện của tổ tiên. Để giữ cho hương khói bị tắt, từ chiều ba mươi Tết, người ta thường dùng *hương vòng* hoặc *hương sao*. Hương vòng là một cuộn hương thấp được suốt đêm tới sáng, còn hương sao là một cây hương thật to, có thể thắp được suốt ngày đêm mới hết.

Ta cúng gia tiên lúc chiều ba mươi Tết, bởi vậy, lúc cúng giao thừa, ta không cúng gia tiên nữa.

Cúng với lễ cúng gia tiên, lễ tất nhiên phải có cúng Thổ Công.

Cúng gia tiên ba mươi Tết, sáng ngày mùng một cũng lại cúng. Và trong mấy ngày Tết cho đến khi hóa vàng, ngày hai buổi có lễ cúng gia tiên.

VĂN KHẤN GIA TIỀN

Cúng tổ tiên cũng phải có văn khấn, như cúng Thổ Công và cúng giao thừa. Dưới đây là một mẫu văn khấn tổ tiên trong ngày Tết:

Duy Đại Việt Đình Mùi niên,

xuân thiên , chính nguyệt sơ nhất nhật.

Kim thâu phụng sự Đàm sĩ Nguyễn, sinh quán Quất Động xã, Thường Tín phủ, Hà Đông tỉnh, toàn gia cư ngụ Tân Sơn Nhì xã, Tân Bình quận, Gia Định tỉnh, đồng gia quyến đẳng, khê thủ, đốn thủ bách bái.

Cầu di hương đăng, kim ngân hoa quả, mâm bần cụ vật, phù lưu thanh chúc, thứ phẩm chi nghi cảm kiến cáo vu.

Cung thỉnh

Đàm môn lịch đại tổ tiên, tự cao, tăng, tổ khảo, cao tăng tổ ti, tổ khảo, tổ ti, hiền khảo, hiền ti, thúc, bá, đệ, huynh, cô di, ti, muội đồng lai tâm chứng giám.

Ngưỡng vọng

Bào hộ gia đình, tự lão chí ấu hạnh phúc an Khang, vạn sự hanh thông, nhân tăng vật vượng.

Thượng hương

LƯỢC DỊCH

Nước Đại Việt, năm Đinh Mùi, tiết xuân ngày mồng một tháng Giêng.

Nay con giữ việc phụng thờ tên là Đàm Sĩ Nguyễn, sinh quán tại xã Quất Động phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông, hiện nay toàn gia cư trú tại xã Tân Sơn Nhì, quận Tân Bình, Tỉnh Gia Định, đồng gia quyến cúi đầu trăm bái.

Kính cần có hương đèn, vàng bạc, hoa quả, cỗ bàn

nhà nước trầu cau cùng mọi phẩm vật dâng lên.

Kính mời các cụ họ Đàm, kỵ, ông, và, cha mẹ, chú, bác, anh, em, cô, dì, chị, em cùng về chung vui.

Giám mong

Tiên tổ bảo hộ gia đình, từ già đến trẻ, hạnh phúc an khang, vạn sự hanh thông, người tăng vật vượng.

Thượng hưởng

Người gia trưởng khấn lễ tổ tiên xong, toàn thể người nhà đều lần lượt theo thứ bậc tới lễ trước bàn thờ. Trong lúc đó đến đón mừng tổ tiên về cúng còn cháu, một tràng pháo nổ ran ở ngoài sân, xác pháo tung bay như muốn khoe sắc thắm cùng muôn hồng ngàn tía của trời xuân. Mùi khói pháo thơm quyện với mùi hương khói khiến khiến cảnh Tết càng duộm vẻ tung bừng trong thân mật.

CHÚC TẾT

Sáng ngày mùng một, các cụ sau khi đã làm lễ tổ tiên xong, ngồi ở nhà thờ để con cháu tới lạy mừng chúc Tết. Con cháu chúc các cụ một năm mạnh khỏe bình yên khang thái. Các cụ cũng chúc lại con cháu những điều tốt đẹp.

Trong lúc chúc Tết các cụ, con cháu thường dâng các cụ hoặc một món quà Tết như bánh trái, hoặc một món tiền đặt trong một bao giấy hồng. Tiền này gọi là tiền mở hàng đem may mắn lại cho các cụ.

Các cụ cũng mở hàng lại cho con cháu. Tiền mở hàng của cụ cho con cháu gọi là tiền mừng tuổi.

Giàu nghèo các cụ cũng mừng tuổi cho con cháu, giàu thì nhiều tiền, nghèo cũng mừng tuổi tượng trưng một vài đồng tiền để cho con cháu được gặp tốt đẹp quanh năm.

Tại các xã, các cụ được đại diện dân làng mừng tuổi chúc Tết ngay tại đình, sau buổi lễ cùng đức thần linh sáng ngày mồng một. Ta có những bài chúc Tết riêng trong những dịp này.

Năm cũ đã qua,

Năm mới đã đến,

Bước vào đình trung

Tôi xin kính chúc:

*Trước tôi chúc thánh cung bạn tuế, tại thượng dương
dương, bảo quốc hộ dân, lưu ân, tích phúc.*

*Tôi lại chúc kỳ lão sống tám chín mươi, thọ càng
thêm thọ.*

*Tôi lại chúc quan viên trùm lão, niên tăng, phú quý,
nhật trưởng vinh hoa.*

*Tôi lại chúc quan lại bình viên ta đột pháo xông tên,
công thành danh toại.*

*Tôi lại chúc đồng trang thượng hạ, già sức khỏe, trẻ
bình yên, nhờ đức Vua nhà no người đủ; các xướng Thiên
thu vạn tuế*

Trên đây là lời chúc Tết chung tại đình làng, tại các thôn xóm, các phường, dân chúng cũng có họp nhau để cùng chúc Tết các ông trùm phường, đây là các phường buôn bán, các phường nghề nghiệp và các thủ chỉ thôn cũng như mọi người đồng thôn đồng phường.

CHÚC TẾT VỌNG

Tại triều đình, nhân ngày nguyên đán, các quan đại thần họp nhau lại chúc Tết nhà vua. Tại các tỉnh, các quan tỉnh cũng cùng nhau họp tại vọng cung để chúc tết vọng nhà vua.

Đối với những người ở xa xôi không về tận nhà, đến tận nơi chúc Tết được, người ta thường dùng thư để chúc Tết, đây cũng là một lối chúc vọng, như ngày nay người ta dùng thiệp gửi cho nhau để chúc mừng năm mới vậy.

MỪNG TUỔI

Với năm mới, người ta thêm một tuổi. Đó là một điều đáng mừng: đối với người già là tăng thêm tuổi thọ, đối với các em bé là thêm tuổi để thêm lớn. Bởi vậy, như trên đã trình bày, trong lúc chúc tết người ta có lệ mừng tuổi.

Tiền mừng tuổi phong bao trong những giấy hồng, bao giờ cũng có tiền lẻ, có ý là tiền đó sẽ sinh sôi nảy nở thêm nhiều.

Tiền mừng tuổi còn gọi là tiền mở hàng để lấy may. Bạn bè gặp nhau cũng thường mở hàng cho nhau để lấy may mắn.

Tiền mở hàng, người ta thường giữ cất đi, ít khi lấy ra tiêu dùng, trừ trường hợp bất đắc dĩ.

Trong Nam mừng tuổi các trẻ em gọi là lì xì

Ngày Tết các chú các cô đi thường mừng tuổi cho các cháu, và những khi tới nhà một người bạn chúc Tết, có trẻ nhỏ người ta cũng thường mừng tuổi cho các em, hay khi một người bạn tới nhà mình chúc Tết, có trẻ nhỏ đi theo, chủ nhà thường mừng tuổi cho em nhỏ, mừng tuổi để em hay ăn chóng lớn, học hành thông minh sáng láng, khỏe mạnh và ngoan ngoãn.

XÔNG NHÀ

Tục này đã trình bày ở trên khi nói về mấy tục lệ trong đêm trừ tịch.

Trong trường hợp người nhà không có ai tự xông nhà lấy, người ta phải kén người xông nhà. Người được kén là người tốt vía là đàn ông nhanh nhẹn để dãi sáng mỏng một tới xông nhà, mang lại ảnh hưởng tốt đẹp cho nhà chủ quanh năm.

Người đến xông nhà đốt bánh pháo để mừng nhà chủ và chúc tụng nhà chủ những điều may mắn quanh năm.

Nhà chủ cũng chúc tụng lại khách xông nhà và cảm

ơn khách đã mang lại sự may mắn cho nhà mình.

Xông nhà còn được gọi là xông đất.

XUẤT HÀNH

Tục này cũng đã trình bày ở trên về tục lệ đêm trừ tịch, nhưng có nhiều người không xuất hành vào đêm trừ tịch mà người ta còn kén ngày kén giờ.

Những người làm ăn, quanh năm phải ra đi, nhân ngày tết thường chọn ngày giờ để xuất hành và thường người ta đi khỏi đất làng xã mình, hay ít nhất cũng ra khỏi thôn mình.

Người ta chọn hướng. Mỗi năm chỉ có một hướng hợp. Ra đi theo hướng tốt bằng một lối và lúc trở về làng mình lại theo một lối khác. Không ai xuất hành nghịch hướng vì e gặp sự không may trong năm.

Người ta lại kén ngày kén giờ, vì trong ba ngày đầu năm có ngày xấu, có ngày tốt, và một ngày có giờ xấu có giờ tốt. Người kiêng kỵ chỉ xuất hành nhằm hôm tốt ngày vào giờ hoàng đạo.

Trong một làng, thường thường dân làng theo một hướng xuất hành, cùng đi trên một nẻo đường. Họ gặp nhau vui vẻ lắm, chúc tụng lẫn nhau, nói nói cười cười, áo quần xúng xính.

Đi xuất hành, người ta đồng thời hái lộc như đã nói ở trên.

LỄ TẾT

Dân ta thờ phụng tổ tiên. Người ta thờ phụng tổ tiên nhà mình, lại tôn trọng cả tổ tiên người khác. Nhân ngày Tết, người ta đến nhà nhau, trước là để lễ Tết, sau là để chúc tụng lẫn nhau.

Việc lễ Tết các cụ là một việc rất hệ trọng. Ngày Tết, các cụ đi lễ hết nhà họ xa họ gần trong làng, và khắp hết các nhà lân bang hàng xóm. Các cụ đi không hết, các cụ cất con cháu đi thay.

Đừng ai tưởng đi lễ Tết như vậy, nhẹ nhàng. Rất mệt. Đến mỗi nhà phải lễ trước bàn thờ bốn lễ, ba vái, phải lên gối, xuống gối cúi đầu. Có nhiều nhà, có ông bà mới mất, thờ riêng một bàn thờ, khách đến lễ tết phải lễ cả ở bàn thờ này. Đi lễ như vậy, đi suốt buổi, khắp họ hàng bạn bè, hàng ngày phải lên gối xuống gối mấy trăm lần. Tới mỗi nhà lại chúc Tết nói chuyện ăn trầu uống nước. Có nhà lại ép mời khách ném bánh chưng, xoi chè làm bánh nóng, mút kẹo do nhà làm ra. Khách không dám từ chối sợ làm giông chủ nhà.

Người mỗi mệt vì lễ bái, bụng luôn no vì ăn uống, môi cắn chỉ vì nhai trầu. Lại thêm suốt ngày phải bận quần áo chỉnh tề, khăn đóng áo dài, chân đi giày đi dép. Tuy vậy, vẫn không ai nhãng việc lễ Tết. Đây là một bổn phận đối với họ hàng bạn bè. Người ta đến lễ tổ tiên mình, mình phải đáp lễ.

Đi lễ Tết như ngày nay đi chúc Tết ở thành thị. Ở

thành thị, bây giờ người ta đến chúc tết nhau vì xã giao, còn xưa kia, mục đích chính của việc đi chúc Tết là lễ Tết trước rồi mới chúc Tết sau.

B, MẤY LỄ ĐẦU XUÂN

Với Tết Nguyên Đán, một năm mới bắt đầu, mọi việc đều phải mới. Bao nhiêu những điều cũ như muốn lùi lại cùng năm cũ.

Chính vì vậy, người ta đã sửa soạn đón năm mới một cách trịnh trọng theo nghi lễ cũng như trên thực tế. Rồi với đầu xuân tới, có những lễ đầu xuân để bắt đầu cho một năm. Những lễ này xưa kia, dân ta rất chú trọng, từ vua đến dân, từ quan đến lính, không ai là không theo để cầu mong lấy một năm mưa hòa, gió thuận, phát đạt, thịnh vượng.

Những lễ đó là ĐÔNG THỔ, LỄ KHAI HẠ, lễ HA ĐIỀN, lễ THUẬN NGUYÊN, và riêng đối với nhà vua còn có lễ DU XUÂN, lễ KHAI ẮN, các quan chức có kiểm ẮN thường cũng làm lễ này.

Ngoài các lễ trên được cử hành khi Lập xuân hoặc sau khi xuân tới, có những lễ được sửa soạn trước để đón mùa xuân; Lễ BAN SỐC, lễ PHÁT THỨC, đây không kể lễ TỐNG CỤU NGHINH TÀN.

LỄ ĐỘNG THỔ

Động thổ theo Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh nghĩa là động đến đất. Vậy lễ Động Thổ nghĩa là lễ động đất, và trong khi động đất phải có lễ cúng Thổ Thần để trình xin bắt đầu động đến đất cho một năm mới.

NGUỒN GỐC TỤC LỆ

Theo các sách cổ, nguồn gốc lễ Động thổ bắt đầu từ năm 113 trước Thiên chúa giáng sinh.

Nguyên năm đó là năm Mậu Thìn, vua Hán Vũ Đế thấy triều đình chỉ có tục tế Trời mà không tế Đất mới bàn cùng quần thần, và sau đó đặt ra nghi lễ Hậu Thổ, tức là Thần Đất, còn gọi là xã tế.

NGHI THỨC

Nghi thức tế thần đất như sau:

Đào một ao, ở giữa có một nền tròn; trên nền tròn có năm bệ, trên mỗi bệ đều có lễ Tam sinh gồm bò, dê, lợn. Lễ phục của mấy vị chủ tế và bồi bái đều màu vàng.

Lễ Xã Tế đầu tiên do Vua Hán Vũ Đế chủ tế và cử hành tại đất Hoài Khưu gần sông Phàn.

Lễ Động Thổ bắt đầu từ đó, nhưng đến năm vua Hán Thành Đế lên ngôi, năm 32 trước Công nguyên có lệnh bãi bỏ lễ này.

Về sau vì có thiên tai xảy ra, nên lễ Xã Tế lại được tái lập và tồn tại mãi về sau.

Lễ xã Tế chia làm năm bậc dành cho Hoàng đế, các vua chư hầu và các quan đại phu trở xuống và có tác dụng khác nhau.

Đại Xã, Hoàng Đế chủ tế, làm cho toàn dân, kể cả dân các nước chư hầu.

Vương Xã, Hoàng Đế chủ tế, làm lễ cho riêng mình. Quốc Xã, vua chư hầu chủ tế làm lễ cho toàn dân của nước chư hầu liên hệ.

Hầu Xã, vua chư hầu chủ tế làm cho riêng mình.

TRí xã, Quan đại phu trở xuống chủ tế, làm lễ cho từng địa phương.

XÃ TẾ TẠI VIỆT NAM

Xưa kia, tại Việt Nam, lễ này cũng được tổ chức từ triều đình tới dân gian, nhưng về sau lễ này chỉ còn tồn tại trong dân chúng, tại triều đình. Thần Đất đã có tế trong dịp tế Nam Giao.

Hàng năm, sau ngày mồng ba Tết, tại các làng có làm lễ Động Thổ để cho dân làng có thể đào cuốc xới được.

Chính ra thì ngày lễ Động Thổ không nhất định là ngày nào, nhưng để giúp dân chúng tiện việc làm ăn, nhiều làng thường cử hành lễ này sau ba ngày Tết.

Các bậc kỳ lão và quan viên được cử làm chủ tế và

bồi tế để cúng thần đất. Lễ vật cũng gồm hương đăng, trầu rượu, y phục và kim ngân đồ mã.

Trong buổi lễ, ông chủ tế với nguyên áo thụng xanh, cuốc mấy nhát cuốc xuống đất để lấy một cục đất đặt lên bàn thờ, tường trình với Thổ thần xin cho dân làng được động thổ.

Sau buổi lễ Động thổ này, dân làng mới được động tới đất. Ai cuốc xới trước lễ động thổ bị dân làng bắt vạ.

Trong ba ngày Tết, nếu không may có ai mệnh chung, tang gia phải quàn lại trong nhà, đợi lễ Động thổ xong mới được đào huyệt an táng.

LỄ KHAI HẠ

Theo tục lệ Việt Nam, ngày mồng bảy tháng Giêng là ngày lễ Hạ nêu.

Cây nêu trồng trong năm, khi sửa soạn đón Tết cùng với cung tên bằng vôi trắng vẽ trước cửa nhà để trừ ma quỷ, nay được hạ xuống.

Lễ Hạ nêu còn gọi là lễ Khai hạ, mọi công việc thường xuyên, người ta chỉ bắt đầu sau ngày lễ này, tuy tại vùng quê người ta vẫn ăn chơi, vì tháng Giêng là tháng ăn chơi, và vì lúc đó, công việc đồng áng đã vội.

SỰ TÍCH CÂY NÊU

Cây Nêu người ta trồng để trừ ma quỷ có sự tích sau:

Tục truyền ngày xưa, khi Tết đến, bọn ma quỷ hay tới quấy nhiễu dân gian. Dân gian kêu đức Phật, Phật liền ra tay bắt bọn ma quỷ. Bọn ma quỷ sợ đức Phật, không dám quấy nhiễu, nhưng chúng hỏi ở đâu là đất của Phật để chúng tránh xa. Phật đáp:

- Ở đâu có phước, có chuông, có khánh đây là đất của Phật.

Ma quỷ lại hỏi địa giới của Phật đến đâu và lấy gì làm phân biệt.

Phật bảo chúng là ở đâu có vết vôi trắng là địa giới của Phật.

Sau đó, ngày Tết người ta dựng cây nêu, trên ngọn nêu có treo khánh sành và phước giấy, và ở trước nhà có rắc vôi bột thành hình cung tên để trừ ma quỷ. Ma quỷ thấy cây nêu và vôi trắng không dám tới vì sợ Đức Phật.

Nguồn gốc lễ khai hạ

Lễ khai hạ, người Trung Hoa gọi là Lễ nhân nhật, nghĩa là ngày của Người.

Theo sách Phương sóc chiêm thú thì tám ngày đầu năm mỗi ngày thuộc riêng về một giống:

Mồng	1	thuộc giống	GÀ
-	2	-	Chó
-	3	-	Lợn

-	4	-	Dê
-	5	-	Trâu
-	6	-	Ngựa
-	7	-	Người nên được gọi là Nhân nhật
-	8	-	Thóc

Nhân ngày Nhân nhật là ngày của giống Người nên người ta làm lễ cúng Trời, Đất để đánh dấu ngày đó.

Người Việt Nam, nhân dịp này, ngoài lễ giữa Trời cúng Trời, Đất, còn sửa lễ cúng Gia tiên, cúng Thổ Công và cúng Thần Tài. Thường sau lễ này, những người buôn bán mới bắt đầu đi chợ, mở cửa hàng.

LỄ KHAI HẠ NGÀY NAY

Ngày nay, nhiều nơi không còn lễ Khai hạ nữa tuy nhiên tại các gia đình Trung Hoa và Việt Nam, nhất là những gia đình buôn bán đất, phát đạt, thịnh vượng quanh năm, người ta cúng gia tiên, cúng Thổ công, cúng Thần Tài và có một số người vẫn cúng Trời, Đất như cổ lệ.

LỄ THẦN NÔNG

Thần Nông tức là vị Hoàng Đế trung hoa đầu tiên đã dạy dân nghề làm ruộng, chế ra cây bừa và là người đầu tiên đã làm lễ Tịch điền hoặc Hạ điền.

Lễ Thần Nông tức lễ tế vua Thần Nông để cầu mong sự được mùa và nghề nông phát đạt.

Trên các quyển lịch hàng năm của người Trung Hoa cũng như của ta thường có vẽ một mục đồng dắt một con trâu.

Mục đồng tức là vua Thần Nông, còn con trâu tượng trưng cho Nghề nông.

Hình mục đồng cũng như con trâu thay đổi hàng năm, tùy theo sự ước đoán của cơ sở dự báo khí tượng về mùa màng năm đó tốt hay xấu.

Năm nào được mùa, Thần Nông giày dép chỉnh tề, còn năm nào mùa kém. Thần Nông có vẻ như vội vàng hấp tấp nên chỉ đi giày có một chân.

Con trâu đổi màu tùy theo hành của mỗi năm, vàng, đen, trắng, xanh, đỏ đúng với Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Hàng năm xưa có tục tế và rước Thần nông tại triều đình.

NGHI THỨC LỄ TẾ THẦN NÔNG

Lễ Tế Thần Nông hàng năm cử hành vào ngày Lập Xuân, bởi vậy nên Thần Nông còn được gọi là Tê Xuân.

Theo chỉ dụ của vua Minh Mạng trước đây, hàng năm sau tiết Đông chí, tòa Khâm thiên giám phải lo soạn việc tế Thần nông, tra cứu theo lịch để nặn tượng

cho đúng với sự ước lượng về mùa màng và tô sắc trâu.

Trước ngày Lập Xuân hai ngày, tại gần cửa Đông Ba ngày nay tức là cửa Chính Đông, các quan Khâm thiên giám, cho lập một cái đài Hướng Đông. Trâu và tượng Thần Nông cũng được đưa tới lưu tại phủ Thừa Thiên để ngày hôm sau các quan trong phủ mời rước từ phủ tới đài. Các quan vận lễ phục, có lính vác gươm đao, tàn lọng, cờ quạt đi theo.

Tới đài thì một lễ đơn giản được cử hành như có ý để trình với thần linh tượng và trâu. Sau đó, trâu và tượng Thần Nông lại được khiêng về kho.

Hôm Tế xuân lại được rước ra đài, nhưng lần này đi rước là các quan bộ Lễ và các quan tỉnh Thừa thiên. Khi đám rước đi qua cung vua, một viên Thái Giám vào tâu Vua biết, sau đó, đám rước lại tiếp tục đi và khi đi qua bộ Lễ, một viên quan đánh vào đất trâu ba roi, có ý thôi thúc cho trâu phải làm việc.

Tới đài các quan làm lễ tế Thần Nông theo n hư nghi lễ các cuộc tế khác.

Tế Thần Nông xong, trâu và tượng Thần Nông lại có quân lính khiêng cất vào kho.

Năm Minh Mạng thứ hai, nhà vua ra lệnh phải chôn trâu và tượng Thần Nông sau mỗi cuộc tế.

Từ năm Khải định thứ ba, để đỡ tốn kém, trâu và tượng Thần Nông từ trước vẫn nặn bằng đất, nhà vua ra

chỉ dụ thay trâu và tượng vẽ trên vải.

Lễ Thần Nông nếu rơi đúng vào một ngày kỵ tại làng miếu, lễ vẫn cử hành, nhưng các quan tham sự không được mặc áo đỏ hoặc tía, và ban nhạc tuy có mặt cũng không được ức nhạc.

Tại các tỉnh, trong ngày Lập Xuân cũng có lễ tế Thần Nông, và lễ cũng được sửa soạn từ sau ngày Đông Chí. Các quan tỉnh phụ trách việc hành lễ. Trâu và tượng Thần Nông cũng được đem chôn sau buổi lễ như tại kinh đô.

LỄ TỊCH ĐIỀN

Lễ Tịch điền còn gọi là lễ Hạ Điền. Chính vua Thần Nông là người đặt ra lễ này. Hàng năm xưa kia mỗi lần xuân đến, Nhà Vua lại tự thân cấy mấy luống ruộng để làm gương cho dân chúng để cử hành lễ Tịch Điền.

LỄ TỊCH ĐIỀN TỪ KHỞI THỦY

Lễ Tịch điền được cử hành trong một ngày hội đầu xuân. Nhà vua ngự trên một cỗ xe, đem theo cây bừa đi thẳng tới sớ Tịch Điền, có văn võ bách quan theo hầu, quân lính và dân chúng theo sau.

Nhà vua xuống ruộng cấy ba luống, các vương công chư hầu cấy năm luống, các công khanh đại phu cấy bảy luống, sĩ cấy chín luống. Sau đến lượt dân chúng cũng cấy bừa thửa ruộng này, một thửa ruộng dành

niêng, lấy hoa màu dùng trong việc cúng lễ . Hạt giống gieo vào thửa ruộng cũng chính là lựa chọn đám thóc đã gặt được vụ trước.

Lễ Tịch Điền lúc đầu giản dị như vậy,nhưng về sau có nhiều sự thay đổi như việc thêm lễ Tam sinh và có ca hát những bài đồng ca đồng áng về đời nhà Hán. Đến đời nhà Tống nghi lễ càng thêm phiền phức như đắp đài sơn xanh cao 9 thước, làm nhà trên đài v.v...

LỄ TỊCH ĐIỀN TẠI VIỆT NAM

Cũng như các nghi lễ khác, ta cũng dùng nghi lễ Tịch Điền của người Tàu, và lễ này du nhập sang nước ta cùng với sự nội thuộc Hán Tộc.

Theo sử, chính vua Lê Đại Hành đã cấy ruộng và trong hai lần cấy, nhà vua được một lần chum bằng vàng và một lần một chum bằng bạc, và những thửa ruộng dùng để cấy trong lễ Tịch điền do đó có tên là Kim ngân điền.

Các vua nhà Lý cử hành lễ Tịch điền rất trọng thể.

Các vua nhà Trần vẫn giữ lễ này, nhưng lễ cử hành đơn giản. Qua đời nhà Hậu Lê, đến nhà Nguyễn, lễ này được vua Minh Mạng rất chú ý, và lễ được cử hành long trọng.

NGHI LỄ TỊCH ĐIỀN TRIỀU NGUYỄN

Các quan bộ Lễ trình rõ nhà vua ngày lễ.

Trước ngày lễ một hôm, tại cửa Tả Đoan, sáu thế

đình, chiếc bàn chung quanh có phủ lụa, được thiết lập.

Các quan tỉnh Thừa Thiên sắp sửa sẵn cày bừa và một thúng thóc đặt trên các thể đình rồi nhà vua được rước ra ngự lăm. Cày bừa nhà vua dùng và thóc giống được rước lên long đình mang tới, sở Tịch Điền có lính tráng, cờ quạt theo hầu. Tại đây long đình được đặt gần chiếc chiếu của vua, gọi là đế tịch.

Các thể đình cũng được mang tới và đặt gần chiếu của các quan, gọi là quan tịch.

Sở Tịch Điền đặt tại phường Yên Trạch và hậu Xanh là nơi cử hành lễ có xây một đài để nhà vua tới xem gọi là đài quan canh, và có sẵn nhà kho để chứa cày bừa, thóc giống dùng vào việc lễ gọi là phần khố.

Sáng hôm hành lễ, chiêm trống vang lừng, quân dân sắp hàng hai bên đường, vua đi tới nơi hành lễ- đường này cờ xí rợp trời, có voi ngựa đứng hầu, lại thêm phường nhạc đội khăn mặc áo đỏ, mang cờ ngũ hành, chân đi hia đứng dàn hầu.

Đúng giờ Mão, nhà vua bắt đầu từ trong cung đi ra, đầu đội mũ cửu long, mình mặc áo vàng. Bấy phát sùng lệnh được bắn lên báo hiệu vua đã khởi hành. Tới nơi hành lễ, nhà vua ra tay rồi bắt đầu dự lễ, tế ba tuần rượu. Tế xong, phường nhạc nổi lên, và nhà vua sang nhà cụ phục để thay áo, đội một chiếc khăn, mặc một chiếc áo chiến. Sau đó nhà vua ra cày.

Nhà vua cày bằng một chiếc cày sơn vàng, tay trái

cắm roi. Có bốn vị bô lão, chức sắc giúp nhà vua cày và đất hai con bò có phủ lụa vàng. Hai vị quan đi theo sau vua, người bưng thúng thóc, người vãi thóc.

Nhà vua cày ba đường, đoạn giao cày và roi cho hai quan theo hầu là quan Phủ doãn Thừa Thiên và một quan bộ Hộ. Cày và roi để lên long đình. Nhà vua đến nhà quan canh để dự xem nốt buổi lễ. Các hoàng thân, các quan văn võ đều phải cày. Hoàng thân cày mười đường, quan văn võ cày mười tám đường. Sau cùng là các chức sắc, các bô lão sở tại cũng ra cày.

Cày xong, vua trở về Đại nội, các dụng cụ cất vào kho, trâu bò giao cho làng sở tại Phú Xuân để trông coi thửa ruộng cho tới mùa gặt.

Đồng thời tại các tỉnh, các xã cũng có lễ Tịch Điền. Ở tỉnh, quan tỉnh mở đầu việc cày, ở xã do ông tiên chỉ hoặc vị kỳ mục nào chức sắc cao nhất trong xã. Việc cử hành lễ Tịch điền tại các xã, nhiều địa phương có những tục lệ riêng.

Đến ngày lễ, vị chủ tế, ông tiên chỉ hoặc vị chức sắc cao nhất trong xã, được dân làng rước ra thửa ruộng riêng của làng dành cho lễ này. Nơi đây có bàn thờ để cử hành cuộc tế lễ. Tế lễ xong, ông tiên chỉ bước xuống ruộng cấy lúa, ruộng là ruộng chiêm nền thường xâm xấp nước. Theo lệ làng ông phải cấy mấy hàng lúa. Trong lúc ông cấy lúa, ông mặc quần áo chỉnh tề. Dân làng đứng ở trên bờ ruộng, chờ lúc ông bắt đầu cấy, họ

dùng nước, có khi cả bùn đất ném vào người ông.

Bị ném ông luỳnh quỳnh, muốn cấy cho mau xong, cấm cây mạ xuống ruộng với vàng, mạ không ăn sâu, lại tự nổi lên, ông lại phải cấm lại, và dân làng té nước, ném bùn vào người ông, vừa té vừa cười rất vui vẻ.

Ông chủ té không giận mà cũng không bỏ dở việc của mình, ông chịu đựng sự té nước, ném bùn và cấy cho xong những hàng lúa. Thật là náo nhiệt tung bừng.

Hành động té nước vào ông tiên chỉ, tượng trưng cho sự tưới nước vào cây lúa, cầu mong cho cây lúa được tốt tươi và có nhiều thóc.

LỄ THƯỢNG ĐIỀN

Đã nói tới lễ Tịch Điền, tưởng không thể nhắc tới lễ Thượng Điền, tuy lễ này không cử hành đầu xuân mà cử hành khi lúa chín. Khi lúa chín, quan tỉnh Thừa Thiên làm lễ rồi gặt hái, chọn thóc dùng cho lễ Tịch Điền năm sau.

Tại các tỉnh, các xã, đều có lễ Thượng Điền để tạ ơn Trời, Đất và vua Thần Nông đã ban cho được mùa.

LỄ DU XUÂN

Lễ Du xuân là lễ nhà vua ngự du lúc xuân sang/

Lễ có từ đời nhà Lê. Ngày mồng một tháng Giêng sau khi các hoàng thân và các quan chúc mừng, nhà vua

ngự du xuân có các quan văn võ đi theo. Ngài mặc áo Hoàng Bào, cưỡi ngựa đi trước. Các quan, lính tráng mang cờ quạt khí giới theo sau.

Triều Nguyễn, các nhà vua không có lễ du xuân.

Mãi tới đời vua Đồng Khánh mới tổ chức lễ du xuân.

Một lần với mục đích để dân chúng thấy nhà vua không bị thực dân Pháp giam lỏng tại kinh thành.

Lễ du xuân của nhà vua, cũng giống như việc người dân xuất hành, vì bộ Lễ phải chọn hướng để nhà vua đi, ngõ hầu quanh năm trong nước được thái bình, Khang thịnh.

LỄ THƯỢNG NGUYÊN HAY LÀ CÚNG RẼM THÁNG GIÊNG

lễ Thượng Nguyên vào ngày rằm tháng Giêng. Từ triều đình đến dân chúng đều có lễ Phật trong ngày này. Ta có câu:

Lễ Phật quanh năm

Không bằng rằm tháng Giêng

Tục ta tin rằng trong ngày rằm tháng Giêng, đức Phật giáng lâm tại các chùa để chứng độ lòng thành của các tín đồ Phật giáo. Trong dịp này, chùa nào cũng đông người tới lễ bái. Các cụ bà đã đi quy, cũng nhân ngày lễ này đến chùa tụng kinh niệm Phật. Các cụ vừa lần tràng hạt vừa kể hạnh, nghĩa là kể lại sự tích của đức

Phật và chư Bồ Tát cũng như sự hy sinh cao cả của các người.

Và những đôi trai gái nặng lòng yên nhau cũng kéo nhau tới trước cửa Phật đài để xin đức Phật phù hộ cho được cùng nhau vẹn nghĩa ba sinh

NGUỒN GỐC LỄ THƯỢNG NGUYÊN

Theo đạo Phật, nguồn gốc lễ Thượng nguyên như sau:

Ngày mồng Một và ngày Rằm mỗi tháng được coi là ngày Phật, các tín đồ Phật giáo trong những ngày này đều rủ nhau đi lễ chùa.

Ngày mồng Một là ngày đầu tháng nhưng đêm lại tối đen, còn ngày Rằm thì đêm có trăng sáng sữa. Trong một năm, ngày rằm đầu tiên là Rằm tháng Giêng nên người ta xô nhau đi lễ Phật.

Trước đây chính là Tết Trạng Nguyên. Nhân dịp này, nhà vua hội họp các ông Trạng để thết tiệc và mời vào vườn thượng Uyển thăm hoa, ngắm cảnh, làm thơ. Ngày xuân đầm ấm, gió mát trăng trong, trăm hoa đua nở, thì hứng rất rào, các ông Trạng cùng nhau thi đua ngâm vịnh ca ngợi cái đẹp của Hóa công cũng như ân đức của nhà vua.

Tết Trạng Nguyên sau được đổi làm Tết thượng nguyên.

Tên cũng còn một tên nữa là Tết Nguyên Tiêu. Nhân

Tết này, ban đêm tại kinh thành và các thị xã có chăng đèn, kết hoa. Ở các nơi như Giang Châu, Tô Châu gần sông nước có cuộc bơi thuyền.

Thuyền được trang hoàng muôn màu sắc, thắp sáng trung, hoa treo rực rỡ. Tại các hý trường và các công viên có nhiều trò vui như đánh gươm, cưỡi ngựa, nhảy múa v.v...

Các văn nhân trong đêm Nguyên tiêu thường họp nhau uống rượu thưởng xuân, vịnh ngâm thơ phú.

Theo các nhà thuật số, ngày Rằm tháng Giêng còn là ngày vía Thiên quan. Nhân ngày này, tại các đền chùa có làm lễ dâng sao, nghĩa là cúng các vị sao để giải trừ tai ách quanh năm.

Cúng lễ dâng sao, người ta lập đàn tràng tam cấp, trên cúng Trời Phật, Tiên thánh, giữa cúng các vì sao thủ mạng, ở dưới cùng cúng bố thí chúng sinh. Mỗi năm mỗi người có một vị sao thủ mạng.

Lễ vật cúng dâng sao dùng hoa quả, trầu cau, xôi oản, chè rượu, vàng mã và cả hình nhân nữa.

Theo một số đồng bào Thượng du miền Bắc, ngày Rằm tháng Giêng còn là ngày giỗ tướng Nùng Chí Cao.

Nùng Chí Cao ở Vân Nam, tự xưng là Linh-Nam Vương, chống nhau với quân Tống, chết vào Rằm Tháng Giêng được giờ linh nên được dân chúng phụng thờ.

Dù lễ thượng nguyên có nguồn gốc nào cũng mặc,

dân ta làm lễ Thượng nguyên vì lòng tôn kính đối với chư Phật, đồng thời có cúng Gia Tiên, Thổ công và Thần tài... Những người gặp năm sao nặng, cũng nhân ngày lễ này làm lễ dâng sao giải hạn.

LỄ KHAI ẤN

Các ấn đã được lau chùi trong năm, ngoài xuân bộ Lễ chọn ngày lành, giờ tốt để làm lễ khai ấn, nghĩa là dùng ấn đóng lên một công văn chỉ dụ.

Thường bản văn đầu tiên được đóng ấn là bản văn tốt lành.

Tục khai ấn này tại các tỉnh, các phủ, huyện, châu, tổng, xã mỗi viên chức có ấn đều chọn ngày khai ấn.

Xưa, người ta có sửa lễ cúng vị thần giữ về ấn, tín trong dịp lễ khai ấn.

NHỮNG LỄ SỬA SOẠN CHO NĂM MỚI

Như trên đã nói, ngoài những lễ thực hiện sau khi xuân sang, hoặc vào ngày Lập Xuân, để đón xuân có những lễ được cử hành trước để sửa soạn những lễ đầu năm như lễ Trừ Tịch, lễ Ban Sóc, lễ Phát thức ...

LỄ BAN SÓC là lễ nhà vua phát lịch năm sau cho quần thần và các hoàng thân. Lịch do Khâm thiên giám soạn. Có hai thứ lịch: Bảo lịch và Quan lịch.

Quan lịch mang dấu của tòa Khâm thiên giám. Lịch phát trong triều trước rồi gửi tới các tỉnh sau.

LỄ PHÁT THỨC tức là lễ lau chùi kim ấn, kim sách, ngọc ấn, ngấn sách. Lễ này tổ chức trong tháng Chạp vào ngày tốt lành do tòa Khâm thiên giám chọn.

MỤC LỤC

Phần một THỜ CÚNG TỔ TIÊN

A. PHÒNG TỰC THỜ CÚNG

- Quan niệm thờ cúng tổ tiên 5
- Cầu cúng lễ bái 6
- Nghi thức cúng cáo gia tiên 9
- Lễ tạ 11
- Văn khấn gia tiên 12
- Săn sóc mộ phần gia tiên 15
- Sớ tạ mộ 16
- Đồ lễ cúng gia tiên 18
- Dầu rế lễ gia tiên 19
- Kiêng tên 19

B. NGÀY GIỖ

- Ngày giỗ đầu (hay tiểu tường) 21
- Ngày giỗ hết (hay Đại tường) 24
- Ngày giỗ thường (hay cát kỵ) 27
- Ngày tiên thường 28
- Cách gửi giỗ 29

● Ngày giỗ chính	31
● Cách hóa vàng	34
● Bài văn khấn ngày giỗ	35
● Bài văn tế ngày giỗ	38
● Bài văn khấn giỗ cha mẹ	40
● Bài văn khấn giỗ vợ	40
● Ngày dỡ rập	41
● Người thiên chúa giáo làm giỗ	42
● Cúng giỗ gửi chùa	43
● Ngày giỗ họ	43
● Những người không ai cúng giỗ	45
● Giỗ hậu	46
● Cúng giỗ với việc lập tự	48
● Hậu điền và kỵ điền	50
● Cửa hương hỏa	51
● Cuốn gia phả với ngày giỗ	51
● Ngày giỗ của những người mất tích	52
● Hải nhi yếu vong với ngày giỗ	53

C. BÀN THỜ GIA TIÊN

● Bàn thờ tổ tiên	54
● Bàn thờ họ	55
● Bàn chi từ đường	57

● Gia từ	58
● Trang trí bàn thờ tổ tiên	59
+ Lốp trong	59
+ Lốp ngoài	61
+ Chiếu y môn	64
+ Tụ đăng	65
● Thần chủ	65
● Gia phả	66
● Hoành phi	67
● Câu đối	68
● Bàn thờ gia tiên ở các nơi đô thị	71
● Bà cô ông Mãnh	74
● Ý nghĩa các đồ thờ	76
● Kết luận	76

Phần hai: CÁC VỊ THẦN THỜ TẠI GIA

A. THỜ THỔ CÔNG	78
● Bàn thờ thổ công	79
● Bài vị thổ công	80
● Định phúc táo quân	81
● Mũ thổ công	82

● Sự tích táo quân	83
● Cúng thổ công	85
● Tết ông công	86
● Bài văn khấn thổ công	87
B. THẦN TÀI	89
● Vị trí và cách xếp đặt bàn thờ thần tài	89
● Sự tích thần tài	90
● Cúng thần tài	91
C. TIỀN SƯ, THÁNH SƯ HAY NGHỆ SƯ	92
● Vị trí và cách sắp xếp đặt bàn thờ thánh sư	93
● Cúng thánh sư	94
D. THẦN TIỀN CHỦ	96
● Vị trí bàn thờ tiền chủ	96
● Các vị thần khác	97
● Đức thánh quan	97
● Thần Hổ	98
● Sơn thần	98
● Mộc tinh	98

Phần ba THỜ PHỤNG TRONG NGÀY TẾT

A. TẾT NGUYÊN ĐÁN	101
● Giao thừa	102
	155

● Lễ trừ tịch	103
● Cúng ai trong lễ giao thừa	103
● Sửa lễ giao thừa	104
● Đại vương hành khiển và pháp quan	106
● Văn khấn lễ giao thừa	107
● Lễ cúng thổ công đêm giao thừa	110
● Máy tục lệ trong đêm trừ tịch	111
+ Lễ chùa, đình, đền	112
+ Kén hương xuất hành	112
+ Hái lộc	112
+ Hương lộc	113
+ Xông nhà	114
+ Đốt pháo	114
● Tục lệ về tết nguyên đán	115
+ Sửa soạn ngày tết	116
+ Trang hoàng nhà cửa	117
+ Gửi tết	118
+ Biếu tết	119
+ Bữa tiệc tất niên	110
+ Buổi học tất niên	121
+ Phiên chợ trẻ em và phiên chợ tết	122
+ Thăm mộ gia tiên	123

+ Súc sắc súc sê	123
+ Đòi nợ cuối năm	125
+ Cúng gia tiên	126
+ Văn khấn gia tiên	126
+ Thu vạ tuê	130
+ Chúc tết vọng	130
+ Mừng tuổi	130
+ Xông nhà	130
+ Xuất hành	132
+ Lễ tết	133
B. MẤY LỄ ĐẦU XUÂN	134
● Lễ động thổ	135
+ Nguồn gốc tục lệ	135
+ Nghi thức	135
+ Xã tế tại Việt Nam	136
● Lễ khai hạ	136
● Lễ thần nông	137
● Lễ tịch điền	139
● Lễ thượng điền	142
● Lễ du xuân	146
● Lễ thượng nguyên hay là cúng rằm tháng Giêng	147
● Lễ khai ấn	150
	151

**PHONG TỤC
THỜ CÚNG TỔ TIÊN
TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC
19 Nguyễn Bình Khiêm Hà Nội - ĐT: 9434239

Chịu trách nhiệm xuất bản:
PGS-TS HOÀNG NAM

Biên tập:
NGUYỄN THỊ CHÍNH

Sửa bản in
MAI ANH

Trình bày bìa
NGUYỄN TUẤN THÀNH

In 1.000 cuốn, khuôn khổ 13x19cm. Tại Xưởng in NXB Văn hoá Dân tộc.
Giấy phép xuất bản số: 18-772/XB-QLXB, cấp ngày 21 tháng 7 năm 2000.
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2001.

PHONG TỤC
THỜ CÚNG
TỔ TIÊN
TRONG GIA ĐÌNH
VIỆT NAM



0701H60

GIÁ: 16.000Đ